

CHƯƠNG I. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ

Tiết 1. Bài 1: LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Ngày soạn: 25.8.2023, Ngày dạy: 6.9.2023

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được các khái niệm lịch sử và môn Lịch sử
- Hiểu được Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần học lịch sử

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Tìm hiểu lịch sử: Thông qua quan sát, sưu tầm tư liệu bước đầu nhận diện và phân biệt được các khái niệm lịch sử và khoa học lịch sử, các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử.
 - + Nhận thức và tư duy lịch sử: Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử với hoàn cảnh lịch sử, vai trò của khoa học lịch sử đối với cuộc sống.
 - + Vận dụng: Biết vận dụng được cách học môn Lịch sử trong từng bài học cụ thể.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất yêu nước, trung thực, nhân ái...

4. Học sinh khuyết tật

- Học sinh biết được khái niệm Lịch sử là gì?

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính (nếu có)

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu hình ảnh về những sự kiện và hỏi: Em hãy nhìn hình đoán tên nhân vật hoặc sự kiện lịch sử trong các bức tranh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS:

- Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Lịch sử là gì?

a) Mục tiêu: Giúp HS nêu được khái niệm lịch sử và bộ môn Lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi theo cấu trúc 4W (What-Where-When-Who) + What - Cái gì: <i>Đây là hình ảnh nói về sự kiện nào?</i> + Where - Ở đâu : <i>Sự kiện lịch sử này diễn ra ở đâu?</i> + When – Khi nào: <i>Diễn ra vào năm nào?</i> + Who – Ai đã: <i>Ai đã lãnh đạo cuộc kháng chiến đó?</i> ? Vậy Lịch sử và môn lịch sử là gì? ? Theo em việc biên soạn các tác phẩm lịch sử có tác dụng gì B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. + What - Cái gì: <i>Đây là hình ảnh nói về sự kiện nào?</i> - Chiến thắng Bạch Đằng + Where - Ở đâu : <i>Sự kiện lịch sử này diễn ra ở đâu?</i> - Trên sông Bạch Đằng + When – Khi nào: <i>Diễn ra vào năm nào?</i> - Năm 938 + Who – Ai đã: <i>Ai đã lãnh đạo cuộc kháng chiến đó?</i> - Ngô Quyền ? Vậy Lịch sử và môn lịch sử là gì?	1. Lịch sử là gì? - Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại quá khứ. - Môn lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện trên trái đất cho đến ngày nay.

- Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra và lịch sử còn được hiểu là một môn khoa học nghiên cứu và phục dựng lại quá khứ. - Môn lịch sử là môn khoa học tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện trên trái đất cho đến ngày nay - Học sinh khuyết tật: biết được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. ? Theo em việc biên soạn các tác phẩm lịch sử có tác dụng gì? Việc biên soạn giúp làm phong phú hơn về số lượng các tác phẩm liên quan đến lịch sử. Giúp dễ dàng tiếp nhận kiến thức, tạo ra nhiều lựa chọn hơn cho độc giả. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

2. Vì sao phải học lịch sử

a) **Mục tiêu:** Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?

b) **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV chia nhóm và giao nhiệm vụ: xem đoạn video và cho biết vì sao phải học lịch sử? ? Em hãy nêu suy nghĩ của mình về câu nói : “Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống” (Nhà chính trị nổi tiếng của La Mã cổ đại Xi-xê-rông đã nói).? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). ? Vì sao phải học lịch sử? - Tìm hiểu quá khứ cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ, ... và rộng hơn là của dân tộc, nhân loại.	2. Vì sao phải học lịch sử - Tìm hiểu quá khứ cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ, ... và rộng hơn là của dân tộc, nhân loại. - Rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai

- Rút ra những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.
- HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

- Chuyển dẫn sang phần luyện tập.

C. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Đào vàng” và phổ biến luật chơi cho HS: Có 4 thời vàng có giá trị khác nhau tương ứng với độ khó dễ của 4 câu hỏi trắc nghiệm. HS muốn lấy được vàng phải vượt qua các câu hỏi trắc nghiệm của GV.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

Câu 1: Lịch sử được hiểu là:

- A. Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ
- B. Những truyện cổ tích được truyền miệng
- C. Những bản ghi chép hay tranh, ảnh còn được lưu giữ lại.
- D. Sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình

Câu 2: Ai là chủ thể sáng tạo ra lịch sử?

- A. Tất cả sinh vật
- B. Phật Thích Ca
- C. Chúa Giê su
- D. Con người

Câu 3: Lịch sử loài người mà chúng ta nghiên cứu học tập có nội dung gì?

- A. Là những gì đã xảy ra và đang xảy ra của loài người
- B. Là toàn bộ hoạt động của loài người từ khi xuất hiện đến nay
- C. Là quá khứ
- D. Là những gì xảy ra và sẽ xảy ra của loài người

Câu 4: Câu nói “Dân ta phải biết sử ta, cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam” là của ai?

- A. Trường Chinh
- B. Phạm Văn Đồng
- C. Hồ Chí Minh
- D. Võ Nguyên Giáp

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	
Đáp án	A	D	A	

D. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Viết một đoạn văn ngắn về 1 nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò: các nhóm về tìm hiểu theo phân công sau:

Nhóm 1: Tìm hiểu về tư liệu gốc.

Nhóm 2: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng

Nhóm 3: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết.

Nhóm 4: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật.

TIẾT 2 BÀI 2 DỰA VÀO ĐAU ĐỀ BIẾT VÀ PHỤC DỤNG LẠI LỊCH SỬ?

Ngày soạn: 9/9/2023

Ngày dạy: 11,15/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân biệt được các nguồn tư liệu chính (hiện vật, kênh chữ, truyền miệng, bản gốc...).
- Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự học, giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Biết thực hành, sưu tầm, phân tích, khai thác một số nguồn tư liệu đơn giản, phát triển kĩ năng, vận dụng kiến thức đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ thông qua hoạt động thực hành, sưu tầm, phân tích và khai thác một số tư liệu lịch sử.

4. Học sinh khuyết tật

- HS biết được tư liệu truyền miệng là gì?

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án biên soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học sinh

- SGK
- Tìm hiểu trước một số truyền thuyết, câu chuyện lịch sử và di tích lịch sử ở địa phương
- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS: Xem video và cho biết đoạn video đang nhắc tới di tích lịch sử nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nêu được các nguồn tư liệu lịch sử.
- Lấy ví dụ về các nguồn tư liệu lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -GV chia lớp ra làm 4 nhóm và thảo luận trả lời câu hỏi: Nhóm 1: Tìm hiểu về tư liệu gốc. Nhóm 2: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng Nhóm 3: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết. Nhóm 4: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật. HS khuyết tật: thế nào là tư liệu truyền miệng? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). Nhóm 1: Tìm hiểu về tư liệu gốc. Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kỳ lịch sử nào đó GV cho HS xem một số hình ảnh ví dụ về tư liệu gốc: Hình ảnh quân ta tấn công vào Dinh Độc Lập vào ngày 30/4/1975, Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945... Nhóm 2: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng Tư liệu truyền miệng gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca....được truyền từ đời này sang đời khác. GV cho HS xem một số hình ảnh ví dụ về tư liệu truyền miệng: Những câu chuyện cổ tích như Thánh Gióng, Lạc Long Quân và Âu Cơ, Mị Châu Trọng Thủy... Nhóm 3: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết.	1. Tư liệu gốc Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kỳ lịch sử nào đó. 2. Tư liệu truyền miệng Tư liệu truyền miệng gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca....được truyền từ đời này sang đời khác. 3. Tư liệu chữ viết. Tư liệu chữ viết bao gồm các bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ.... 4. Tư liệu hiện vật - Là những di tích đồ vật.. của con người lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất.

Tư liệu chữ viết bao gồm các bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ.... GV cho HS xem một số hình ảnh ví dụ về tư liệu chữ viết: Bia tiến sĩ, Đại Việt sử kí toàn thư... Nhóm 4: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật. Là những di tích đồ vật.. của con người lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất. Tuy đây chỉ là những hiện vật, nhưng nếu biết khai thác, chúng có thể cho ta biết khá cụ thể về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa. GV cho HS xem một số hình ảnh ví dụ về tư liệu hiện vật: Kinh thành Huế, Thành nhà Hồ... B3: Báo cáo kết quả hoạt động GV: - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập.	
---	--

C. Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Câu cá” và phổ biến luật chơi cho HS: Để câu được những chú cá thì HS sẽ phải trả lời những câu hỏi GV.

Câu 1: Truyền thuyết “Thánh Gióng” thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu truyền miệng
- B. Tư liệu gốc
- C. Tư liệu hiện vật
- D. Tư liệu ghi chép

Câu 2: Những tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ thời xưa ở Văn miếu thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu hiện vật
- B. Tư liệu chữ viết

- C. Tư liệu truyền miệng
- D. Tư liệu gốc

Câu 3: Những bản ghi, sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay.. từ quá khứ được lưu lại đến ngày nay thuộc loại tư liệu nào?

- A. Tư liệu hiện vật
- B. Tư liệu chữ viết
- C. Tư liệu truyền miệng
- D. Tư liệu gốc

Câu 4: Đây là tư liệu hiện vật?

- A. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- B. Văn bia tiến sĩ
- C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.
- D. Trống đồng Đông Sơn.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	D

D. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy liệt kê nơi em sinh sống có những tư liệu lịch sử cụ thể nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- ? Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử?
- ? Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào?
- ? Em liệt kê 1 số câu ca dao, tục ngữ của người xưa dùng để tính thời gian?

Tiết 3 Bài 3 THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

Ngày soạn: 8/9/2023 Ngày dạy: 18,22/9/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số khái niệm về thời gian trong việc học lịch sử (thế kỉ, thập kỉ, thiên niên kỉ, trước công nguyên, sau công nguyên, công nguyên...). Cách tính thời gian trong lịch sử.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực riêng:
 - + Biết vận dụng cách tính thời gian trong học tập lịch sử. Vẽ được biểu đồ thời gian, tính được các mốc thời gian.
 - + Hiểu được vì sao phải tính thời gian trong lịch sử.

3. Về phẩm chất:

- Trung thực trong tìm hiểu, học tập lịch sử.

4- Định hướng phát triển năng lực :

- Góp phần hình thành năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, vẽ biểu đồ, tính thời gian trong lịch sử.

5. Học sinh khuyết tật.

- Hs biết được cách tính Dương lịch và Âm lịch.

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học sinh

- Tìm hiểu bài mới theo phân công của giáo viên

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ôn định lớp

2- Kiểm tra bài cũ: Gv chiếu một số câu hỏi trắc nghiệm để Hs củng cố kiến thức

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

B1: GV hỏi HS: Em hãy cho biết hôm nay là thứ mấy, ngày, tháng, năm nào? Vì sao em biết điều này?

B2: HS trả lời câu hỏi.

B3: GV theo dõi, nhận xét, bổ sung và dẫn dắt vào bài mới: *Thời gian trong lịch sử.*

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

a. Mục tiêu: Giúp HS hiểu được vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
b1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS đọc tài liệu và trả lời các câu hỏi: ? Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử? ? Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào? ? Em liệt kê 1 số câu ca dao, tục ngữ của người xưa dùng để tính thời gian? ? Tại sao tháng 2 lại có 28 hoặc 29 ngày? ? Làm bài tập: Viết các thông tin về thứ, ngày tháng, năm theo âm lịch và dương lịch dựa vào tờ lịch dưới đây: 	1. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử? - <i>Lịch sử</i> là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự của nó. - Người xưa đã tạo ra nhiều cách đo thời gian khác nhau.
b2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời	

HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. ? Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử? - <i>Lịch sử</i> là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự của nó. ? Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở nào? Người xưa sáng tạo ra lịch dựa trên cơ sở quan sát và tính toán quy luật di truyền của mặt trăng mặt trời nhìn từ trái đất - Âm lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất. - Dương lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. - GV cho HS xem một đoạn video về Lịch và tác dụng của lịch. ? Em liệt kê 1 số câu ca dao, tục ngữ của người xưa dùng để tính thời gian Mồng một lưỡi trai, Mồng hai lá lúa. Mồng ba câu liêm, Mồng bốn lưỡi liêm. Mồng năm liềm giật, Mồng sáu thật trắng. Mười rằm trăng náu... ? Tại sao tháng 2 lại có 28 hoặc 29 ngày? - GV cho HS xem một đoạn video giải thích nguyên nhân vì sao tháng 2 chỉ có 28 hoặc 29 ngày. b3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. b4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

Hoạt động 2: Các cách tính thời gian trong lịch sử.

a. Mục tiêu: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau: ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ? ? Ở Việt Nam sử dụng những loại lịch nào? Tại sao lại như vậy? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em trả lời câu hỏi (nếu cần). ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ? Công lịch lấy năm một là năm tương truyền chúa Giêsu ra đời làm năm đầu tiên của công nguyên ? Tính thời gian các cuộc khởi nghĩa phía dưới cách ngày nay (2022) bao nhiêu năm ? - KN Hai Bà Trưng: 1982 năm - KN Bà Triệu: 1774 năm - KN Lý Bí: 1480 năm - Chiến thắng Bạch Đằng: 1084 năm HS thảo luận cặp đôi ? Ở Việt Nam sử dụng những loại lịch nào? Tại sao lại như vậy? HS khuyến nghị: Biết được cách tính Âm lịch và Dương lịch Tờ lịch của Việt Nam sử dụng cả âm lịch và dương lịch. Vì cần có thời gian thống nhất trên toàn thế giới và giữ gìn văn hóa truyền thống dân tộc. B3: Báo cáo kết quả hoạt động GV: - Yêu cầu HS trả lời - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện cặp đôi lên trình bày sản phẩm B4: Kết luận, nhận định (GV)	2. Các cách tính thời gian trong lịch sử - Âm lịch là hệ lịch được tính theo chu kỳ chuyển động của mặt trăng quanh trái đất - Dương lịch là hệ lịch được tính theo chu kỳ chuyển động của trái đất quanh mặt trời - Công lịch là loại lịch mà các dân tộc đều thống nhất sử dụng

- | | |
|---|--|
| - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.
- Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | |
|---|--|

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

Câu 1: Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của:

A. Âm lịch

B. Dương lịch

Câu 2: Năm đầu tiên của công nguyên được lấy theo năm ra đời của nhân vật lịch sử nào

A. Chúa Giêsu

B. Đức Phật Thích Ca

Câu 3: Trước công nguyên được tính từ khoảng thời gian nào?

A. Trước năm 1 công lịch

B. Sau năm 1 công lịch

Câu 4: Một thế kỷ bao nhiêu năm?

A. 10 năm

B. 100 năm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	A	A	B

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

- Lập 1 bản kế hoạch học tập, sinh hoạt cho bản thân trong 1 ngày (sáng, trưa, tối) sao cho hiệu quả và khoa học nhất?

- Soạn bài 4: Nguồn gốc loài người.

Nhóm 1,2: Những dấu tích của người tối cổ được phát hiện ở Đông Nam Á chứng tỏ điều gì?

Nhóm 3,4: Dựa vào thông tin trong SGK, việc phát hiện ra công cụ đá và răng hoá thạch của Người tối cổ ở Việt Nam chứng tỏ điều gì?

CHƯƠNG II. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

TIẾT 4, 5 BÀI 4: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Ngày soạn: 17/9/2023. Ngày dạy: 25,29/9/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Mô tả được quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất. Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.
- Xác định được dấu tích Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.

2. Kỹ năng:

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

3. Thái độ: Nhận thức lịch sử qua việc phân tích vai trò của lao động đối với xã hội nguyên thủy.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

5. Học sinh khuyết tật:

- Nhận biết được loài người tiến hóa từ vượn.

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên: Lược đồ dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn thành người ở Đông Nam Á. Một số hình ảnh công cụ đồ đá, răng hoá thạch. Bản đồ Đông Nam Á.

2. Học sinh: Sách, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Vì sao phải tính thời gian trong lịch sử ?

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là hiểu được nguồn gốc của loài người.

2. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Cho HS xem video và yêu HS trả lời câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về câu chuyện nguồn gốc loài người ở trên?

Bước 2: HS quan sát, trình bày.

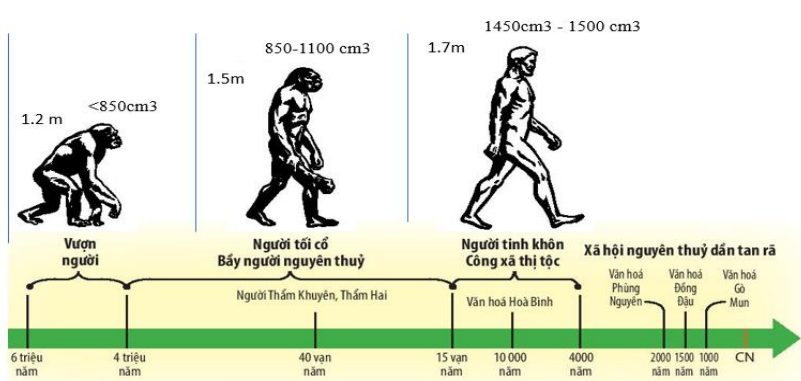
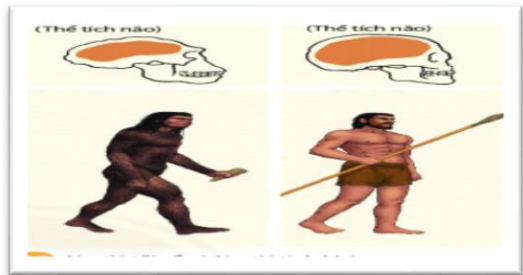
Bước 3: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: **NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: 1. Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người

a. Mục tiêu: Nêu được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn; nêu được đặc điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn và xác định được những minh chứng chứng minh nguồn gốc của loài người.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV lần lượt tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm:  CHẤM: Quan sát vào hình 2 (tr17) và điền thông tin vào ô trống: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua mấy giai đoạn? đó là những giai đoạn nào? Cho biết niên đại tương ứng của các giai đoạn đó? LỄ: Nhìn 2 hình ảnh này, em hãy rút ra điểm khác nhau giữa Người Tối cổ và Người tinh khôn? Hs khuyết tật: miêu tả cơ thể của người tinh khôn?  GV cần cung cấp cho các em thêm tên và thời gian tồn tại của người Neanderthal (400 000 TCN – 40 TCN) và người lùn Floresiensis (200 000 TCN – 50 000 TCN) trong bức hình. Căn cứ trên thời gian tồn tại được khoa học chứng minh dựa trên hoá thạch, cho HS tự rút ra kết luận: Khi Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong	- Nhận nhiệm vụ và làm việc theo nhóm, đại diện trình bày. - Dự kiến sản phẩm: - Vượn cổ + Thời gian: Khoảng 5, 6 triệu năm + Đặc điểm: 2 chi trước được tự do để sử dụng công cụ và tìm kiếm thức ăn + Cơ thể: Trên cơ thể còn bao phủ bởi một lớp lông dày. - Người tối cổ + Thời gian: Khoảng 4 triệu năm + Đặc điểm: Đầu nhỏ, trán thấp và bẹt ra sau, hàm nhô về phía trước. + Cơ thể: Trên cơ thể còn bao phủ bởi một lớp lông mỏng. - Người tinh khôn + Thời gian: Khoảng 15 vạn năm + Đặc điểm: Đứng thẳng hoàn toàn, thể tích não phát triển + Tổ chức xã hội: Thị tộc + Công cụ sản xuất: Đá cuội + Biết trồng trọt và chăn nuôi - Nhận xét, bổ sung.

quá trình tiến hoá, Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển	
<u>Bài ghi</u> - Quá trình tiến hóa từ vượn người thành người diễn ra cách đây hàng triệu năm - Quá trình hình thành: Vượn người => Người tối cổ => Người tinh khôn.	

Hoạt động 2: Những dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam

a. Mục tiêu: HS xác định được dấu tích của người tối cổ trên bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam; Hiểu được quá trình chuyển biến từ vượn ở ĐNA diễn ra liên tục.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận trong vòng 3 phút Nhóm 1,2: Quan sát lược đồ xác định những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy: những dấu tích của người tối cổ được phát hiện ở Đông Nam Á chứng tỏ điều gì? Nhóm 3,4: Dựa vào thông tin trong SGK, việc phát hiện ra công cụ đá và răng hoá thạch của Người tối cổ ở Việt Nam chứng tỏ điều gì? HS khuyết tật: chỉ trên lược đồ những dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở Việt Nam? Bước 2. HS Nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động GV quan sát và hỗ trợ các nhóm nếu cần	- Nhận nhiệm vụ - Tìm hiểu kiến thức, trao đổi, hoàn thành nội dung theo yêu cầu. - Đại diện trả lời. - Nhận xét, bổ sung.

<u>Bài ghi:</u> - Tại Đông Nam Á: + Diễn ra quá trình tiến hóa từ rất sớm + Dấu tích ở: Gia-va (In-đô-nê-xi-a); Mi-an-ma, Thái Lan,... + Hiện vật tìm được: di cốt hóa thạch, công cụ đá. - Tại Việt Nam: An Khê (Gia Lai), Núi Đọ (Thanh Hóa), Thẩm Khuyên (Lạng Sơn),...
--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

- GV mời HS tham gia trò chơi “**Thu hoạch cà rốt**” và phổ biến luật chơi cho HS: Các em hãy giúp bạn thu hoạch cà rốt bằng cách trả lời đúng những câu hỏi trắc nghiệm sau.

Câu 1: Con người có nguồn gốc từ đâu?

- A. Vượn cổ
- B. Cá voi
- C. Cá mập
- D. Cá heo

Câu 2: Người tinh khôn xuất hiện vào thời gian nào?

- A. 4 vạn năm
- B. Khoảng 15 vạn năm.
- C. 6 vạn năm
- D. 10 vạn năm

Câu 3: Ở Đông Nam Á người tối cổ xuất hiện sớm nhất ở nước nào?

- A. Thái Lan
- B. Lào
- C. Việt Nam
- D. Indonesia

Câu 4: Dấu tích của người tối cổ được tìm thấy ở đâu Đông Nam Á?

- A. Thái Lan
- B. Lào
- C. Khắp Đông Nam Á
- D. Việt Nam

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	C

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

- Về nhà làm bài tập trong sách bài tập.
- Chuẩn bị bài 5: “*Xã hội nguyên thủy*”
 - + Xã hội nguyên thủy diễn ra trong khoảng thời gian nào?
 - + Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn nào? Nêu đời sống vật chất mỗi giai đoạn?

TIẾT 6+7 BÀI 5. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Ngày soạn: 27/9/2023. Ngày dạy: 9,13/10/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của xã

hội nguyên thủy.

- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như xã hội loài người.
- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng sử dụng bản đồ, lược đồ di tích của người tối cổ ở Đông Nam Á và ở Việt Nam.

3. Thái độ:

- Nhận thức về nguồn gốc loài người.

4- Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung:

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực riêng

- + Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.
- + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- + Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

5. Học sinh khuyết tật

- **Biết được tên giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.**

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên:

- Phiếu học tập.
- Bản đồ treo tường các di chỉ thời đại đồ đá và đồng ở Việt Nam.
- Một số tranh ảnh vẽ công cụ, đồ trang sức, ... của người nguyên thủy.

2. Học sinh: Sách, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Trình bày quá trình tiến hóa của loài người ?

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

? Nếu cuộc sống hiện đại biến mất, không có điện, không có ti vi, không có phương tiện đi di chuyển...em sẽ sinh sống như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Định hướng giúp học sinh vừa xem đoạn phim vừa lựa chọn thông tin phù hợp để trả lời câu hỏi.

Hs: Tập trung xem phim, trả lời câu hỏi GV đã giao.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trình bày sản phẩm.

B4: Kết luận, nhận định.

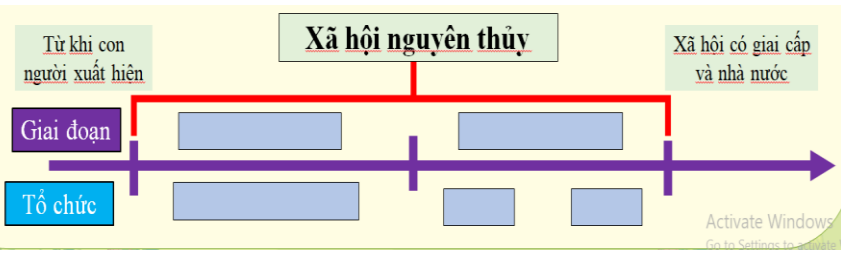
- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

a. Mục tiêu: Giúp HS mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy - học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và thảo luận theo cặp đôi để trả lời các câu hỏi sau: ? Xã hội nguyên thủy diễn ra trong khoảng thời gian nào? ? Quan sát hình và sắp xếp các cụm từ sau để hoàn thành trục thời gian:  ? Quan sát hình ảnh kết hợp đọc SGK hoàn thành bảng sau	1. Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy. - Xã hội nguyên thủy đã trải qua 2 giai đoạn phát triển: + Bầy người nguyên thủy. + Công xã thị tộc. - Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy: con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau.

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể		
Công cụ lao động		

? HS khuyết tật: nêu tên 2 giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy.

?Quan sát hình 4.1 em hãy nêu đặc điểm căn bản trong quan hệ giữa người với người thời nguyên thủy?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân.

GV hướng dẫn, hỗ trợ các em trả lời câu hỏi (nếu cần).

? Xã hội nguyên thủy diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- Từ khi con người xuất hiện cho đến Xã hội có giai cấp và nhà nước.

? Quan sát hình và sắp xếp các cụm từ sau để hoàn thành trục thời gian:

? Quan sát hình ảnh kết hợp đọc SGK hoàn thành bảng sau

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể	Thể tích não 850-1100cm ²	Thể tích não 850-1100cm ³
Công cụ lao động	Rìu cầm tay, mảnh tước	Rìu mài lưỡi, lao, cung tên

? Quan sát hình 4.1 em hãy nêu đặc điểm căn bản trong quan hệ giữa người với người thời nguyên thủy?

- Của cái chung, làm chung, hưởng thụ bằng nhau.

B3: Báo cáo kết quả thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trả lời

- Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).

Hoạt động 2: Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

a. Mục tiêu: HS hiểu được đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cho HS xem 1 đoạn video về các di tích lịch sử được tìm thấy ở Việt Nam. GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi ? Người nguyên thủy đã biết làm những gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em trả lời câu hỏi (nếu cần). B3: Báo cáo kết quả hoạt động GV: - Yêu cầu HS trả lời - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - HS còn lại quan sát, theo dõi bạn trình bày và bổ sung cho bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình và chuyển sang phần luyện tập.	2 . Đời sống vật chất của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam - Ở Việt Nam người nguyên thủy đã biết mài, đã tạo ra nhiều công cụ khác nhau - Họ sống chủ yếu trong các hang động mái đá hoặc các túp lều lập bằng cỏ khô hay lá cây. - Đời sống tinh thần của họ rất phong phú đa dạng

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

Bài tập 1: Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thủy.

Bài tập 2: Thảo luận nhóm và hoàn thành bảng dưới đây.

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể		
Công cụ và phương thức lao động		
Tổ chức xã hội		

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

- Em hãy tưởng tượng em đang ở trong một khu rừng già, xa xôi, hoang vắng, chỉ có cây cối, hang đá, thú rừng và không có các vật dụng thời hiện đại như bật lửa, diêm, điện thoại di động, áo mưa, lương thực... Làm thế nào để em có thể tồn tại?
- Soạn và chuẩn bị bài mới: ***Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.***
- ? Nêu quá trình con người phát hiện ra kim loại.
- ? Vì sao xã hội nguyên thủy ở các nước Phương Đông phân hóa nhưng không triệt để.

TIẾT 8 ÔN TẬP

Ngày soạn: 10.10.2023.

Ngày dạy: 23/27.10.2022

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Giúp cho HS biết được:

- Những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ đại.
- Sự xuất hiện của loài người trên trái đất.
- Các giai đoạn phát triển của người nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.

2. Về năng lực: HS thực hiện được:

- Kỹ năng khái quát.
- Kỹ năng quan sát và so sánh cho HS.

3. Về phẩm chất:

- Vai trò của lao động sản xuất, lịch sử phát triển của con người.
- Các em trân trọng những thành tựu của thời cổ đại.

4. Học sinh khuyết tật: Nắm được vài nội dung cơ bản của phần ôn tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Phiếu học tập dành cho HS.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học sinh

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV: bảng nhóm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Định hướng nội dung kiến thức của bài học hôm nay

b) Nội dung: GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh tay nhất”

B1: GV ra câu hỏi: hãy kể tên các bài học từ bài 1 đến bài 5?

B2: Hs trả lời

B3: Gv nhận xét, chốt kiến thức và chuyển ý vào bài mới: “Ôn tập”

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nêu được Lịch sử là gì? Vì sao cần phải học lịch sử

- Các nguồn tư liệu trong lịch sử.

- Cách tính thời gian trong lịch sử

- Quá trình tiến hóa của xã hội loài người.

- Đời sống của người nguyên thủy.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: HS chia thành 4 nhóm thực hiện các bài tập sau để củng cố kiến thức.

Nhóm 1: Trình bày các tư liệu lịch sử và cho ví dụ mỗi tư liệu?

Nhóm 2: Nêu một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch?

Nhóm 3: Trình bày quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất và xác định những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á, Việt Nam.

Nhóm 4: Hoàn thành bảng so sánh sau:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể		
Công cụ và phương thức lao động		
Hình thái xã hội		

HS khuyết tật: cho ví dụ về tư liệu chữ viết?

Bước 2: Hs làm việc nhóm, GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Gv nhận xét và chốt lại kiến thức.

C. Luyện tập

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

Câu 1: Truyền thuyết “Thánh Gióng” thuộc loại tư liệu nào?

E. Tư liệu truyền miệng

F. Tư liệu gốc

G. Tư liệu hiện vật

H. Tư liệu ghi chép

Câu 2: Những tấm bia ghi tên những người đỗ tiến sĩ thời xưa ở Văn miếu thuộc loại tư liệu nào?

E. Tư liệu hiện vật

- F. Tư liệu chữ viết
- G. Tư liệu truyền miệng
- H. Tư liệu gốc

Câu 3: Những bản ghi, sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay.. từ quá khứ được lưu lại đến ngày nay thuộc loại tư liệu nào?

- E. Tư liệu hiện vật
- F. Tư liệu chữ viết
- G. Tư liệu truyền miệng
- H. Tư liệu gốc

Câu 4: Đây là tư liệu hiện vật?

- E. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh
- F. Văn bia tiến sĩ
- G. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.
- H. Trống đồng Đông Sơn.

Câu 5: Năm đầu tiên của công nguyên được lấy theo năm ra đời của nhân vật lịch sử nào

- A.Chúa Giêsu
- B. Đức Phật Thích Ca

Câu 6: Trước công nguyên được tính từ khoảng thời gian nào?

- A. Trước năm 1 công lịch
- B. Sau năm 1 công lịch
- C. Sau năm 2 công lịch
- D. Từ thế kỷ thứ 2

Câu 7: Một thế kỷ bao nhiêu năm?

- A. 10 năm
- B. 100 năm
- C. 20 năm
- D. 1 triệu năm

Câu 8: Con người có nguồn gốc từ đâu?

- E. Vượn cổ
- F. Cá voi
- G. Cá mập
- H. Cá heo

Câu 9: Người tinh khôn xuất hiện vào thời gian nào?

- E. 4 vạn năm
- F. Khoảng 15 vạn năm.
- G. 6 vạn năm
- H. 10 vạn năm

D. VẬN DỤNG

Hs ôn lại kiến thức đã học để chuẩn bị kiểm tra giữa học kỳ I

Ngày soạn: 15/10/2023

Ngày dạy: 7/11/2023

TIẾT 17: KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức:

- HS củng cố, hệ thống lại kiến thức. Kiểm tra đánh giá quá trình học tập của h/s, đánh giá cho điểm theo định kỳ. HS trình bày những nét chính về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người nguyên thủy và công xã thị tộc, biết cách tính thời gian trong lịch sử...
- Giáo viên nắm bắt được trình độ học tập của HS, từ đó bổ sung rút kinh nghiệm, thay đổi phương pháp và có kế hoạch bồi dưỡng HS.

2. Giáo dục: GD tinh thần, ý thức tự giác, độc lập trong làm bài của HS.

3. Kỹ năng: Kỹ năng ghi nhớ, biết và nhớ sự kiện, phân tích, đánh giá, rèn kỹ năng làm bài.

4. Hs khuyết tật: Làm được một số câu trắc nghiệm như trong đề yêu cầu.

II- CHUẨN BỊ :

- GV: Câu hỏi và biểu điểm
- HS: Ôn tập bài

III. ĐỀ KIỂM TRA

(Có file đính kèm)

TIẾT 10, 11

BÀI 6 : SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Ngày soạn: 29/10/2023.

Ngày dạy: 6,10/11/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Trình bày quá trình phát hiện kim loại và vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

- Mô tả được quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

- Nêu được một số nét cơ bản của quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt nam.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh, rút ra kết luận.

3. Thái độ: Bồi dưỡng các phẩm chất yêu nước, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.

- Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận về một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

5. Học sinh khuyết tật.

- Biết được thời gian xuất hiện công cụ lao động bằng kim loại.

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên:

- Lược đồ treo tường *Di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam* (hình 4, tr.22).

- Một số hình ảnh công cụ bằng đồng, sắt của người nguyên thủy trên thế giới và ở Việt Nam, một số mẫu chuyện lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Sơ đồ quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại trên thế giới và Việt Nam.

2. Học sinh: Sách, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: HS theo dõi video: *Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có kim loại.*

B2: HS nêu được những giả thuyết nếu không có kim loại.

Gợi ý

Nếu không có kim loại thì con người quay về thời kì đồ đá.

Nếu không có kim loại thì không có nhà để ở.

Nếu không có kim loại thì không có xe để đi.

B3: Kết luận, nhận định (GV)

- Như vậy nếu không có kim loại xuất hiện thì con người vẫn ở thời kì đồ đá. Khi kim loại xuất hiện đời sống con người có nhiều thay đổi từ gia đình tới xã hội. Trong bài học hôm

nay các em sẽ tìm hiểu về sự xuất hiện của kim loại và tác động của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy

a. **Mục tiêu:** HS thấy được sự phát hiện ra kim loại và những chuyển biến trong đời sống vật chất

b. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học														
1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy a. Sự xuất hiện kim loại - GV cho HS tham gia trả lời các câu bằng hình thức trắc nghiệm. HS làm việc cá nhân trả lời các câu hỏi sau: Câu 1: Người nguyên thủy đã phát hiện ra loại nguyên liệu mới thay thế cho đồ đá vào thời gian nào? A. Thiên niên kỉ thứ III B. Thiên niên kỉ thứ IV C. Thiên niên kỉ thứ V D. Thiên niên kỉ thứ VI Câu 2: Người nguyên thủy đã phát hiện ra loại nguyên liệu mới nào thay thế cho đồ đá? A. Kim loại B. Hoá thạch C. Xương cá D. Gỗ HS khuyết tật: Dựa vào SGK nêu thời gian xuất hiện kim loại? ? Nối cột A và cột B: Quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại <table border="1"> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> <tr> <td>Khoảng 3500 năm TCN</td><td>Cư dân nhiều nơi đã biết dùng đồng thau</td></tr> <tr> <td>Khoảng 2000 TCN</td><td>Con người biết chế tạo các công cụ bằng sắt</td></tr> </table>	A	B	Khoảng 3500 năm TCN	Cư dân nhiều nơi đã biết dùng đồng thau	Khoảng 2000 TCN	Con người biết chế tạo các công cụ bằng sắt	1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thủy a. Sự xuất hiện kim loại <table border="1"> <tr> <th>Thời gian</th><th>Công cụ</th></tr> <tr> <td>TNK IV TCN</td><td>Đồng</td></tr> <tr> <td>Đầu TNK II TCN</td><td>Đồng thau</td></tr> <tr> <td>Cuối TNK II TCN</td><td>Sắt</td></tr> </table> - Tác dụng của công cụ kim loại: Năng suất lao động tăng lên. Của cải dư thừa. b. Sự thay đổi trong đời sống xã hội - Trong xã hội phân hoá: thành 2 giai cấp: thống trị và bị trị. - Xã hội nguyên thủy dần: tan rã - Ở phương Đông phân hoá nhưng không triệt để vì: Phải liên kết với nhau để làm thủy lợi và chống giặc ngoại xâm.	Thời gian	Công cụ	TNK IV TCN	Đồng	Đầu TNK II TCN	Đồng thau	Cuối TNK II TCN	Sắt
A	B														
Khoảng 3500 năm TCN	Cư dân nhiều nơi đã biết dùng đồng thau														
Khoảng 2000 TCN	Con người biết chế tạo các công cụ bằng sắt														
Thời gian	Công cụ														
TNK IV TCN	Đồng														
Đầu TNK II TCN	Đồng thau														
Cuối TNK II TCN	Sắt														

Khoảng cuối thiên niên kỉ II đầu thiên niên kỉ I TCN	Người Tây Á và Ai Cập đã biết dùng đồng đỏ	? Thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: Em hãy cho biết tác dụng của công cụ mới như lưỡi cày, cuốc, rìu...? - Năng suất lao động tăng, của cải dư thừa - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép - GV mở rộng thêm về câu chuyện người băng Ôt – di hoặc gọi mở để học sinh nhận thấy sự không ngừng sáng tạo của con người trong quá trình lao động và sản xuất. b. Sự thay đổi trong đời sống xã hội - GV cho HS quan sát sơ đồ mô phỏng sự chuyển biến của xã hội thời nguyên thủy và hoàn thành phiếu học tập. PHIẾU HỌC TẬP - Trong thị tộc người làm chủ gia đình là: - Trong xã hội phân hoá: → Xã hội nguyên thủy dần: - Ở phương Đông phân hoá nhưng không triệt để vì: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung. - Nhận xét thái độ và kết quả, hướng dẫn HS ghi chép	
--	--	--	--

HOẠT ĐỘNG 2: 2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam

a. Mục tiêu: Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
-GV mời hs tham gia trò chơi “Ai thông minh hơn” -HS Đọc thông tin SGK tr.27, quan sát lược đồ, sau đó suy nghĩ và trả lời thật nhanh lần lượt các câu hỏi. Nếu trả lời sai sẽ phải dừng cuộc chơi và nhường quyền trả lời cho bạn khác.	2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam a. Sự phát hiện ra kim loại. - Thời gian: khoảng 4000 năm trước. - Địa bàn: trên khắp cả nước. b. Sự phân hóa và tan rã của XHNT ở Việt Nam.

1. Xác địa điểm các nền văn hóa ở nước ta cuối thời nguyên thủy trên lược đồ? 2. Địa bàn cư trú thường nằm ở đâu? 3. Phạm vi cư trú có gì thay đổi so với thời kì đồ đá? 4. Minh chứng nào cho thấy các nền văn hóa này đã phát triển nghề nông? - HS Theo dõi thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV mời 3 – 5 HS trả lời nhanh từng câu hỏi (kỹ thuật tia chớp) -GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.	- Mở rộng địa bàn cư trú. Định cư lâu dài ở các con sông lớn. - Đời sống ngày càng ổn định. → Là cơ sở đầu tiên cho sự xuất hiện các quốc gia cổ.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: HS hệ thống lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để thực hành

b. Tổ chức thực hiện

Câu hỏi: Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động to lớn đến đời sống con người?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b. Tổ chức thực hiện

Nội dung: HS tìm hiểu và cho biết nguyên liệu đồng hiện nay còn được dùng để chế tạo những công cụ, vật dụng gì. Tại sao các loại công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống?

Sản phẩm: Bài làm của HS : Nguyên liệu đồng hiện nay còn được sử dụng vào những việc:

+ Đồng là vật liệu dễ dát mỏng, dễ uốn, có khả năng dẫn điện và dẫn nhiệt tốt, vì vậy nó được sử dụng một cách rộng rãi trong sản xuất các sản phẩm: Dây điện, Que hàn đồng, Tay nắm và các đồ vật khác trong xây dựng nhà cửa, Đúc tượng: Ví dụ tượng Nữ thần Tự do, Cuộn từ của nam châm điện, Động cơ, đặc biệt là các động cơ điện, trong đồ nhà bếp, chẳng hạn như chảo.

+ Đồ đồng là những sản phẩm làm từ nguyên liệu bằng đồng ví dụ như tượng đồng, tranh đồng, trống đồng... Từ lâu đồ đồng đã được dùng như là những dụng cụ, đồ vật trang trí trong nhà không thể thiếu của người Việt Nam chúng ta.

+ Trong tín ngưỡng, văn hóa dân gian: dùng đồng để làm đồ thờ cúng trong ban thờ gia tiên như: hoành phi câu đối bằng đồng, bộ đồ thờ cúng bằng đồng, đỉnh đồng, lư đồng, hạc đồng...

- + Đồ đồng mỹ nghệ là những sản phẩm mỹ nghệ làm từ đồng ví dụ như: tượng đồng, tranh đồng, trống đồng...
- + Đồ đồng phong thủy là những vật phẩm, linh vật, tượng... làm từ đồng.
- Công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống vì:
- + Công cụ, vũ khí bằng đồng thường có khối lượng lớn, tốn nhiều sức
- + Không mang lại hiệu quả cao (tốc độ, sức tàn phá...) như các loại vũ khí hiện đại (súng, pháo, mìn...)
- + Khó bảo quản, thời gian sử dụng ngắn

Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS về chuẩn bị bài mới: AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

HS đọc SGK, thu thập thông tin

Ghi những điều đã biết vào cột “K” và những điều muốn biết vào cột “W”

			K	W
	Ai Cập	Lưỡng Hà		
Vị trí	Nằm ở Đông Bắc châu Phi	Nằm ở khu vực Tây Nam Á		
Đất đai	Đất phù sa màu mỡ	Đất phù sa màu mỡ		
Sông ngòi	Sông Nin	Sông Ti-gơ-rơ và Ô-phơ-rát		

CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI

TIẾT 12+13 Bài 7. AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

Ngày soạn: 7/11/2023.

Ngày dạy: 13,17/11/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực riêng:

- + Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.
- + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Thái độ: Trân trọng những di sản của nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà để lại cho nhân loại.

4. HS khuyết tật:

- **Biết được tên của các dòng sông lớn ở Ai Cập và Lưỡng Hà.**

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên:

- Phiếu học tập.
- Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.
- Video về một số nội dung trong bài học (nếu có).

2. Học sinh: Sách, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Trình bày sự thay đổi trong đời sống xã hội của người nguyên thủy ?

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu: Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

B1: GV nêu vấn đề cho HS: Khi nhắc tới Ai Cập người ta thường nói về điều gì?
? Vậy còn khi nhắc tới Lưỡng Hà người ta thường nói về điều gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ trả lời

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu đại diện HS lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

B4: Kết luận, nhận định.

- Nhận xét chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: 1. Tặng phẩm của những dòng sông

a. Mục tiêu: Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học					Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - Chia lớp thành 6 nhóm. Dựa vào <i>Hình 3. Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại</i> và kiến thức đã tìm hiểu được, các nhóm hãy hoàn thiện cột “K” và cột “W” để thể hiện những điều đã biết và muốn biết về điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.					1. Tặng phẩm của những dòng sông - Ai Cập và Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn (sông Nin, Ô-phơ-rát, Ti-gơ-rơ). - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà: + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành sớm. +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời. +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.
K			W	L	
	Ai Cập	Lưỡng Hà			
Vị trí					
Đất đai					
Sông ngòi					
? Em nhận xét về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà ? Hs khuyết tật: Hãy nêu tên các dòng sông lớn ở Ai Cập và Lưỡng Hà?					
B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK, thu thập thông tin Ghi những điều đã biết vào cột “K” và những điều muốn biết vào cột “W”					
K			W	L	
	Ai Cập	Lưỡng Hà			
Vị trí	Nằm ở Đông Bắc châu Phi	Nằm ở khu vực Tây Nam Á			

Đất đai	Đất phù sa màu mỡ	Đất phù sa màu mỡ		
Sông ngòi	Sông Nin	Sông Ti-gơ-rơ và Ô-phơ-rát		

? Em nhận xét về tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà ?

+ Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành sớm.

+ Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời.

B3: Báo cáo thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định

Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn.

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.

Hoạt động 2: 2. Hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà

a. Mục tiêu: Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học		Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 4 nhóm thảo luận + Nhóm 1,2: Ai Cập cổ đại + Nhóm 3, 4 : Lưỡng Hà cổ đại Dựa vào trục thời gian hình thành nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại và thông tin trong SGK hãy hoàn thiện niên biểu lịch sử theo mẫu sau		2. Hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà a. Ai Cập - Khoảng năm 3000 TCN, vua Na-mơ thống nhất Ai Cập, nhà nước ra đời. - Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là Pha-ra-ông có quyền lực tối cao. b. Lưỡng Hà
Thời gian	Vương quốc	

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV Nhóm 1, 2: Ai Cập cổ đại Nhóm 2, 4: Lưỡng Hà cổ đại B3: Báo cáo thảo luận Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.		- Năm 3500 TCN, người Su-me làm chủ vùng Lưỡng Hà. - Sau người Su-me, nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ Lưỡng Hà. - Năm 530 TCN, Lưỡng Hà bị đế quốc Ba Tư tiêu diệt.	

Hoạt động 3: 3. Những thành tựu văn hoá chủ yếu

a. Mục tiêu: Nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học			Nội dung kiến thức		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 4 và thảo luận hoàn thành bảng sau			3. Những thành tựu văn hoá chủ yếu		
Thành tựu	Ai Cập	Lưỡng Hà	Thành tựu	Ai Cập	Lưỡng Hà
Chữ viết	Nhóm 1		Chữ viết	Chữ tượng hình	Chữ nêm
Toán học	Nhóm 2		Toán học	Làm các phép tính theo hệ đếm thập phân	Làm các phép tính theo hệ đếm 60.
Lịch Kỹ thuật	Nhóm 3		Lịch	Đã biết làm ra lịch	Đã biết làm ra lịch
Kiến trúc	Nhóm 4		Kỹ thuật	Kĩ thuật ướp xác	
B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc SGK, thu thập thông tin					

Thành tựu	Ai Cập	Luồng Hà	Kiến trúc	Kim tự tháp và tượng nhân sư.	Vườn treo Ba-bi-lon.
Chữ viết	Chữ tượng hình	Chữ nêm			
Toán học	Làm các phép tính theo hệ đếm thập phân	Làm các phép tính theo hệ đếm 60.			
Lịch	Đã biết làm ra lịch	Đã biết làm ra lịch			
Kỹ thuật	Kỹ thuật ướp xác				
Kiến trúc	Kim tự tháp và tượng nhân sư.	Vườn treo Ba-bi-lon.			
B3: Báo cáo thảo luận Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn B4: Kết luận, nhận định Nhóm Hs đánh giá nhóm bạn GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm HS, chuẩn xác kiến thức.					

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn” và phổ biến luật chơi cho HS.

Có 5 câu hỏi trắc nghiệm, HS sẽ quay để chọn các gói điểm tương ứng cho mình. Người may mắn sẽ giành được gói điểm cao nếu trả lời đúng câu hỏi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để trả lời
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi

Câu 1: Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Lưỡng Hà?

- A. Sông Ti-gơ-rơ và Ô-phơ-rát
- B. Sông Nin và Ti-gơ-rơ
- C. Sông Nin và Ô-phơ-rát
- D. Sông Ấn và sông Hằng

Câu 2: Ai Cập cổ đại được hình thành trên lưu vực con sông nào?

- A. Sông Ấn.
- B. Sông Nin
- C. Sông Hằng
- D. Sông Hồng

Câu 3: Đứng đầu nhà nước Lưỡng Hà cổ đại là?

- A. En-xin
- B. Pha-ra-ông
- C. Chủ ruộng đất
- D. Tầng lớp tăng lữ

Câu 4: Việc nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?

- A. Sự chia cắt về mặt lãnh thổ.
- B. Tình trạng hạn hán kéo dài.
- C. Tình trạng lũ lụt xả ra vào mùa mưa.
- D. Sự tranh chấp lãnh thổ xả ra.

Câu 5: Người đứng đầu nhà nước ở Ai Cập cổ đại là

- A. En-xi.
- B. Pha-ra-ông.
- C. Thiên tử.
- D. Địa chủ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng bài toán theo cách viết của người Ai Cập cổ đại, liên hệ thực tế về sự ảnh hưởng của những phát minh của người Ai Cập- Lưỡng Hà đến ngày nay.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Dựa vào kiến thức vừa học hãy hoàn thành 2 bài tập (bài 2 và 3) trong SGK/33

Nhóm 1, 3: bài tập 2/SGK-33

Nhóm 2, 4: bài tập 3/SGK-33

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện nhiệm vụ thông qua sự định hướng và giúp đỡ của GV

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Hs báo cáo sản phẩm của nhóm bằng việc dán phiếu học tập của nhóm lên bảng. Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – tương tác với nhóm bạn

Bước 4: Kết luận, nhận định

HS nhận xét bài làm của nhóm bạn

GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh, chuẩn xác kiến thức (nếu cần)

GV hướng dẫn Hs chuẩn bị bài cho tiết học tiếp theo.

*** Dặn dò:**

- Soạn và chuẩn bị bài mới: **ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

? Tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại?

? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà?

CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI

TIẾT 14,15 BÀI 8. ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

Ngày soạn: 19/11/2023. Ngày dạy: 25/11/2023

I. Mục tiêu bài học:

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng và ảnh hưởng của nó đến sự hình thành của văn minh Ấn Độ
- Trình bày được những đặc điểm chính của chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.

2. Về năng lực

- Năng lực chung:

- + Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

- Năng lực riêng:

- + Đọc và chỉ được thông tin quan trọng trên lược đồ
- + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV
- + Tìm kiếm sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành vận dụng.

3. Về phẩm chất:

- Trân trọng những di sản của nền văn minh Ấn Độ để lại cho nhân loại.

4. Học sinh khuyết tật.

- **Biết được các con sông lớn ở Ấn Độ.**

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên

- Phiếu học tập.
- Lược đồ Ấn Độ cổ đại phóng to, lược đồ Ấn Độ ngày nay.
- Video về một số nội dung trong bài học.

2. Học sinh

- Bài soạn, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. **Kiểm tra bài cũ:** Trình bày những thành tựu tiêu biểu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại ?

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. **Mục tiêu:** Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): GV có thể sử dụng video về các lễ hội ở Ấn Độ để khởi động vào bài mới. Cho HS xem và trả lời câu hỏi: Em có biết vì sao lễ hội tôn giáo này thu hút đông đảo người dân Ấn Độ tham gia?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.

B3: Báo cáo thảo luận: Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 1: 1. Điều kiện tự nhiên

a. Mục tiêu: HS không chỉ nêu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên mà còn phân tích được tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
HS thảo luận nhóm.	1. Điều kiện tự nhiên

N1? Quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại? N2? Tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? N3? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà? B2: các nhóm thực hiện nhiệm vụ ? Quan sát lược đồ hình 2 trong SGK, mô tả vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại? Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông. Địa hình + Phía Bắc: bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a. + Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn. + Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở. - Khí hậu + Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa. + Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình - HS khuyết tật: Nêu tên các con sông lớn ở Ấn Độ? + Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,...bồi đắp phù sa màu mỡ. ? Tác động của những điều kiện đó tới sự hình thành của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? - Hình thành nhà nước từ rất sớm và xuất hiện nhiều nền văn minh tiêu biểu. ? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ cổ đại có điểm gì giống và khác so với Ai Cập và Lưỡng Hà? Giống nhau: + Đều có những dòng sông lớn (Sông Non, Ti-gơ-rơ,Ơ-pha-rát, Ấn Hằng) bồi tụ nên các đồng bằng rộng lớn Khác nhau + Lãnh thổ Ấn là một vùng rộng lớn + Ấn Độ có địa hình và khí hậu khác nhau ở mỗi miền + Ấn Độ có ba mặt giáp biển nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông	-Vị trí địa lí: Là bán đảo Nam Á, nằm trên trục đường biển từ tây sang Đông. - Địa hình: + Phía Bắc bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ - dãy Hi-ma-lay-a. + Ở giữa: Đồng bằng Ấn – Hằng rộng lớn. + Phía Nam: Cao nguyên Đê-can nhiều núi đá hiểm trở. -Khí hậu: + Đại bộ phận có khí hậu nhiệt đới gió mùa. + Khí hậu phân hóa theo độ cao, ảnh hưởng bởi địa hình. -Sông ngòi: Có nhiều sông lớn như sông Ấn, sông Hằng,...bồi đắp phù sa màu mỡ.
--	---

B3: gv nhận xét, đánh giá và ghi bảng.

Hoạt động 2: 2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng ở mức độ đơn giản để hiểu rõ về sự phân chia xã hội theo theo đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da;
- Đưa ra được đánh giá đó là chế độ xã hội bất bình đẳng, thể hiện sự phân biệt

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV cho HS xem 1 đoạn video về chế độ Vác-na và yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: N1? Vì sao gọi là Vác-na. Nguồn gốc của chế độ Vác-na. Nội dung biểu hiện là gì? N2? Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại? N3? Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp này như thế nào? N4? Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). Đẳng cấp thứ nhất là Brahman tức Bà-la-môn, gồm những người da trắng đều là tăng lữ (quý tộc chủ trì việc tế lễ đạo Bà-la-môn), họ là chúa tể, có địa vị cao nhất. Đẳng cấp thứ hai là Kcatrya gồm tầng lớp quý tộc, vương công và vũ sĩ, có thể làm vua và các thứ quan lại. Đẳng cấp thứ ba là Vaicya gồm đại đa số là nông dân, thợ thủ công và thương nhân, họ phải nộp thuế cho nhà nước, cung phụng cho đẳng cấp Brahman và Kcatrya. Đẳng cấp thứ tư là Cudra gồm đại bộ phận là cư dân bản địa bị chinh phục, nhiều người là nô lệ, là kẻ tội tở đi làm thuê làm mướn. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.	2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại - Người A-ri-a đã tạo ra chế độ đẳng cấp Vác-na, chia xã hội Ấn Độ thành bốn đẳng cấp dựa trên sự khác biệt về tộc người và màu da, mỗi đẳng cấp có bốn phận, nghĩa vụ khác nhau.

- Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	
--	--

Hoạt động 3: 3. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu văn hóa của nền văn minh Ấn Độ cổ đại

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chia HS thành 6 nhóm nhỏ: Em hãy kể tên các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại. + Nhóm 1,2,3, : Chữ viết, văn học, tôn giáo + Nhóm 4,5,6: Kiến trúc, lịch pháp, toán học B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - Suy nghĩ cá nhân để lấy ví dụ minh họa. - Chữ viết: Chữ Phạn. - Văn học: Sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na. - Tôn giáo: Đạo Bà La Môn, đạo Phật - Kiến trúc: Cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi - Lịch pháp: Làm ra lịch. - Toán học: Hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0 B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV)	3. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu - Chữ viết: Chữ Phạn. - Văn học: Sử thi Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-y-a-na. - Tôn giáo: Đạo Bà La Môn, đạo Phật - Kiến trúc: Cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi - Lịch pháp: Làm ra lịch. - Toán học: Hệ số có 10 chữ số, đặc biệt là giá trị của số 0

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức cho HS	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG LUYỆN TẬP:

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

Bài tập: Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ: HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để trả lời

Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dặn dò hs:

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau: “Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ VII”

? Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc (Vị trí địa lý, địa hình, sông ngòi)

? Em hãy cho biết Hoàng Hà và Trường Giang có tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?

TIẾT 16,17 BÀI 9: TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỶ VII

Ngày soạn: 21/11/2023. Ngày dạy: 27/12/2023

I. Mục tiêu bài học:

1. Về kiến thức

- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất lãnh thổ và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được trục thời gian từ thời Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:** Tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.
- **Năng lực riêng:**
 - + Đọc và chỉ được ra thông tin quan trọng trên lược đồ.
 - + Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
 - + Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng những di sản của nền văn minh Trung Quốc cổ đại để lại cho nhân loại.

4. Hs khuyết tật:

- **Nắm được sơ lược về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc.**

II. Thiết bị dạy học:

1. Giáo viên

- Giáo án, phiếu học tập dành cho HS.
- Lược đồ Trung Quốc thời nhà Tần, Lược đồ Trung Quốc thời hiện nay.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh: Sách, bảng nhóm.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Trình tự tiêu biểu của Ấn Độ thời cổ đại

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

1. Mục tiêu:

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

2. Tổ chức thực hiện:

- GV cho HS xem các bức hình về món ăn và trang phục của Trung Quốc và gợi ý: Đất nước này có diện tích lớn thứ 4 và dân số đông nhất thế giới. Một trong những món ăn rất nổi tiếng ở đất nước này. Đây là đất nước nào?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi theo ý kiến cá nhân.
- Sau khi HS trả lời, GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc

- a. Mục tiêu:** Thông qua các hoạt động, HS biết được vị trí của sông Hoàng Hà và sông Trường Giang, từ đó hiểu được vai trò của hai con sông này đối với cư dân Trung Quốc thời cổ đại.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:	1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại

? Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc (Vị trí địa lí, địa hình, sông ngòi) - HS khuyết tật: Em hãy cho biết Hoàng Hà và Trường Giang có tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. ? Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc (Vị trí địa lí, địa hình, sông ngòi) Nằm ở phần nửa phía Bắc của Đông bán cầu, phía Đông Nam đại lục Á-Âu, phía Đông và giữa châu Á, phía Tây của Thái Bình Dương. Địa hình Trung Quốc rất phức tạp, 2/3 là đồi núi và cao nguyên, 1/3 là đồng bằng. Cao nguyên Thanh Tạng với độ cao trung bình trên 4.000 m được xem là nóc nhà của thế giới có dãy Hymalaya với đỉnh Chomolungma cao nhất thế giới (8.848m). Có nhiều sông lớn như sông Hoàng Hà và sông Trường Giang... ? Em hãy cho biết Hoàng Hà và Trường Giang có tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại? Đây là hai con sông lớn phù sa của nó đã bồi tụ nên các đồng bằng rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS suy nghĩ, trả lời - khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	- Sông Hoàng Hà và Trường Giang phù sa màu mỡ tạo nên vùng đồng bằng châu thổ phì nhiêu thuận lợi cho trồng trọt - Tuy nhiên, lũ lụt do hai con sông cũng đã gây ra nhiều khó khăn cho đời sống. - Trên vùng đất màu mỡ của hai con sông, những nhà nước cổ đại đầu tiên của Trung Quốc đã ra đời.
---	---

Hoạt động 2: 2: Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc

a. Mục tiêu: HS nắm được những biện pháp thống nhất của nhà Tần và sự phân hóa giai cấp trong xã hội dưới thời nhà Tần.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS xem video, sách giáo khoa. Sau đó mời HS tham gia trò chơi “Ai là triệu phú” và trả lời các câu hỏi.	2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc

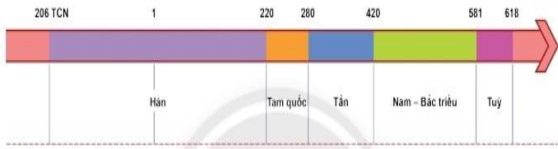
Câu 1: Từ thế kỉ XXI đến thế kỉ III, Trung Quốc trải qua triều đại nào? A. Hạ, Thương, Hàn B. Thương, Chu, Tần C. Thương, Chu, Sở D. Hạ, Thương, Chu Câu 2: Nước nào đã thống nhất được Trung Quốc vào năm 221 TCN? A. Sở B. Tần C. Thương D. Tống Câu 3: Hoàng đế của nhà Tần sau khi thống nhất đất nước là ai? A. Lã Bất Vi B. Lưu Bị C. Tào Tháo D. Tần Thủy Hoàng Thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi ? Những biện pháp sau khi thống nhất đất nước của nhà Tần? ? Những kẻ tên những cấp mới xuất hiện vào thời nhà Tần và mối quan hệ của những giai cấp đó trong xã hội phong kiến? ? Em nhận xét như thế nào về những chính sách cai trị của Tần Thủy Hoàng? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS trả lời câu hỏi - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. Gv mở rộng - Tần có tiềm lực đất nước mạnh từ sau cải cách Thương Ưởng thời Tần Hiếu Công (359 – 338 TCN), thực hiện chính sách ngoại giao “bê đũa từng chiếc” – tức là lợi dụng các tiểu quốc này mâu thuẫn lẫn nhau để thôn tính dần từng tiểu quốc của Tần Doanh Chính - Hoàng đế sau khi thống nhất đất nước, nhấn mạnh thống nhất lãnh thổ đặt nền móng cho ông hoàn thành thống nhất toàn diện Trung Quốc	- Đến cuối thời nhà Chu, nhà Tần đã lần lượt đánh chiếm các nước (Yên, Triệu, Ngụy, Hán, Sở, Tề), thống nhất Trung Quốc. - Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ. - Nhà Tần đã thi hành biện pháp tích cực. - Xã hội phong kiến được hình thành với hai giai cấp cơ bản: Địa chủ và Tá điền (nông dân lĩnh canh). → Xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc.
--	---

+ thống nhất quân sự – chấm dứt chiến tranh, thống nhất và mở rộng lãnh thổ + thống nhất chính trị - xác lập nhà nước quân chủ chuyên chế (phong kiến) + thống nhất tiền tệ– tiện cho lưu thông và trao đổi hàng hoá + thống nhất chữ viết– tạo điều kiện cho tiếp xúc giữa các vùng miền và giao lưu văn hoá.	
---	--

Hoạt động 3: 3: Trung Quốc từ thời Hán đến thời nhà Tùy (206 TCN - thế kỷ VII)

a. Mục tiêu: Biết được sự thay đổi các triều đại ở Trung Quốc từ thời Hán đến thời Tùy (206 TCN-thế kỷ VII).

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức												
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu một HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi ? Quan sát sơ đồ và trả lời các câu hỏi sau: 1. Giai đoạn từ năm 206 TCN – thế kỉ VII gắn liền với những triều đại nào? 2. Triều đại nào kéo dài nhất?  i gian nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện yêu cầu. - GV theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Sau nhà Tần là các triều đại: Hán, Tam Quốc, Tấn, Nam-Bắc triều, Tùy. Nhà Hán là một trong những triều đại thịnh vượng nhất trong ? Ai đã lật đổ triều đại nhà Tần? Vào thời gian nào? Lưu Bang - một địa chủ phong kiến, vào năm 206 TCN. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi HS đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập	3. Trung Quốc từ thời Hán đến thời nhà Tùy (206 TCN - thế kỷ VII) <table border="1"> <thead> <tr> <th>Triều đại</th><th>Thời gian</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nhà Hán</td><td>206 TCN-220</td></tr> <tr> <td>Thời Tam Quốc</td><td>220-280</td></tr> <tr> <td>Nhà Tấn</td><td>280-420</td></tr> <tr> <td>thời Nam-Bắc triều</td><td>420-581</td></tr> <tr> <td>Nhà Tùy</td><td>581-619</td></tr> </tbody> </table>	Triều đại	Thời gian	Nhà Hán	206 TCN-220	Thời Tam Quốc	220-280	Nhà Tấn	280-420	thời Nam-Bắc triều	420-581	Nhà Tùy	581-619
Triều đại	Thời gian												
Nhà Hán	206 TCN-220												
Thời Tam Quốc	220-280												
Nhà Tấn	280-420												
thời Nam-Bắc triều	420-581												
Nhà Tùy	581-619												

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

Hoạt động 4: 4. Một số thành tựu nổi bật của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII

a. Mục tiêu: HS nêu được những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến																																				
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV chia HS thành 4 nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi theo bảng sau: + Nhóm 1: Trình bày về những thành tựu về tư tưởng và chữ viết. + Nhóm 2: Trình bày về những thành tựu về văn học và sử học. + Nhóm 3: Trình bày về những thành tựu về y học, kỹ thuật + Nhóm 4: Trình bày về những thành tựu về kiến trúc. <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chữ viết</td><td></td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td></td></tr> <tr> <td>Tư tưởng</td><td></td></tr> <tr> <td>Sử học</td><td></td></tr> <tr> <td>Lịch pháp</td><td></td></tr> <tr> <td>KH-KT</td><td></td></tr> <tr> <td>Y học</td><td></td></tr> <tr> <td>Kiến trúc</td><td></td></tr> </tbody> </table> ? Giới thiệu một thành tựu văn minh Trung Quốc cổ đại mà em thích nhất Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình.	Lĩnh vực	Thành tựu	Chữ viết		Văn học		Tư tưởng		Sử học		Lịch pháp		KH-KT		Y học		Kiến trúc		4. Một số thành tựu nổi bật của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chữ viết</td><td>Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)</td></tr> <tr> <td>Văn học</td><td>Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.</td></tr> <tr> <td>Tư tưởng</td><td>Nho giáo, Đạo giáo</td></tr> <tr> <td>Sử học</td><td>Sử kí của Tư Mã Thiên, Hán thư của Ban Cố.</td></tr> <tr> <td>Lịch pháp</td><td>phát minh ra âm lịch và nông lịch.</td></tr> <tr> <td>Khoa học-kỹ thuật</td><td>Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).</td></tr> <tr> <td>Y học</td><td>Hoàng đế nội kinh của Hoa Đà</td></tr> <tr> <td>Kiến trúc</td><td>Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)</td></tr> </tbody> </table>	Lĩnh vực	Thành tựu	Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)	Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.	Tư tưởng	Nho giáo, Đạo giáo	Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Hán thư của Ban Cố.	Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.	Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).	Y học	Hoàng đế nội kinh của Hoa Đà	Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Chữ viết																																					
Văn học																																					
Tư tưởng																																					
Sử học																																					
Lịch pháp																																					
KH-KT																																					
Y học																																					
Kiến trúc																																					
Lĩnh vực	Thành tựu																																				
Chữ viết	Chữ tượng hình (chữ giáp cốt)																																				
Văn học	Kinh Thi của Khổng Tử và Sở Từ của Khuất Nguyên.																																				
Tư tưởng	Nho giáo, Đạo giáo																																				
Sử học	Sử kí của Tư Mã Thiên, Hán thư của Ban Cố.																																				
Lịch pháp	phát minh ra âm lịch và nông lịch.																																				
Khoa học-kỹ thuật	Trương Hoàn phát minh ra địa động nghi; có 4 phát minh quan trọng (giấy, thuốc nổ, la bàn, kỹ thuật in).																																				
Y học	Hoàng đế nội kinh của Hoa Đà																																				
Kiến trúc	Có nhiều công trình kiến trúc đồ sộ (Vạn lý trường thành...)																																				

- GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

- GV mời HS tham gia chơi trò chơi "*Thu hoạch cà rốt*" với các câu hỏi trắc nghiệm

1. Nước nào có dân số đông nhất thế giới?

A. Trung Quốc

B. Việt nam

C. Mỹ

D. Nga

2. Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ vào năm bao nhiêu?

A. 199 TCN

B. 220 TCN

C. 221 TCN

D. 222 TCN

3. Một trong những con sông lớn ở Trung Quốc?

A. Sông Hằng

B. Sông Ấn

C. Sông Trường Giang

D. Sông Mê Kông

4. Ai đã lật đổ triều đại nhà Tần?

A. Tào Tháo

B. Triệu Tử Long

C. Lưu Bị

D. Lưu Bang

- Hs chơi trò chơi

- GV nhận xét, đánh giá.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	C	D

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

Tổ chức thực hiện: HS trả lời câu hỏi: *Trình bày quá trình nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc*

Dặn dò: chuẩn bị bài mới “Hi Lạp và La Mã cổ đại”

-Điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại có gì giống và khác nhau so với Hy Lạp cổ đại?

TIẾT 18,19

BÀI 10: HI LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

Ngày soạn: 25/11/2023. Ngày dạy: 8/12/2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Giới thiệu và phân tích được những tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp, La Mã.

2. Về năng lực

- Năng lực chung: Tự học và tự chủ, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác.

- Năng lực riêng:

+ Đọc và chỉ ra được thông tin quan trọng trên lược đồ.

+ Khai thác và sử dụng được một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

+ Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Trân trọng những di sản của nền văn minh Hi Lạp và La Mã để lại cho nhân loại.

4. **Hs khuyết tật**

- **Nắm được vài nét chính về điều kiện tự nhiên của Hi Lạp và La Mã cổ đại.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Phiếu học tập dành cho HS.

- Lược đồ Hy Lạp thời cổ đại, Lược đồ Hy Lạp hiện nay, Lược đồ đế quốc La Mã thế kỉ II (phóng to).

2. Học sinh: SGK, bảng nhóm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

GV chiếu hình ảnh về các vị thần của Hy Lạp và hỏi: Theo em các vị thần dưới đây thuộc

thần thoại nào?

Từ đó dẫn dắt đến chế độ bỏ phiếu bằng vô sò, một trong những biểu hiện của nền dân chủ A-ten, được đánh giá là đỉnh cao nhất của nền dân chủ cổ đại phương Tây. Nền dân chủ đó được xây dựng trên những nền tảng nào? Văn minh phương Tây đã sản sinh ra những thành tựu gì cho nhân loại? Đó là những nội dung sẽ được đề cập đến trong bài học: “Hy Lạp và La Mã cổ đại”.

B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

a. Mục tiêu: HS nắm được điều kiện tự nhiên, sự ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. - GV chia cả lớp làm 4 nhóm và làm theo nhiệm vụ trong phiếu học tập: + HS khuyết tật: nhìn lược đồ và kiến thức trong SGK, hãy nêu vị trí của Hi Lạp và La Mã cổ đại? + Vị trí địa lý, địa hình, tác động đến kinh tế của Hi Lạp cổ đại và La Mã cổ đại như thế nào? - Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét. ? Quan sát lược đồ và kiến thức đã học em hãy cho biết điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại có gì giống và khác nhau so với Hy Lạp cổ đại? - GV cho HS đọc thông tin đoạn tư liệu trong SGK (tr. 46), cho HS trả lời câu hỏi: <i>Đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về hoạt động kinh tế của Hy Lạp cổ đại?</i> + GV định hướng cho HS tìm ra những từ/cụm từ trong đoạn tư liệu thể hiện hoạt động kinh tế. + Từ đó, cho thấy hoạt động kinh tế ở Hy Lạp rất phát triển, đặc biệt là ở cảng Pi-rê. + Kết hợp cho HS quan sát và đọc chú thích của hình 3 để thấy được sự phát triển của cảng Pi-rê cho đến ngày nay. GV có thể trình chiếu cho HS thấy được sự phát triển của cảng biển này. GV mở rộng giải thích thêm vì sao cảng Pi-rê lại là trung tâm xuất - nhập khẩu và buôn bán nô lệ sầm uất của thế giới cổ đại.	1. Điều kiện tự nhiên a) Hy Lạp cổ đại - Vị trí địa lý: Nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng, gần Địa Trung Hải. - Địa hình: Bị chia cắt, đồng bằng nhỏ hẹp, giàu khoáng sản, nhiều cảng biển. - Tác động đến kinh tế: + Trồng cây công nghiệp + Phát triển luyện kim, gốm + Phát triển buôn bán, xuất nhập khẩu b) La Mã cổ đại - Vị trí địa lý: Nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là bán đảo I-ta-li-a. - Địa hình: Có nhiều vịnh, nhiều đồng bằng và đồng cỏ rộng lớn. - Tác động đến kinh tế: + Thuận lợi cho tàu bè buôn bán + Trồng trọt, chăn nuôi có điều kiện phát triển + Thuận lợi cho luyện kim.

? Quan sát lược đồ và kiến thức đã học em hãy cho biết điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại có gì giống và khác nhau so với Hy Lạp cổ đại? Sự giống và khác nhau về điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại so với Hy Lạp cổ đại: + Giống nhau: xung quanh đều được biển bao bọc; bờ biển có nhiều vịnh, cảng nên thuận lợi để phát triển thương mại đường biển; lòng đất có nhiều khoáng sản nên thuận lợi phát triển luyện kim. + Khác nhau: La Mã cổ đại có nhiều đồng bằng rộng lớn nên trồng trọt và chăn nuôi có điều kiện phát triển, còn Hy Lạp bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp trồng cây lương thực. Với vị trí ở trung tâm Địa Trung Hải, La Mã không chỉ có thuận lợi trong tiến hành buôn bán với các vùng xung quanh Địa Trung Hải mà còn dễ dàng chinh phục những vùng lãnh thổ mới và quản lí hiệu quả cả đế chế rộng lớn. - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: 2. NHÀ NƯỚC THÀNH BANG VÀ NỀN DÂN CHỦ CỔ ĐẠI Ở HI LẠP.

a. Mục tiêu: HS nắm được nhà nước thành bang và nền dân chủ cổ đại ở Hy Lạp

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV cho HS xem 1 đoạn video về Hy Lạp cổ đại và yêu cầu HS: cho biết khái niệm nhà nước thành bang và tổ chức bộ máy như thế nào? ? Vì sao ở Hy Lạp lại hình thành nhiều nhà nước thành bang? ? Nền dân chủ A-ten được biểu hiện như thế nào? ? Yếu tố dân chủ được thể hiện như thế nào qua hình ảnh 10.3? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ.	2. Nhà nước thành bang và nền dân chủ đại ở Hi Lạp - Nhà nước cổ đại Hy Lạp bao gồm nhiều thành bang. - Tiêu biểu là thành bang A-ten - Cơ cấu tổ chức của nhà nước A-ten: gồm 4 cơ quan chính: Đại hội nhân dân, Hội

- GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. ? Khái niệm nhà nước thành bang và tổ chức bộ máy như thế nào? Nhà nước thành bang Là nhà nước nhỏ, có một thành thị là trung tâm, xung quanh là đất trồng trọt. Trong mỗi thành bang có phố xá, lâu đài, đền thờ, sân vận động, nhà hát và bến cảng. Mỗi thành bang có bộ máy quyền lực riêng, luật pháp riêng, tài chính riêng. ? Vì sao ở Hy Lạp lại hình thành nhiều nhà nước thành bang? - Do địa hình bán đảo bị chia cắt thành nhiều vùng đồng bằng nhỏ hẹp, nên không có điều kiện tập trung đông dân cư ở một nơi. Mặt khác sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp dân cư tập trung đông đúc lại không cần thiết và chỉ tập trung ở thành thị. Dần dần thành thị này trở thành trung tâm của một vùng hay là một thành bang. ? Nền dân chủ A-ten được biểu hiện như thế nào? Cơ quan quyền lực cao nhất là Đại hội nhân dân gồm toàn bộ công dân nam từ 18 tuổi trở lên, có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả những vấn đề hệ trọng của đất nước. Đại hội nhân dân cũng bầu ra Hội đồng 500 người là cơ quan thường trực giải quyết các vấn đề thường xuyên của nhà nước, Tòa án gồm 6000 thẩm phán có quyền lực ngang nhau để giảm tính độc đoán khi xét xử. Hội đồng 10 tư lệnh. Điều này cho thấy tính dân chủ thể hiện rất rõ ràng trong bộ máy quyền lực của nhà nước A-ten. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm mình. - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập. GV có thể mở rộng để rèn luyện kỹ năng phân tích, nhận xét cho HS bằng cách đặt câu hỏi: <i>Theo em, hạn chế của nền dân chủ ở A-ten cổ đại là gì?</i> HS thảo luận và đại diện nhóm trả lời. HS hiểu và vận dụng được kiến thức trong cả bài học để trả lời được hạn chế là nền dân chủ này chỉ dành cho một bộ phận dân cư và dựa trên cơ sở là sự bóc lột nô lệ - lực lượng đông đảo trong xã hội.	đồng 10 tư lệnh, Hội đồng 500 người và Tòa án 6.000 người. Nhà nước thành bang A-ten là một nền dân chủ điển hình thời cổ đại
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: 3. NHÀ NƯỚC ĐẾ CHẾ LA MÃ CỔ ĐẠI

a. Mục tiêu: HS nắm được quá trình phát triển và suy tàn của đế chế La Mã; tổ chức nhà

nước đế chế ở La Mã

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. GV cho HS đọc thông tin trong SGK và quan sát Sơ đồ tổ chức Nhà nước đế chế ở La Mã GV: Dựa vào sơ đồ hình 8, em hãy trình bày tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã ? Quan sát hai sơ đồ, em hãy chỉ ra điểm khác nhau giữa nhà nước thành bang ở Hy Lạp và nhà nước đế chế ở La Mã. Hình 8: Sơ đồ tổ chức Nhà nước đế chế ở La Mã. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc sgk và thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ nếu HS cần. HS trình bày được tổ chức nhà nước theo cách hiểu của mình, nhưng đảm bảo được nội dung chính: Quyền lực tập trung vào trong tay hoàng đế. Viện Nguyên lão vẫn được duy trì, nhưng chỉ mang tính hình thức. Cơ quan Đại hội nhân dân không còn quyền biểu quyết những vấn đề hệ trọng của đất nước như trước đây nữa. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. GV có thể hỏi nâng cao, mở rộng: Tại sao Nhà nước La Mã lại phát triển thành một Nhà nước đế chế, trong khi các nhà nước thành bang ở Hy Lạp lại không có xu hướng như vậy ? HS có thể không trả lời được câu hỏi này. GV định hướng và có thể chốt kiến thức: Để cai quản được lãnh thổ rộng lớn bao trùm nhiều phần của cả ba châu lục (Âu, Á, Phi) vào thời kì đế quốc La Mã thì cần một bộ máy nhà nước trong đó quyền lực tập trung vào trong tay một người, đó là hoàng đế.	3. Nhà nước đế chế La Mã cổ đại - Từ một thành bang nhỏ bé ở miền trung bán đảo I-ta-ly, La Mã đã dần mở rộng lãnh thổ và trở thành một đế chế rộng lớn. - Từ năm 27 TCN, dưới thời của Ôc-ta-vi-út (Octavius), La Mã chuyển sang hình thức nhà nước đế chế. - Nhà nước đế chế La Mã quyền lực tập trung trong tay vua

Trong khi đó, các thành bang ở Hy Lạp lại chủ yếu phát triển kinh tế công thương nghiệp, buôn bán bằng đường biển ở các hải cảng sầm uất, nên không có xu hướng mở rộng lãnh thổ và hình thành nhà nước đế chế như ở La Mã.

4. Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 4: 4. MỘT SỐ THÀNH TỰU VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA HI LẠP, LA MÃ

a. Mục tiêu: HS nêu được một số di sản tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã và tự tin trình bày được trước lớp.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập. -GV chia lớp thành 5 nhóm mỗi nhóm tương ứng với 1 thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã Các thành tựu: Chữ viết, văn học, lịch, khoa học, kiến trúc Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + Về chữ viết: Trên cơ sở học tập chữ viết của người phương Đông, người Hy Lạp và La Mã đã sáng tạo ra chữ cái La-tinh, trở thành chữ viết của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay. Hệ thống chữ La tinh ra đời dựa trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Hy Lạp Người La Mã còn tạo ra hệ thống chữ số với 7 chữ cơ bản, gọi là chữ số La Mã. <i>Hình 9: Bảng chữ số La Mã</i> + Về văn học : 2 tác phẩm nổi tiếng là I-li-át và Ô-đi-xê + Về khoa học: Người Hy Lạp đã khái quát thành những định lí, định đề đặt nền móng cho sự ra đời của các khoa học sau này. GV cũng có thể mở rộng, kể thêm về một số nhà bác học như Pi-ta-go, Ta-lét, Ác-si-mét, Hê-rô-đốt,... + Về lịch: Ở đây, GV chỉ cần định hướng cho HS hiểu được người Hy Lạp và La Mã biết rút kinh nghiệm, nâng cao hiểu biết, làm lịch chính xác hơn gọi là dương lịch. + Về kiến trúc điêu khắc: Kiến trúc điêu khắc Hy Lạp: đền Pác-tê-nông, đền A-tê-na, nhà hát Đi-ô-ni-xốt, tượng thần Dớt, tượng nữ thần A-tê-na, tượng Vệ nữ thành Mi-lô.	4. Một số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hi Lạp La Mã - Dựa trên sự tiến bộ và trình độ phát triển cao về kinh tế công thương nghiệp và thể chế dân chủ, cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại đã để lại rất nhiều di sản có giá trị cho nhân loại trên nhiều lĩnh vực: chữ viết, văn học, khoa học tự nhiên, lịch, luật pháp, kiến trúc và điêu khắc,...

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận. GV có thể đặt câu hỏi để rèn luyện thêm kỹ năng nhận xét, trình bày cho HS: <i>Em ấn tượng với thành tựu nào nhất? Vì sao?</i> HS có thể trả lời và giải thích lí do theo cách hiểu của mình. GV cần khuyến khích, động viên HS. HS nêu được một số di sản tiêu biểu của văn minh Hy Lạp, La Mã và tự tin trình bày được trước lớp. Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập. GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

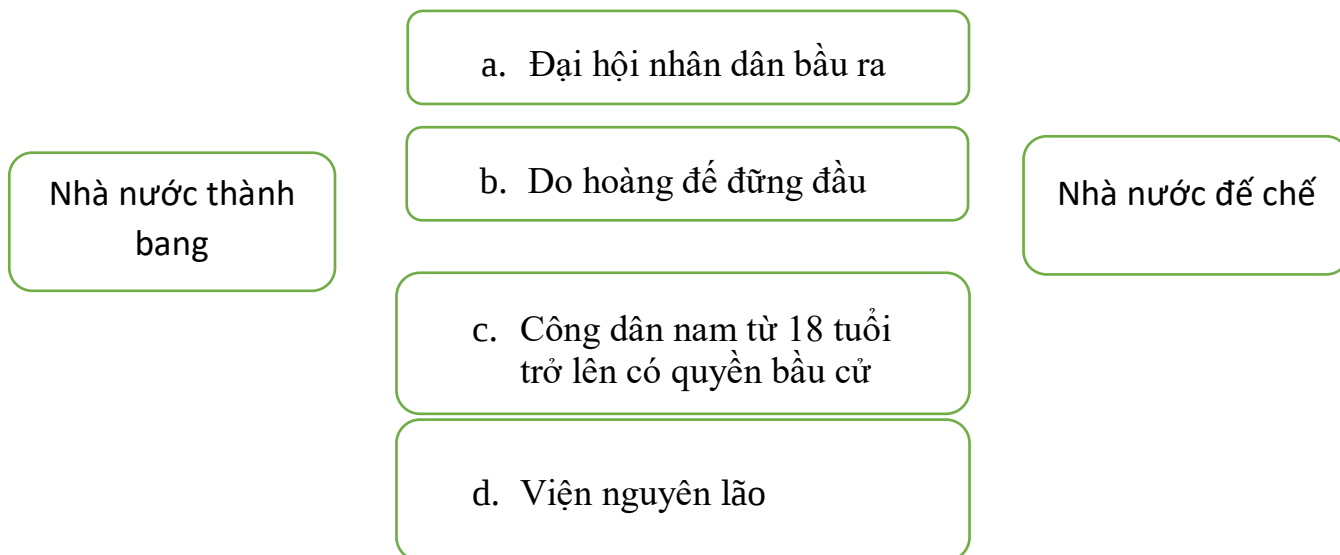
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

GV giao bài tập cho HS

Bài 1: Hãy ghép ô chữ hai bên (trái phải) với ô chữ ở giữa sao cho phù hợp về nội

dung



Bài 2: Hãy ghép nhân vật lịch sử với lĩnh vực khoa học mà họ có nhiều cống hiến

4. Hãy ghép nhân vật lịch sử với lĩnh vực khoa học mà họ có nhiều cống hiến.



D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

- GV yêu cầu HS: ? **Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại. Hãy chia sẻ với cả lớp và nêu lí do**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, trình bày với giáo viên vào tiết học sau.

Dặn dò: soạn và tìm hiểu bài học tiếp theo: bài 11: *CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á*

? Kể tên các quốc gia Đông Nam Á hiện nay. (Lục địa và hải đảo)

TIẾT 20+21 BÀI 11 CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á

Ngày soạn: 9/12/2022

Ngày dạy 13/12/2022

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
- Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung

- + Tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
- + Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp bản thân.
- + Giải quyết vấn đề sáng tạo: Phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực riêng

- + Tìm hiểu lịch sử: Khai thác các thông tin có trong hình ảnh, tư liệu, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời cổ với các nước Đông Nam Á hiện tại.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được vị trí địa lý của khu vực. Miêu tả được sự xuất hiện của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á.
- + Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với tình hình hiện tại.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa chung của khu vực ĐNÁ.
- Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN

4. HSKT:

- **Biết được một số nét chính về điều kiện tự nhiên của các nước trong khu vực Đông Nam Á.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. HS

- Tài liệu tranh ảnh theo sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chiếu hình ảnh các quốc gia ĐNÁ ngày nay và đặt câu hỏi:

Nhìn vào hình lá cờ, trang phục, truyền thống đoán tên quốc gia

B2: Thực hiện nhiệm vụ. GV hướng dẫn HS quan sát, chỉ lược đồ và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo thảo luận, GV nhận xét (hoạt động của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: 1. “Cái nôi” của nền văn minh lúa nước

a) **Mục tiêu:** HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. HS nhận biết được đặc điểm nổi bật về địa hình của Đông Nam Á.

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) -GV yêu cầu HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi: + Nhóm 1,2: Kể tên các quốc gia Đông Nam Á hiện nay. (Lục địa và hải đảo) + Nhóm 3, 4: Xác định vị trí địa lý của Đông Nam Á ? Theo em, với vị trí nằm trong đới khí hậu nhiệt đới ở vùng Đông Nam Á có những loại cây trồng và gia vị nào? (Lúa nước, Gừng, Quế, Tiêu, Chuối, Mít). (hs khuyết tật tham gia thảo luận cùng với nhóm). B2: Thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. HS: - Quan sát ngữ liệu trong SGK. - Làm việc nhóm, suy nghĩ tìm câu trả lời. B3: Báo cáo, thảo luận	1. “Cái nôi” của nền văn minh lúa nước - Đông Nam Á nằm ở phía đông nam của châu Á, cầu nối giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương; là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải. - Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, lượng mưa lớn, thuận lợi trồng cây lúa nước.

GV mời HS 1 vài nhóm lên chỉ trên lược đồ và trình bày vị trí địa lí của Đông Nam Á HS nhận biết được vị trí địa lí của Đông Nam Á trên bản đồ. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. GV có thể mở rộng kiến thức Đông Nam Á nằm ở "ngã tư đường" giữa <u>châu Á</u> và <u>châu Đại Dương</u>, <u>Thái Bình Dương</u> và <u>Ấn Độ Dương</u>. <u>Eo biển Ma-lắc-ca</u> chính là "yết hầu" của giao lộ này, địa vị chiến lược trọng yếu vô cùng.	
---	--

2. Quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á

a. Mục tiêu: HS rút ra được quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á

b. Nội dung:

GV sử dụng KT khăn trải bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.

- HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.

c. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm và giao nhiệm vụ: Hoạt động nhóm: Khăn trải bàn ? Đọc thông tin trang 51, em hãy cho biết cơ sở hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á? ? Đọc thông tin kết hợp chỉ trên lược đồ H1 (T52) một số quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á? ? Đọc tư liệu và quan sát hình 2, 3 để trả lời câu hỏi: Tư liệu và hình ảnh chứng tỏ điều gì về giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên? B2: Thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. B3: Báo cáo, thảo luận. GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - GV mở rộng: Các vương quốc được hình thành ở cả Đông Nam Á, nhưng nhiều nhất là ở lục địa vì có điều kiện tự nhiên thuận	2. Quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á - Khoảng thế kỷ VII TCN đến VII, xuất hiện 1 số quốc gia sơ kì như: Văn Lang – Âu Lạc, Chăm pa, Phù Nam (Việt Nam), và một số nước như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a. - Thương nghiệp phát triển. Xuất hiện một số thành thị sầm uất như Óc eo (Việt Nam), Ta-cô-la (bán đảo Mã Lai, thuộc Thái Lan

lợi, sông lớn tạo điều kiện cho người dân tụ họp thành các làng xã. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	
--	--

C. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á ra đời vào khoảng thời gian nào? - Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.

Câu 2: Đoạn tư liệu trong SGK trang 52 chứng tỏ điều gì về tình hình kinh tế của các quốc gia sơ kì trong khu vực? - Đã có sự giao lưu buôn bán với nhiều nước khác

Câu 3: theo em nét tương đồng về kinh tế của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á so với Hy Lạp và La Mã cổ đại là gì? - Thương mại đường biển thông qua các hải cảng

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Gv chốt KT: Câu 1. Thông qua giao lưu thương mại, kích thích nền kinh tế các vương quốc Đông Nam Á sơ kì phát triển nhanh hơn, mạnh hơn.

Đồng thời, qua đó, tăng cường tiếp xúc, giao lưu văn hoá với các nền văn hoá lớn, học tập chữ viết, cách tổ chức nhà nước, kĩ thuật, nghệ thuật, tư tưởng,...

D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI VÀ MỞ RỘNG.

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

1. Dựa vào Lược đồ hình 1 (trang 52, SGK), hãy lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp.

TT	Tên quốc gia sơ kì	Tên quốc gia hiện nay
1	Văn Lang – Âu Lạc	Việt Nam
...		
...		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- GV hướng dẫn HS tìm thông tin cơ bản: Thời gian tồn tại của các quốc gia đó, bộ máy nhà nước được tổ chức thế nào, hoạt động kinh tế nổi bật là gì,...
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT đã hướng dẫn.

B4: Gv kết luận.

* DẶN DÒ: HS về nhà chuẩn bị bài mới:

- ? Em có nhận xét gì về phạm vi hình thành của các quốc gia phong kiến này?
- ? Nêu tên và xác định nơi hình thành các vương quốc phong kiến trên lược đồ và vương quốc đó thuộc các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay?
- ? Cơ sở hình thành các vương quốc phong kiến Đông Nam Á?

TIẾT 22+23 BÀI 12:

**SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC
PHONG KIẾN Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X)**

Ngày soạn: 11/12/2023 Ngày dạy: /12/2023

I. MỤC TIÊU.

1. Về kiến thức:

- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).
- Kể tên được một số quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

-Phân tích được tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đến thế X.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung

- + Tự chủ và tự học: Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện.
- + Giao tiếp và hợp tác: Hiểu rõ nhiệm vụ cá nhân, nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp bản thân.
- + Giải quyết vấn đề sáng tạo: Phân tích, tóm tắt những thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Năng lực riêng

- + Tìm hiểu lịch sử: Khai thác các thông tin có trong hình ảnh, tư liệu, đọc bản đồ xác định mối liên hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á thời phong kiến với các nước Đông Nam Á hiện tại.
- + Nhận thức và tư duy lịch sử: Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các quốc gia Đông Nam Á. Hiểu rõ hoạt động kinh tế chính và sự tác động của giao lưu thương mại đến các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á.
- + Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ với tình hình hiện tại.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, biết tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hóa, học hỏi để hòa nhập.
- Có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa chung của khu vực ĐNÁ.
- Giáo dục tinh thần chung thống nhất của khu vực và hướng tới cộng đồng chung ASEAN

4. Học sinh khuyết tật.

- HS nắm được hoạt động kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

2. HS

- Tài liệu theo sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC:

1. Ổn định: kiểm tra sĩ số HS

2. Bài cũ: Trình bày những thành tựu của nền văn hóa Xô Viết ?

3. Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. Hoạt động khởi động.

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV mời HS tham gia trò chơi “Ai nhanh tay hơn”

- Cả lớp chia thành 2 đội. Đội 1 là đội con khi, đội 2 là con đội con gấu trúc.
- Cả 2 đội sẽ trả lời lần lượt các câu hỏi, đội nào trả lời đúng nhiều câu hỏi và qua sông trước là đội đó giành chiến thắng.

P/S: Trong trường hợp các đội không trả lời đúng câu hỏi thì đội còn lại sẽ có cơ hội trả lời câu hỏi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát tranh để có gợi ý.

HS: Quan sát hình ảnh phát biểu.

1. Đây là gia vị nào? **Tỏi**

2. Khu vực Đông Nam Á được coi là

A. Cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ

B. “ngã tư đường” của thế giới.

C. “cái nôi” của thế giới.

D. Trung tâm của thế giới.

3. Đông Nam Á là quê hương của loại cây trồng nào? – **Lúa nước**

4. Đây là gia vị nào? – **Nghệ**

5. Đây là gia vị nào? – **Đường**

6. Vì sao khu vực Đông Nam Á có vị trí địa lí rất quan trọng?

A. Nằm giáp Trung Quốc.

B. Nằm giáp Ấn Độ.

C. Tiếp giáp với khu vực châu Á gió mùa..

B. Nằm trên con đường biển nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

B3: Báo cáo thảo luận

GV: Mời một vài HS trả lời câu hỏi.

HS: HS trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV dẫn dắt: Không chỉ là quê hương của cây lúa nước, Đông Nam Á còn có rất nhiều cây hương liệu và gia vị quý. Do đó, với lợi thế về vị trí địa lí, các thương cảng Đông Nam Á đã trở thành những trung tâm buôn bán gia vị khá sôi động, nơi gặp gỡ giao lưu của thương nhân từ nhiều nơi trên thế giới. Dựa trên nền tảng những quốc gia sơ kì, các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á đã được hình thành ra sao và sự phát triển kinh tế, sự hoàn thiện

về bộ máy chính trị của các vương quốc đó thể hiện thế nào? Đó là những nội dung chính của bài học này.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

B: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Sự hình thành các vương quốc phong kiến.

a) Mục tiêu: HS nhận biết được quá trình hình thành các vương quốc phong kiến

b) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Thảo luận nhóm -GV yêu cầu HS Dựa vào thông tin hình 12.3 em hãy điền tên các quốc gia phong kiến Đông Nam Á lên lược đồ. N1: Em có nhận xét gì về phạm vi hình thành của các quốc gia phong kiến này? N2: Nêu tên và xác định nơi hình thành các vương quốc phong kiến trên lược đồ và vương quốc đó thuộc các quốc gia Đông Nam Á nào ngày nay? N3: Cơ sở hình thành các vương quốc phong kiến Đông Nam Á? N4: Em hiểu thế nào về khái niệm vương quốc cổ và vương quốc phong kiến? B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ trao đổi và ghi lại đáp án câu hỏi. B3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày, nhóm khác quan sát, theo dõi bạn trình bày và nhận xét. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình. GV: khái niệm Cổ đại: Thời đại của các quốc gia đầu tiên (theo chế độ chuyên chế cổ đại hay chiếm hữu nô lệ) thời đại của những nền văn minh đầu tiên của nhân loại. Phong kiến: Chế độ XH xây dựng trên cơ sở quan hệ bóc lột của quý tộc, địa chủ đối với nông dân bằng tô thuế. Chuyển nội dung phần 2.	1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến. - Thời gian: Từ thế kỉ VII – X. - Ở khu vực Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia: Pa- gan, Pê-gu, Tha-ton, Ha-ri-pun-giay-a, Đva-ra-va-ti, Cam-pu-chia, Đại Cổ Việt, Chăm-pa, Tu-ma-sic, Sri-vi-giay-a và Ka-lin-ga.

Hoạt động 2: 2. Hoạt động kinh tế ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

a. Mục tiêu: HS nắm được hoạt động kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hoạt động nhóm 2 bàn – 4 bạn – khăn trải bàn – 7 phút ? Khai thác tư liệu sgk (55) và cho biết thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi những sản vật nào của vương quốc Sri Vi-giay-a? ? Hãy trình bày hoạt động kinh tế chính của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến X? (HSKT tham gia trả lời câu hỏi) ? Giải thích về sự phát triển kinh tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa với vương quốc ở hải đảo? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm. GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần). - Sự phát triển kinh tế khác nhau giữa các vương quốc lục địa và hải đảo: Lục địa - lưu vực sông- vương quốc- nông nghiệp lúa nước. Hải đảo- vương quốc gần biển- buôn bán nước ngoài. HS: - Trả lời câu hỏi của GV. - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm. - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS. - GV mở rộng: Các vương quốc được hình thành ở cả Đông Nam Á, nhưng nhiều nhất là ở lục địa vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, sông lớn tạo điều kiện cho người dân tụ họp thành các làng xã. - Chuyển dẫn sang phần luyện tập.	+ Nông nghiệp vẫn là nền kinh tế chủ yếu của các vương quốc phong kiến. + Thương mại biển phát triển, kết nối buôn bán châu Á và châu Âu. (Con đường gia vị) + Thương cảng nổi tiếng: Đại Chiêm (Chăm pa), Pa-lem-bang (Sri Vi-giay-a)... => Điểm giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các châu lục.

C. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Tổ chức thực hiện

Trắc nghiệm:

Câu 1: Các quốc gia phong kiến ở khu vực Đông Nam Á được hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ I đến thế kỉ III
- B. Từ thế kỉ III đến thế kỉ V
- C. Từ thế kỉ V đến thế kỉ VII
- D. Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

Câu 2: Nguồn sản vật nổi tiếng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á là?

- A. Cà là
- B. Nho.
- D. Ô liu
- C. Gia vị

Câu 3: Quốc gia phong kiến nào ở Đông Nam Á phát triển mạnh về buôn bán đường biển?

- A. Chân Lạp.
- B. Cămpuchia
- C. Sri Vi - giay - a.
- D. Pa-gan

Câu 4: Dựa vào tư liệu trang 55 sgk cho biết: Thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn điều gì từ vương quốc Sri Vi - giay - a.

- A. Nhà vua rất thân thiện
- B. Đất nước có nhiều cây gỗ
- C. Đất nước có nhiều cây thuốc quý và dầu thơm
- D. Đất nước có nhiều cây cà phê

D. VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề.
Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Vào thế kỉ X, 1 pound nghệ tây (khoảng 4 lạng) có giá ngang với 1 con ngựa, 1 pound gừng có giá ngang 1 con bò. Từ câu chuyện trên cùng thông tin trong bài học, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3- 5 câu) mô tả sự hấp dẫn của nguồn gia vị ở các vương quốc Đông Nam Á đối với thương nhân nước ngoài?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

GV hướng dẫn HS: Thông qua phép tính đơn giản, so sánh liên hệ với giá cả một số loại gia vị mà em biết hiện nay (gừng, nghệ tây,...), HS sẽ thấy được giá cả của các loại gia vị vào khoảng thế kỉ X đắt đỏ như thế nào.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT đã hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

*** Dặn dò HS:**

- Soạn đề cương để chuẩn bị kiểm tra cuối học kỳ I

TIẾT 24: ÔN TẬP

Ngày soạn 11/12/2023 Ngày dạy:

I-MỤC TIÊU:

1- Kiến thức: hs nắm được:

- Những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ đại.
- Sự xuất hiện của loài người trên trái đất.
- Các giai đoạn phát triển của người nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.
- Các quốc gia cổ đại .
- Những thành tựu văn hoá thời cổ đại

2-Kĩ năng:

HS thực hiện được:

- Kĩ năng khái quát.
- Kĩ năng quan sát và so sánh cho HS.

3-Thái độ: HS thấy được :

- Vai trò của lao động sản xuất, lịch sử phát triển của con người.
- Các em trân trọng những thành tựu của thời cổ đại .
- Giúp các em có kiến thức cơ bản nhất của lịch sử thế giới cổ đại để làm cơ sở học tập phần lịch sử dân tộc.

4- Định hướng năng lực được hình thành:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip, so sánh, nhận xét, đánh giá ...

II-CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sách giáo khoa, chuẩn bị bài.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1-Ổn định lớp

2-Kiểm tra bài cũ:

?Người ta tìm thấy dấu tích của người tối cổ ở đâu? Yếu tố nào người tối cổ trở thành người tinh khôn?

3- Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

a. Mục tiêu: Định hướng nội dung kiến thức của bài

b. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức chơi trò ai nhanh tay kể tên các quốc gia cổ đại phương Đông Và phương Tây

-GV giới thiệu bài mới Phần 1 của lịch sử 6 đã trình bày những nét cơ bản của lịch sử xã hội loài người từ khi xuất hiện đến cuối thời cổ đại .Chúng ta đã biết loài người lao động và chuyển biến như thế nào để đưa xã hội tiến lên và xây dựng những quốc gia đầu tiên trên thế giới. Đồng thời họ sáng tạo nên những thành tựu quý giá để lại cho đời sau. Đó chính là nội dung chính của tiết học hôm nay .

B. CÁC HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: 1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc

a. **Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ đại.

- Sự xuất hiện của loài người trên trái đất.
- Các giai đoạn phát triển của người nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.
- Các quốc gia cổ đại .
- Những thành tựu văn hoá thời cổ đại

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV Hoạt động của HS Nội dung bài học

*** Gv chia HS làm 3 nhóm thảo luận nội dung :**

Nhóm 1: điểm khác nhau giữa người Tinh khôn và người tối cổ ? (Về con người)

Nhóm 2: điểm khác nhau giữa người tinh khôn và người tối cổ ? (Về công cụ sản xuất)

GV cho HS xem những công cụ bằng đá, bằng đồng để HS so sánh các công cụ thời kì đồ đá cũ, đá giữa, đá mới, đồ kim khí (sgk)

Từ đó HS rút ra nhận xét.

Nhóm 3 : điểm khác nhau giữa người tinh khôn và người tối cổ ? (Về tổ chức xã hội)

GV cho HS xem lại những bức tranh về người nguyên thủy .

HS quan sát nhận xét, so sánh.

* Đại diện nhóm trình bày, cả lớp quan sát, nhận xét, bổ sung. Gv nhận xét kết luận

GV cho HS xem lại lược đồ các quốc gia cổ đại H10 SGK. Sau đó gọi HS trình bày trên lược đồ.

-3 nhóm thảo luận

-Nhóm 1 trả lời

HS: -Người tối cổ : Hộp sọ và não nhỏ, trên mình còn lớp lông mỏng, xương choãi về phía trước.

-Người tinh khôn:Dáng thẳng đứng, đôi tay khéo léo, trán cao, mặt phẳng, hộp sọ và thể tích não lớn hơn, lớp lông biến mất.

HS: Quá trình lao động, vì vậy lao động là yếu tố rất quan trọng thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển.

HOẠT ĐỘNG 2: CHÓT KIẾN THỨC NỘI DUNG ÔN TẬP:

1-Những điểm khác nhau giữa Người tinh khôn và người tối cổ :

a. Về con người :

+Người tối cổ: Hộp sọ và não nhỏ, xương hàm choãi về phía trước trên người còn lớp lông mỏng

+Người tinh khôn: Hình dáng giống con người hiện nay.

b. Về công cụ sản xuất:

- Người tối cổ công cụ bằng đá ghè đẽo thô sơ

- Người tinh khôn công cụ bằng đá mài tinh xảo (công cụ bằng đồng như : cuốc, liềm, thuổng ... đồ trang sức bằng đá, bằng đồng)

c. Về tổ chức xã hội :

- Người tối cổ sống theo bầy, săn bắt và hái lượm

- Người tinh khôn sống theo thị tộc, trồng trọt và chăn nuôi

2-Thời cổ đại có những quốc gia lớn nào?

- Phương Đông: Ai Cập, vùng Lưỡng Hà, Ấn Độ Trung Quốc.

- Phương Tây : Hi Lạp và Rô Ma.

C. Hoạt động luyện tập

Mục tiêu: Luyện tập củng cố nội dung bài học

Câu hỏi:

Câu 1: Trình bày các tầng lớp chính trong XH phương Đông và phương Tây?

Câu 2: Phân tích thân phận của từng tầng lớp? (Giành cho HS khá giỏi)

Câu 3: Trình bày những thành tựu văn hoá thời cổ đại :

- Về chữ viết, chữ số.
- Về khoa học.
- Về các công trình nghệ thuật

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng

Mục tiêu: Vận dụng làm bài tập

-Kể tên các quốc gia cổ đại ? Các tầng lớp xã hội thời cổ đại ? (Lược đồ)

-Nguyên nhân nào làm cho xã hội nguyên thuỷ tan rã?

*Trò chơi ô chữ: Chia lớp thành hai nhóm và hoàn thành ô chữ trong bảng phụ.

-HS trả lời

-HS trả lời

Dặn dò:

*Đối với tiết học này:

-Các em về nhà học bài theo các câu hỏi ở SGK/21. Hoàn chỉnh các BT ở VBTLS bài 7.

TIẾT 25: KIỂM TRA CUỐI KÌ I

(Có ma trận, đề, đáp án kèm theo)

**TIẾT 26. BÀI 13. GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG
NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X (T1)**

Ngày soạn: 2/1/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Tự hào về những thành tựu văn hoá - văn minh của các nước Đông Nam Á.
- Hình thành ý thức trân trọng, giữ gìn các di sản và những giá trị văn hoá truyền thống.

4. Học sinh khuyết tật

(Biết được vài nét chính về tín ngưỡng, tôn giáo)

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Những tư liệu về các thành tựu văn hoá chủ yếu của Đông Nam Á.

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS: Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

B1: GV cho HS xem video về Lễ hội “Té nước Song – kran (Thái Lan) và hỏi HS:
? Quan sát đoạn video và cho biết đoạn video đang nói đến lễ hội nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Vào những thế kỉ đầu công nguyên, thuyền bè của nhiều nước đã qua lại trên vùng biển Đông Nam Á để buôn bán và trao đổi sản vật. Con đường giao thương trên biển dần hình thành. Từ giao lưu thương mại dẫn đến giao lưu văn hóa. Quá trình giao lưu này đã để lại những dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của Đông Nam Á mười thế kỉ đầu công nguyên.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tín ngưỡng, tôn giáo

a. Mục tiêu: HS kể được tên một số tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam cũng như khu vực Đông Nam Á

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: ? Em hãy kể một số tín ngưỡng dân gian ở nước ta mà em biết? HSKT ? Nhìn vào các hình trên và cho biết những tên tôn giáo nào đã ảnh hưởng tới khu vực Đông Nam Á B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV giới thiệu về một số tín ngưỡng chủ yếu như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ Thần - Vua, tục cầu mưa ở các nước thuộc khu vực Đông Nam Á. GV có thể liên hệ với hình ảnh con cóc trên mặt trống đồng Đông Sơn, biểu tượng của tục cầu mưa của cư dân làm nông nghiệp Văn Lang - Âu Lạc. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV)	1. Tín ngưỡng, tôn giáo - Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian, hầu hết có liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. - Các tín ngưỡng bản địa ở Đông Nam Á đã kết hợp, dung hoà với những tôn giáo bên ngoài như Ấn Độ giáo, Phật giáo, tạo nên đời sống tín ngưỡng đa dạng, phong phú.

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”.

Câu 1: Các tín ngưỡng bản địa Đông Nam Á đã dung hợp với tôn giáo nào từ Ấn Độ và Trung Quốc?

- A. Ấn Độ giáo và phật giáo.
- B. Phật Giáo và Thiên Chúa giáo.
- C. Ấn Độ Giáo và Thiên Chúa giáo.
- D. Ấn Độ Giáo và Hồi giáo.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á với Ấn Độ là?

- A. Do sự giao thương buôn bán
- B. Nội chiến
- C. Do chiến tranh
- D. Ngoại giao

Câu 3: Thánh địa Mỹ Sơn là ở nước nào?

- A. Thái Lan
- B. Lào.
- C. Việt Nam
- D. Cam-pu-chia.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3
Đáp án	A	A	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy cho biết văn hoá Ấn Độ và Trung Quốc ảnh hưởng như thế nào đối với khu vực Đông Nam Á trong những thế kỉ đầu công nguyên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

DẶN DÒ: HS về chuẩn bị tiết 2 của bài 13. Với các câu hỏi sau:

- + Tìm hiểu về kiến trúc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại kiến trúc nào)
- + Tìm hiểu về điêu khắc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại điêu khắc nào)

TIẾT 27 BÀI 13. GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X (T2)

Ngày soạn: 3/1/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Tự hào về những thành tựu văn hoá - văn minh của các nước Đông Nam Á.
- Hình thành ý thức trân trọng, giữ gìn các di sản và những giá trị văn hoá truyền thống.

4. HSKT

Biết được nguồn gốc chữ viết của người Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- Những tư liệu bổ sung về các thành tựu văn hoá chủ yếu của Đông Nam Á.

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS: Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS xem đoạn video về Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Xem đoạn video sau và cho biết đoạn video này đang nói đến địa danh nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. 2. Chữ viết và văn học

a. Mục tiêu: HS kể được tên những chữ viết cổ của cư dân Đông Nam Á và tên một số tác phẩm văn học tiêu biểu của các nước Đông Nam Á

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Hoàn thành phiếu học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và hoàn thành phiếu học tập: Hãy kể tên và liệt kê các chữ cổ của cư dân Đông Nam Á (HSKT tham gia thực hiện)  Nhiệm vụ 2: Làm bài tập Nối cột <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th><th>B</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Chữ của Người Việt</td><td>a. Tấm bia đầu tiên bằng chữ phạn và chữ Khơ-me cổ.</td></tr> <tr> <td>2. Sử thi Ra-ma-y-a-na của người Ấn Độ Cổ đại</td><td>b. Kế thừa chữ Hán của người Trung Quốc</td></tr> <tr> <td>3. Bia Ăng-co-Bo rây (Cam puchia)</td><td>c. Có ảnh hưởng hầu hết nền văn học các nước Đông Nam Á</td></tr> </tbody> </table>	A	B	1. Chữ của Người Việt	a. Tấm bia đầu tiên bằng chữ phạn và chữ Khơ-me cổ.	2. Sử thi Ra-ma-y-a-na của người Ấn Độ Cổ đại	b. Kế thừa chữ Hán của người Trung Quốc	3. Bia Ăng-co-Bo rây (Cam puchia)	c. Có ảnh hưởng hầu hết nền văn học các nước Đông Nam Á	2. Chữ viết và văn học a. Chữ viết - Nhiều nhóm cư dân Đông Nam Á tạo ra chữ viết riêng dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ. Riêng người Việt thì tiếp thu chữ Hán của người Trung Quốc. b. Văn học - Văn học các quốc gia Đông Nam Á cũng tiếp thu văn học Ấn Độ, tiêu biểu bộ sử thi Ma-ha-bra-ta, Ra-ma-y-a-na để sáng tạo bộ sử thi của dân tộc mình.
A	B								
1. Chữ của Người Việt	a. Tấm bia đầu tiên bằng chữ phạn và chữ Khơ-me cổ.								
2. Sử thi Ra-ma-y-a-na của người Ấn Độ Cổ đại	b. Kế thừa chữ Hán của người Trung Quốc								
3. Bia Ăng-co-Bo rây (Cam puchia)	c. Có ảnh hưởng hầu hết nền văn học các nước Đông Nam Á								

4. Chữ viết nhóm cư dân ĐNA	d. Dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ	
B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.		

Hoạt động 2. 3. Kiến trúc và điêu khắc

a. Mục tiêu: HS thấy được ảnh hưởng của Ấn Độ giáo đến các công trình kiến trúc, điêu khắc của các nước Đông Nam Á.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV chia HS thành 2 nhóm thực hiện nhiệm vụ + Nhóm 1: Tìm hiểu về kiến trúc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại kiến trúc nào) + Nhóm 2: Tìm hiểu về điêu khắc của Đông Nam Á (ảnh hưởng từ đâu và có những loại điêu khắc nào) B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS trả lời HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi. B3: Báo cáo kết quả hoạt động. GV yêu cầu HS trả lời. HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV)	3. Kiến trúc và điêu khắc a. Kiến trúc - Nghệ thuật và kiến trúc điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo và Phật giáo. - Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là kiến trúc đền - núi b. Điêu khắc - Nghệ thuật điêu khắc ở Đông Nam Á chủ yếu là Phù điêu, các bức chạm nổi, tượng thần, phật...

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
---	--

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”.

Câu 1: Chữ viết của người Chăm có nguồn gốc từ văn tự nào?

- A. Chữ hình nêm.
- B. Chữ Phạm
- C. Chữ tượng hình.
- D. Chữ La tinh

Câu 2: Tác phẩm văn học nào của Ấn Độ cổ đại có ảnh hưởng rộng khắp ở các nước Đông Nam Á

- A. Ra-ma-y-a-na
- B. Kinh Phật.
- C. Sơ-cun-tơ-ra
- D. Vê - đa

Câu 3: Đèn Bô- rô-bu-đua ngày nay thuộc quốc gia nào?

- A. Việt Nam
- B. Thái Lan
- C. In đô nê xi a
- D. Cam-pu-chia

Câu 4: Thời kì này người Việt thì thừa kế hệ thống chữ gì?

- A. Chữ hình nêm.
- B. Chữ Hán
- C. Chữ tượng hình.
- D. Chữ La tinh

Câu 5: Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á chịu ảnh hưởng đậm nét của tôn giáo nào?

- A. Ấn độ giáo, Thiên chúa giáo
- B. Phật giáo, Thiên chúa giáo
- C. Thiên chúa giáo, Ấn độ giáo.
- D. Ấn độ giáo, Phật giáo

Câu 6: Ý nào dưới đây không phải nhận định đúng về văn hoá Đông Nam Á?

- A. Các tín ngưỡng bản địa đã dung hợp với tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào khu vực như Ấn Độ Giáo, Phật giáo.
- B. Các cư dân Đông Nam Á không có chữ viết riêng mà sử dụng chữ viết của người Ấn Độ và Trung Quốc
- C. Văn học Ấn Độ ảnh hưởng rất mạnh đến văn học của các nước Đông Nam Á
- D. Kiến trúc đền núi là kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	C	B	D	B

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Tìm hiểu biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài **14: Nhà nước Văn Lang- Âu Lạc**
- Tìm hiểu sự ra đời nhà nước đầu tiên của người Việt cổ

TIẾT 28 BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC (Tiết 1)

Ngày soạn: 10/1/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

4. HSKT

- **Biết được sự ra đời của Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ.**

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ lãnh thổ Việt Nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

2. Đối với học sinh

- SGK, bài soạn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- HS xem 1 đoạn video trên máy: *Truyền thuyết Con rồng cháu Tiên*

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Nội dung của đoạn phim nhắc đến truyền thuyết nào?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ.

a) Mục tiêu: Giúp HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Văn Lang.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) * Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự ra đời nhà nước đầu tiên của người Việt cổ - HS đọc mục 1 (SGK- 61) làm việc theo cặp đôi, thảo luận và trả lời câu hỏi vào Phiếu học tập số 1 (HSKT thảo luận cùng các bạn)	1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ. a. Sự ra đời - Vào khoảng thế kỉ VII TCN, do nhu cầu trị thủy và chống giặc ngoại xâm đã thúc đẩy sự ra đời nhà nước Văn Lang. - Đứng đầu nhà nước là Hùng Vương (Vua Hùng) đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay) b. Tổ chức bộ máy nhà nước

Thời gian: 2 phút:

PHIẾU HỌC TẬP:

1. Dựa vào tư liệu trong sách giáo khoa và đoạn clip hãy hoàn thành bảng sau:

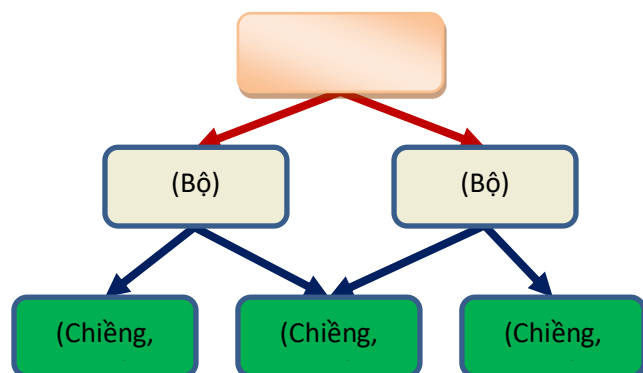
NỘI DUNG	NƯỚC VĂN LANG
Nguyên nhân ra đời	
Thời gian	
Địa điểm	
Người đứng đầu	
Kinh đô	

2. Ý nghĩa của sự ra đời nhà nước Văn Lang?

Activate Windows
Go to Settings to activate Windows.

*** Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Tổ chức nhà nước Văn Lang?**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, quan sát sơ đồ Hình 2 - Sơ đồ tổ chức Nhà nước Văn Lang SGK tr.61 và sau đó lên bảng hoàn thành sơ đồ bộ máy nhà nước Văn Lang.



? Em nhận xét gì về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang ?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.

GV hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

+ Ở Trung ương: Đứng đầu là Hùng Vương, giúp việc cho Hùng Vương là lạc hầu.

+ Ở địa phương: Lạc tướng đứng đầu các bộ (có 15 bộ); bộ chính đứng đầu chiềng, chạ.

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | |
|---|--|

GV bổ sung: ***Tìm hiểu sự ra đời nhà nước đầu tiên của người Việt cổ***

Do sự phát triển của công cụ đồng và sắt nên đời sống sản xuất có sự chuyển biến, cùng với nhu cầu làm thủy lợi (thể hiện qua truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh) và chống ngoại xâm (thể hiện qua truyền thuyết Thánh Gióng) đã thúc đẩy sự ra đời của Nhà nước đầu tiên – Nhà nước Văn Lang.

GV bổ sung: ***Tổ chức bộ máy nhà nước của người Việt cổ:*** GV phân tích sơ đồ hình 2 cho HS :

+ *Đứng đầu nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, thực chất là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc (nhà nước sơ khai). Giúp việc cho vua có các lạc hầu. Ở địa phương đứng đầu mỗi bộ (tương truyền nước Văn Lang có 15 bộ) là lạc tướng; các kẻ/chiềng /chạ chính là các đơn vị làng xã sau này do bộ chính (già làng đứng đầu)*

+ *Cách đây 2700 năm, Nhà nước Văn Lang ra đời – mốc đánh dấu lịch sử dựng nước của người Việt phù hợp với những bằng chứng khảo cổ học (Văn hóa Đông Sơn), những mốc thời gian khác như “cách đây 100 năm” hoặc “nước ta có lịch sử 4000 năm dựng nước” là không hợp lí.*

+ *Nhà nước Văn Lang ra đời đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Sự kiện này là dấu mốc kết thúc thời kì nguyên thủy trên đất nước Việt Nam, tạo cơ sở tiền đề cho sự hình thành và phát triển nền văn minh của thời kì dựng nước trong lịch sử Việt Nam.*

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi Ai là triệu phú*

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của nước ta ra đời vào thế kỉ bao nhiêu ?

A. IV TCN

B. V TCN

C. VI TCN

D. VII TCN

Câu 2. Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm bao nhiêu ?

A. 218 TCN

B. 216 TCN

C. 210 TCN

D. 208 TCN

Câu 3. Khoảng 2000 năm, những nhóm cư dân Việt cổ đã di cư từ vùng núi xuống đâu?

A. Trung du

B. Biên

- C. Cao nguyên
- D. Đồng bằng châu thổ

Câu 4. Ai là người lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt đánh bại quân Tần ?

- A. Thục Phán
- B. Vua Hùng
- C. Hai Bà Trưng
- D. Bà Triệu

Câu 5. Thế kỷ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc nào đã thu phục các bộ lạc khác lập ra nhà nước Văn Lang?

- A. Việt Thường
- B. Văn Lang
- C. Chu Diên
- D. Giao Chỉ

Câu 6: Lãnh thổ của nước Âu Lạc thuộc khu vực nào hiện nay?

- A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ
- B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ
- C. Nam Bộ và Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.
- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	D	D	A	B	B

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về khu di tích Đền Hùng và Thành Cổ Loa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

? Tại sao nhà nước Âu Lạc lại ra đời?

? Ai là người lãnh đạo kháng chiến?

? Cuộc kháng chiến nổ ra khi nào?

? Cuộc khởi nghĩa có kết quả gì?

? Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào?

.....

TIẾT 29 BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC (Tiết 2)

Ngày soạn: 14/1/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

4. HSKT

- **Biết được sự ra đời của nhà nước Âu Lạc**

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi: Lật mảnh ghép

Câu 1: Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 2: “Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ.....”

Câu 3: Người đứng đầu nhà nước Văn Lang là:

Câu 4: Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Sự ra đời nước Âu Lạc

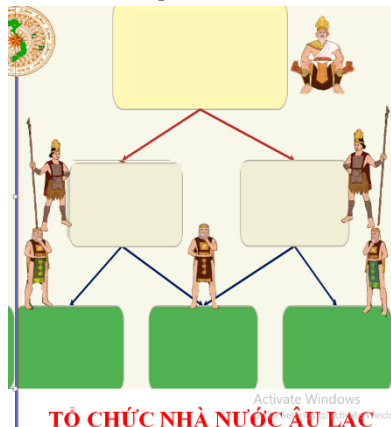
a. Mục tiêu: HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Âu Lạc.

b) Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * Nhiệm vụ 1: Trình bày sự ra đời của nhà nước Âu Lạc - GV yêu cầu HS khai thác thông tin trong SGK tr.61 và trả lời các câu hỏi sau theo công thức :4W+1H ? Why: Tại sao nhà nước Âu Lạc lại ra đời? (HSKT) ? Who: Ai là người lãnh đạo kháng chiến? ? When: Cuộc kháng chiến nổ ra khi nào? ? What: Cuộc khởi nghĩa có kết quả gì? ? How: Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào? - GV hướng dẫn HS để trả lời câu hỏi trên	2. Sự ra đời nước Âu Lạc a. Sự ra đời - Cuối thế kỉ III TCN, quân Tần xâm lược Văn Lang. - Thục Phán đã lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt chiến đấu giành thắng lợi. - Khoảng năm 208 TCN, Thục Phán lên ngôi, xưng là An Dương Vương. Đặt tên nước là Âu Lạc. - Kinh đô: Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội)

*** Nhiệm vụ 2: Trình bày tổ chức của Nhà nước Âu Lạc**

- HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, SGK tr.61 và sau đó lên bảng hoàn thành sơ đồ bộ máy nhà nước Âu Lạc.



? Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với nhà nước Văn Lang ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo nhóm, quán sát hình ảnh, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

b. Tổ chức nhà nước

-Tổ chức nhà nước Âu Lạc không có nhiều thay đổi so với nhà nước Văn Lang, quyền lực của nhà vua được mở rộng hơn.

- GV bổ sung: Cuối thế kỉ III TCN, để chống lại sự xâm lược của nhà Tần, người Lạc Việt và Âu Việt đã đoàn kết nhau lại, cử Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thục Phán lên ngôi vua, xưng là An Dương Vương lập ra nước Âu Lạc vào năm 208 TCN.

- GV bổ sung:

+ Hình 3: Sơ đồ thành Cổ Loa: HS xác định khu vực cổng thành, thành nội, thành trung, thành ngoại của thành Cổ Loa. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng theo hình xoáy tròn ốc, có ba vòng khép kín với tổng chiều dài là 16 000m. Có hào bao quanh phía ngoài, các hào nối với sông Hoàng. Nhờ vậy dù nhiều lần bị quân Triệu Đà tấn công nhưng nhờ có thành cao hào sâu vũ khí tốt nên quân dân Âu Lạc đã lần lượt đánh bại các cuộc tấn công của quân xâm lược. Đó là một biểu tượng của nền văn minh Việt cổ rất

đáng tự hào, minh chứng cho trí tuệ của người Việt cổ trong bối cảnh cách đây 2000 năm, khi trình độ kỹ thuật còn thấp kém.

+ Hình 4: Lẫy nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa: Từ truyền thuyết về nỏ thần đến thực tế lịch sử là hàng vạn mũi tên đồng đã được tìm thấy ở Cổ Loa, các loại vũ khí tìm thấy ở thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc đã chứng minh sức mạnh quân sự của nhà nước Âu Lạc có sự phát triển hơn so với nhà nước Văn Lang trước đó.

3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS: *Tham gia trò chơi Ai là triệu phú*

Câu 1. Nước Âu Lạc ra đời vào khoảng năm bao nhiêu ?

- A. 218 TCN
- B. 216 TCN
- C. 210 TCN
- D. 208 TCN

Câu 2. Ai là người lãnh đạo người Âu Việt và Lạc Việt đánh bại quân Tần ?

- A. Thục Phán
- B. Vua Hùng
- C. Hai Bà Trưng
- D. Bà Triệu

Câu 3. Lãnh thổ của nước Âu Lạc thuộc khu vực nào hiện nay?

- A. Bắc Bộ và Nam Trung Bộ
- B. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ
- C. Nam Bộ và Nam Trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ và Nam Bộ

Câu 4. Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

- A. Phong Châu
- B. Luy Lâu
- C. Cổ Loa
- D. Thanh Hoá

Câu 5. Đứng đầu Chiềng, chạ là ai

- A. Lạc tướng
- B. Lạc hầu
- C. An Dương Vương
- D. Bô chính

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời.

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và trả lời câu hỏi.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	A	B	C	D

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Đóng vai là hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về khu di tích Đền Hùng và Thành Cổ Loa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- **Dặn dò HS** những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào?

? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?

TIẾT 30 BÀI 14: NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC (Tiết 3)

Ngày soạn: 13/1/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang trên lược đồ.

- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang Âu Lạc

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và sử dụng được một số thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Phẩm chất

- Biết ghi nhớ công ơn dựng nước của tổ tiên, trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống cội nguồn có từ thời dựng nước.

4. Học sinh khuyết tật

- Nắm được những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Văn Lang- Âu Lạc.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ lãnh thổ Việt nam ngày nay
- Tranh ảnh, video liên quan đến bài học.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

GV tổ chức trò chơi: Món quà giáng sinh

Câu 1: Nước Âu Lạc ra đời vào năm bao nhiêu ?

Câu 2: Nhà nước đầu tiên của nước ta là:

Câu 3: Kinh đô nước Âu Lạc đóng ở?

Câu 4: Nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

Câu 5: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”
- Đây là câu nói của ai?

HS trả lời câu hỏi của Gv

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

a. Mục tiêu: HS trình bày được sự ra đời và tổ chức nhà nước của Âu Lạc.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức																			
* Nhiệm vụ 1: Đời sống vật chất - HS đọc mục 3 (SGK- 63) làm việc theo nhóm, thảo luận và trả lời câu hỏi vào <i>Phiếu học tập số 1</i>: Mô tả đời sống vật chất của cư dân Văn Lang Âu Lạc. + Nhóm 1: Nghề sản xuất chính + Nhóm 2: Nguồn lương thực + Nhóm 3: Trang phục + Nhóm 4: Nơi ở - Phương tiện đi lại (HSKT nghiên cứu và thảo luận cùng nhóm). * Nhiệm vụ 2: Đời sống tinh thần - HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa, nêu tên các tục lệ của người Việt ? Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10/3 âm lịch hàng năm có ý nghĩa như thế nào? ? Em có nhận xét gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.	3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. a. Đời sống vật chất <table><tr><td>Nghề sản xuất chính</td><td>Nguồn lương thực</td><td>Trang phục</td><td>Nơi ở</td><td>Phương tiện đi lại</td></tr><tr><td>Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...</td><td>- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...</td><td>- Nam đóng khố, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che -Tóc để ngang vai, búi tóc hoặc tết đuôi sam</td><td>Nhà sàn mái cong, mái tròn</td><td>Chủ yếu bằng thuyền</td></tr><tr><td>Nghề luyện kim, đúc đồng ...</td><td>- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy,...</td><td>Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...</td><td>Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông</td><td></td></tr></table> b. Đời sống tinh thần					Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại	Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...	- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...	- Nam đóng khố, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che -Tóc để ngang vai, búi tóc hoặc tết đuôi sam	Nhà sàn mái cong, mái tròn	Chủ yếu bằng thuyền	Nghề luyện kim, đúc đồng ...	- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy,...	Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...	Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông	
Nghề sản xuất chính	Nguồn lương thực	Trang phục	Nơi ở	Phương tiện đi lại																
Nghề nông trồng lúa nước, trồng dâu...	- Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, rau, cá, muối...	- Nam đóng khố, đi chân đất - Nữ mặc váy, có yếm che -Tóc để ngang vai, búi tóc hoặc tết đuôi sam	Nhà sàn mái cong, mái tròn	Chủ yếu bằng thuyền																
Nghề luyện kim, đúc đồng ...	- Ngày lễ tết có thêm bánh chưng, bánh giầy,...	Dịp lễ hội: đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức,...	Thường làm nhà ở vùng đất cao ven sông																	

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	- Nghề nông trồng lúa nước cùng với việc khai khẩn đất hoang, làm thủy lợi. - Nghề luyện kim với đúc đồng và rèn sắt đạt nhiều thành tựu rực rỡ. - Nguồn thức ăn phong phú và nhà ở - Trang phục và cách làm đẹp -Tục thờ cúng tổ tiên và các vị thần trong tự nhiên; tục xăm mình, nhuộm răng, ăn trầu...Các lễ hội gắn với nông nghiệp trồng lúa nước.
--	---

GV bổ sung: Đời sống vật chất

+ Người Việt cổ thường ở trong những ngôi nhà sàn mái cong, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền, nguồn lương thực chính là gạo nếp và gạo tẻ.

+ Người Việt đã biết để nhiều kiểu tóc như tết tóc đuôi sam, búi tóc hoặc để xõa ngang vai,, biết dùng đồ trang sức làm từ nhiều nguyên liệu khác nhau (đá , đồng, vỏ nhuyễn thể..) Trang phục phổ biến bấy giờ là nam đóng khố, nữ mặc váy và yếm.

+ Nghề sản xuất chính đó là nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, trồng dâu và nuôi tằm; luyện kim phát triển với kỹ thuật đúc đồng đạt đến trình độ cao, bước đầu đã biết đến rèn sắt.

GV bổ sung: Đời sống tinh thần

+ Đời sống tinh thần khá phong phú, sinh động với nhiều hoạt động ca hát, nhảy múa và những lễ hội mang đậm đặc trưng của kinh tế nông nghiệp lúa nước.

+ Tổ quốc, thuật luyện kim, nông nghiệp trồng lúa nước, phong tục tập quán riêng, bài học đầu tiên về công cuộc dựng nước. Chính những giá trị cốt lõi đã tạo dựng hun đúc nên bản sắc, truyền thống sức mạnh dân tộc, giúp dân tộc vượt qua được thử thách khắc nghiệt hơn 1000 năm bị Bắc thuộc ở thời kì sau.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách trả lời câu hỏi:

Câu 1. Nhà nước đầu tiên của nước ta ra đời vào thế kỉ bao nhiêu ?

- A. VI TCN
- B. VII TCN
- C. VIII TCN
- D. IX TCN

Câu 2. Người đứng đầu các Chiềng, Chạ là ai?

- A. Lạc tướng
- B. Lạc Hầu

C. Vua Hùng

D. Bò Chính

Câu 3. Đâu không phải là phong tục của người Văn Lang?

A. Bánh chưng, bánh giầy

B. Nhuộm răng đen

C. Đi chân đất.

D. Xăm hình

Câu 4. Sự tích Trầu cau và Bánh chưng, bánh giầy phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang?

A. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.

B. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.

C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.

D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu 5. “Dù ai đi ngược về xuôi

Nhớ ngày giỗ tổ.....”

A. 8/3

B. 9/3

C. 10/3

D. 11/3

Câu 6: Nghề chính của cư dân văn Lang là:

A. Trồng khoai

B. Trồng ngô

C. Trồng lúa nước

D. Trồng rau

Nhiệm vụ 2: Nối cột

1. Thời Văn Lang 2. Thời Âu Lạc	a. Thần Kim Quy
	b. Sơn Tinh - Thủy Tinh
	c. Chữ Đồng Tử, Tiên Dung
	d. Bánh chưng bánh giầy
	e. Trọng Thủy - Mỵ Châu
	f. Trầu cau

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1:

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	C	A	C	C

Nhiệm vụ 2:

1.b; c; d; f.

2.a; e.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về:

Nhóm 1: Trống đồng Đông Sơn

Nhóm 2: Tháp Đồng Đào Thịnh

Nhóm 3: Lễ hội đền Hùng

Nhóm 4: Kỹ thuật luyện kim

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- **Dặn dò HS:** những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài 15.

**TIẾT 31 BÀI 15. CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN
PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC (T1)**

Ngày soạn: 14/1/2022 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.

- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách

cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

4. HSKT

- Nắm vài nét chính về chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta về lĩnh vực kinh tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
- Các hình ảnh minh họa có liên quan đến nội dung bài học.

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật”

Câu hỏi số 1: Cư dân Văn Lang -Âu Lạc đi lại chủ yếu bằng:

- A. Xe đạp.
- B. Thuyền
- C. Xe máy

D. Máy bay

Câu hỏi số 2: Sự tích Trầu cau và Bánh chưng, bánh giầy phản ánh phong tục gì của cư dân Văn Lang?

- A. Nhảy múa, hát ca, đua thuyền trong ngày lễ hội.
- B. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên
- C. Ăn trầu, gói bánh chưng, bánh giầy trong ngày lễ hội.
- D. Trồng lúa nước và lấy đó làm lương thực chính.

Câu hỏi số 3: Truyện “Bánh chưng, bánh giầy” nói lên quan niệm gì?

- A. Phải thờ cúng tổ tiên trong ngày tết, lễ hội.
- B. Cách chế biến thức ăn.
- C. Nguồn gốc của con người
- D. Lễ cưới ngày xưa

Câu hỏi số 4: Nghề chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là gì?

- A. Thủ công nghiệp
- B. Lâm nghiệp
- C. Thương nghiệp.
- D. Trồng lúa nước

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	C	A	D

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

a. Mục tiêu: HS hiểu chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
* Nhiệm vụ 1: Về bộ máy cai trị Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc thông tin, khai thác sơ đồ hình 1 và lược đồ hình 2 trong SGK để thực hiện yêu cầu ? Sơ đồ hình 1 và lược đồ hình 2 trong SGK em hãy cho biết một số chính sách để áp đặt bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta? ? Em có nhận xét gì về tổ chức nhà nước Văn Lang và tổ chức chính quyền dưới ách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc? -GV cho HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện trình bày trước lớp Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV lưu ý HS có thể khai thác thông tin về thành Luy Lâu ở mục <i>Em có biết</i> để nhận biết được vai trò là trị sở, trung tâm chính trị quyền lực của các triều đại phong kiến phương Bắc từ thời Đông Hán đến thời Đường. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động. + GV mở rộng giải thích để HS rõ về việc chính quyền đô hộ chia tách lãnh thổ Âu Lạc thành các châu quận . Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh. * Nhiệm vụ 2: Về kinh tế Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ? Em hãy liệt kê các chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc? (HSKT) Bước 2: - GV lưu ý HS có thể khai thác thông tin về thành Luy Lâu ở mục <i>Em có biết</i> để nhận biết được vai trò là trị sở, trung tâm chính trị quyền lực của các triều đại phong kiến phương Bắc từ thời Đông Hán đến thời Đường. Bước 3: + GV mở rộng giải thích để HS rõ về việc chính quyền đô hộ	1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. a. Về bộ máy cai trị - Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính. - Áp dụng pháp luật hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta. b. Về kinh tế - Chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc để lập thành ấp, trại và bắt dân ta cày cấy. - Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề. - Nắm độc quyền về sắt và muối, bắt dân ta cống nạp nhiều vải vóc, hương liệu, sản vật quý. c. Về văn hóa – xã hội - Thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt.

chia tách lãnh thổ Âu Lạc thành các châu quận .

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

Nhiệm vụ 3: Về văn hóa – xã hội

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS đọc dữ liệu trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi

? Chính sách cai trị về văn hoá - xã hội của chính quyền phương Bắc đối với nước ta?

Bước 2:

- GV cho HS đọc, khai thác thêm thông tin trong mục *Em có biết* mở rộng hiểu biết, đề' thấy rõ những tiến bộ về kĩ thuật của nước ta thời kì Bắc thuộc như: kĩ thuật làm giấy từ cây mật hương thông qua tiếp thu kĩ thuật làm giấy từ Trung Quốc. GV có thể giới thiệu thêm về lỗ thuật “dùng côn trùng diệt côn trùng”.

Bước 3:

- GV có thể mở rộng nhận thức cho HS: Việc tìm thấy đồ gốm ở Luy Lâu cùng với khuôn đúc trống đồng, đồ tuỳ táng tại đây đã cho thấy, dù bị áp bức, bóc lột nhưng đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt cổ vẫn phát triển và đạt được không ít thành tựu nổi bật.

Bước 4:

GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Hoạt động luyện tập vận dụng

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên mời HS tham gia trò chơi “Thu hoạch cà rốt” và phổ biến luật chơi cho HS: Các em hãy giúp thỏ con thu hoạch cà rốt bằng cách trả lời những câu hỏi của GV.

Câu 1: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Thành Luy Lâu.
- C. Thành Tống Bình.
- D. Thành Đại La

Câu 2: Đâu không phải là chính sách đồng hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc?

- A. Xoá bỏ các phong tục của dân Việt
- B. Giữ nguyên các phong tục của dân Việt
- C. Mở trường dạy chữ Hán
- D. Đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt

Câu 3: Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

- A. Thứ sử
- B. Huyện lệnh
- C. Thái thú
- D. Tiết độ sứ

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Áp đặt chính sách, tô thuế nặng nề.
- B. Chiếm ruộng của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- C. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển
- D. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt

Bài tập 2: Nối cột

A	B
1. Năm 179, TCN nhà Triệu	a. Chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam gộp với 6 quận của Trung Quốc thành Châu Giao.
2. Năm 111, TCN nhà Hán	b. Chia nước ta thành hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân.
5. Năm 679, nhà Đường	c. Đổi giao châu thành An Nam đô hộ phủ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	C	D

BT 2:

1-B,2-A,3-C

4. Hoạt động tìm tòi mở rộng

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Giải thích vì sao chính sách đồng hoá của các triều đại phương kiến phương Bắc lại thất bại

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS
- **Dặn dò:** HS chuẩn bị cho tiết 2 của bài 15: Tìm hiểu những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

TIẾT 32+33 BÀI 15. CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC (tt)

Ngày soạn: 6/2/2024

Ngày dạy:

I.MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế, xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của triều đại phong kiến phương Bắc.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Biết đồng cảm và chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân dân dưới ách thống trị ngoại xâm, bước đầu nhận thức được giá trị của độc lập, tự chủ.

4. Học sinh khuyết tật

- **Nắm được một số chuyển biến về kinh tế của nước Âu Lạc.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ phóng to đơn vị hành chính nước ta thời thuộc Đường.
- Các hình ảnh minh họa có liên quan đến nội dung bài học.

2. Học sinh

- SGK, tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ôn tập kiến thức cũ

Câu 1: Địa danh nào dưới đây không phải là trị sở của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kỳ Bắc thuộc?

- A. Thành Cổ Loa.
- B. Thành Luy Lâu.
- C. Thành Tống Bình.
- D. Thành Đại La

Câu 2: Đâu không phải là chính sách đồng hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc?

- A. Xoá bỏ các phong tục của dân Việt
- B. Giữ nguyên các phong tục của dân Việt
- C. Mở trường dạy chữ Hán
- D. Đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt

Câu 3: Đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Hán ở các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là

- A. Thứ sử
- B. Huyện lệnh
- C. Thái thú
- D. Tiết độ sứ

Câu 4: Ý nào dưới đây không thể hiện đúng chính sách cai trị kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc?

- A. Áp đặt chính sách, tô thuế nặng nề.
- B. Chiếm ruộng của Âu Lạc lập thành ấp, trại.
- C. Bắt nhân dân ta cống nạp các sản vật quý trên rừng dưới biển
- D. Cho phép nhân dân bản địa sản xuất muối và sắt

B2: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	C	D

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc

- a. Mục tiêu:** Nắm được những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc
- b. Tổ chức thực hiện**

Hoạt động dạy học	Nội dung kiến thức
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: Chuyển biến về kinh tế. Quan sát những bức hình sau và cho biết đó là nghề nào? (HSKT)  Nhiệm vụ 2: Chuyển biến về xã hội: Hoàn thành phiếu học tập sau  ? Theo em từng lớp nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? vì sao? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức	2. Những chuyển biến về kinh tế - xã hội trong thời kì Bắc thuộc. a. Chuyển biến về kinh tế: - Trồng lúa vẫn là nghề chính bên cạnh nghề trồng cây hoa màu, cây ăn quả và chăn nuôi. - Kỹ thuật đắp đê, làm thủy lợi phát triển tạo nên những cánh đồng chuyên canh cây lúa rộng lớn. - Nghề sắt vẫn phát triển cùng với các nghề đúc đồng, làm gốm, làm mộc, làm đồ trang sức.... - Quan hệ buôn bán trong và ngoài khu vực được đẩy mạnh hơn trước b. Chuyển biến về xã hội: - Một số quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hóa - Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành.

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Nghề thủ công mới xuất hiện ở nước ta thời Bắc thuộc:

- A. Nghề làm sắt.
- B. Nghề làm giấy
- C. Nghề đúc đồng
- D. Nghề làm gốm

Câu 2: Tầng lớp nào trong xã hội đóng vai trò lãnh đạo người Việt đấu tranh giành độc lập, tự chủ trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Địa chủ người Việt
- B. Quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hoá..
- C. Nông dân làng xa
- D. Hào trưởng bản địa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2
Đáp án	B	A

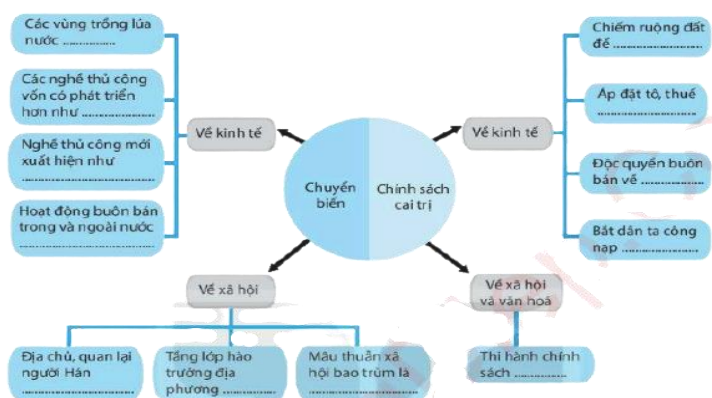
HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

DẶN DÒ HS: CHUẨN BỊ BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (T1)

? Em hãy nêu diễn biến và cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

TIẾT 34 BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (T1)

Ngày soạn: 15/2/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

4. Học sinh khuyết tật

- Nắm được nguyên nhân dẫn tới các cuộc khởi nghĩa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Giáo án soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập.
- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0 (nếu có thể).
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Món quà năm mới”

Câu 1: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta về mặt văn hoá?

Câu 2: Về kinh tế triều đại phong kiến phương Bắc độc quyền về:

Câu 3: Nghề mới nào xuất hiện ở nước ta thời kì Bắc thuộc?

Câu 4: Ai sẽ là thủ lĩnh những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1: Đồng hoá nhân dân ta

Câu 2: Muối và sắt

Câu 3: Làm giấy và thủy tinh

Câu 4: Các hào trưởng người Việt

Chính sách thôn tính, sáp nhập và đồng hóa của các triều đại phong kiến Trung Quốc nhằm xóa đi tên đất, tên làng, tiếng nói và phong tục của người Việt gặp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân ta. Một ngàn năm không chịu cúi đầu, lớp lớp các thế hệ “con Rồng cháu Tiên” không ngừng vùng lên đấu tranh giành lại giang sơn gấm vóc và độc lập tự chủ cho dân tộc

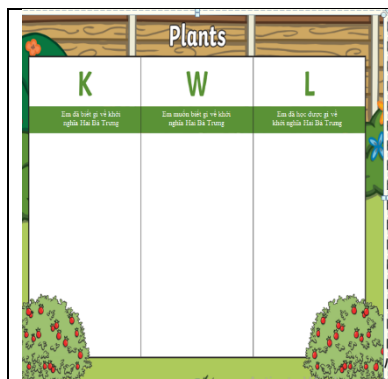
HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

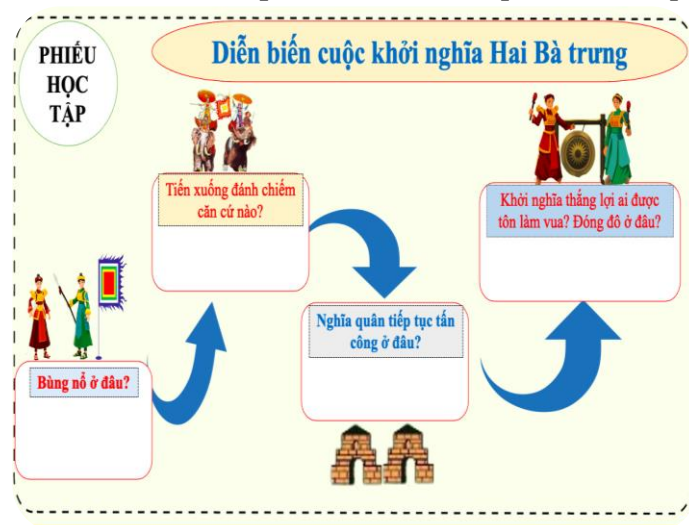
b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Gv tổ chức cho HS tìm hiểu kiến thức theo K-W-L (HSKT tham gia thảo luận)	1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng a. Nguyên nhân - Nguyên nhân sâu xa: + Chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán. - Nguyên nhân trực tiếp: + Cái chết của Thi Sách chồng của Trưng Trắc b. Diễn biến



Nhiệm vụ 2: Diễn biến

Thảo luận theo cặp đôi hoàn thành phiếu học tập sau



Nhiệm vụ 3: Kết quả, ý nghĩa

? Em hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

- Mùa xuân năm 40, Trưng Trắc, Trưng Nhị dấy binh khởi nghĩa.

- Nghĩa quân nhanh chóng chiếm được Mê Linh, Cổ Loa và hạ được thành Luy Lâu. Tô Định bỏ chạy về nước.

c. Kết quả

- Cuộc khởi nghĩa giành được quyền tự chủ trong ba năm nhưng cuối cùng bị đàn áp do tương quan lực lượng chênh lệch.

d. Ý nghĩa

- Là cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên trong thời Bắc thuộc. Thể hiện tinh thần yêu nước, ý chí anh hùng của người phụ nữ Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”

Câu 1: Cuộc khởi nghĩa đầu tiên bùng nổ trong thời kì Bắc thuộc do ai lãnh đạo?

- A. Lý Bí
- B. Mai Thúc Loan
- C. Bà Triệu
- D. Hai Bà Trưng

Câu 2: Kết quả lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Trưng Trắc lên ngôi vua
- B. Quân Tô Định phải rút quân về nước
- C. Đánh tan quân Mã Viện
- D. Lật đổ ách cai trị của nhà Hán , giành được độc lập, tự chủ

Câu 3: Địa bàn nổi ra cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ngày nay là:

- A. Hà Giang
- B. Hà Nội
- C. Hà Tĩnh
- D. Hà Nam

Câu 4: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là:

- A. Thi Sách bị giết
- B. Chính sách hà khắc của nhà Hán
- C. Cha của Hai Bà Trưng bị giết
- D. Báo thù cho cha

Câu 5: Bị giặc đuổi đến đường cùng Hai Bà Trưng đã gieo mình xuống dòng sông nào?

- A. Sông Đà
- B. Sông Cửu Long
- C. Sông Hát
- C. Sông Lam

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

BT 1:

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	D	B	A	C

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy đóng vai 1 hướng dẫn viên du lịch em hãy giới thiệu về:Lễ hội rước bánh trôi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- ? Nguyên nhân, thời gian, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu

.....

**TIẾT 35 BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP
TRƯỚC THẾ KỈ X (T2)**

Ngày soạn: 15/2/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

* **Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* **Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

4. HSKT

- **Nêu được nguyên nhân cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248).**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Kênh hình, lược đồ phóng to, giấy A2/A0
- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Xem những hình ảnh sau em liên tưởng đến nhân vật lịch sử nào?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248).

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Gv tổ chức cho HS tìm hiểu kiến theo công thức 5W+1H ? Why: Vì sao cuộc khởi nghĩa bùng nổ? (HSKT) ? Who: Ai là người lãnh đạo khởi nghĩa ? When: Cuộc khởi nghĩa nổ ra khi nào? ? Where: Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở đâu? ? What: Cuộc khởi nghĩa có kết quả gì? ? How: Cuộc khởi nghĩa có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248). a. Nguyên nhân - Do chính sách cai trị hà khắc của nhà Ngô b. Diễn biến - Năm 248, khởi nghĩa bùng nổ ở núi Nưa, Thanh Hóa - Nghĩa quân giành được chính quyền tại nhiều huyện lỵ, khiến cho Giao Châu chấn động - Nhà Ngô cử 8000 quân sang đàn áp c. Kết quả

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	- Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, Bà Triệu hi sinh ở núi Tùng d. Ý nghĩa - Làm rung chuyển chính quyền đô hộ, góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho các cuộc khởi nghĩa sau này.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Tây du kí”. Trong khu rừng có rất nhiều yêu quái xuất hiện, để cản đường thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh, Em hãy giúp thầy trò Đường Tăng bằng cách vượt qua các câu hỏi của yêu quái

Câu 1: Câu 1. “Vung tay đánh cọp xem còn dễ/Đối diện Bà Vương mới khó sao” là câu nói chỉ vị anh hùng dân tộc nào?

- A. Bà Triệu.
- B. Trưng Nhị.
- C. Trưng Trắc.
- D. Lê Chân.

Câu 2: Câu nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

- A. Thể hiện tinh thần tiếp thu nền văn hóa của nước ngoài.
- B. Thể hiện tinh thần cầu tiến.
- C. Khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.
- D. Khẳng định truyền thống đấu tranh kiên cường của dân ta

Câu 3: Bà Triệu khởi nghĩa vào năm nào?

- A. Năm 247.
- B. Năm 248
- C. Năm 249
- D. Năm 250

Câu 4: Bà Triệu dấy binh khởi nghĩa ở đâu?

- A. Núi Ba Vì
- B. Núi Phú Sĩ.
- C. Núi Bà Đen

D. Núi Nưa

Câu 5: Nguyên nhân dẫn đến cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

- A. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Hán
- B. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Ngô
- C. Chính sách cai trị hà khắc của nhà Đường
- D. Báo thù cho anh trai

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	B

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Giả sử, em là một người lính trong nghĩa quân của Bà Triệu, em hãy dựa vào nội dung bài học, thiết kế một tấm poster kêu gọi nhân dân hưởng ứng cuộc khởi nghĩa.

Trong poster nêu rõ:

- Bà Triệu là ai?
- Tại sao nhân dân nên tham gia hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu?
- Sau khi cuộc khởi nghĩa thành công thì nhân dân sẽ được hưởng quyền lợi gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- ? Nêu nguyên nhân, diễn biến và kết quả của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.**

.....

TIẾT 36 BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (T3)

Ngày soạn: 20/2/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

4. HSKT

- **Nêu được nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nghe đoạn nhạc và bài thơ sau em hãy cho biết. bài nhạc và đoạn thơ đnag nhắc đến nhân vật lịch sử nào?

*Chân mệnh đế vương có thể thôi
Năm năm ngôi báu, đã thôi rồi
Anh hùng không khỏi tuỳ theo số
Nhân kiệt, xem ra cũng chịu Trời
Mở nước Vạn Xuân, mà vận ngắn
Gặp thù muôn kẻ, lại dòng đôi
Bá Tiên lợi thế! Đành thua trận
Tiền Lý chừng như đã hết thời*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
---------------------	------------------

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS Theo dõi bảng sau và rút ra nhận xét về chính sách cai trị của nhà Lương đối với nước ta. Từ đó, em hãy cho biết, vì sao Lý Bí nổi dậy khởi nghĩa? (**HSKT tham gia thảo luận**)

Đặc điểm	NHÀ NGÔ	NHÀ LƯƠNG
Đơn vị hành chính	Chia nước ta thành ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.	Chia nước ta thành 6 châu: Giao Châu, Ái Châu, Đức Châu, Lợi Châu, Minh Châu, Hoàng Châu.
Hệ thống quan lại	Từ huyện trở lên là người Hán.	Chỉ sử dụng tôn thất của nhà Lương.
Chính sách bóc lột	Đặt ra nhiều thứ thuế.	Hàng trăm thứ thuế vô lý.

? Quan sát đoạn phim, kết hợp SGK trang 74, và tham gia trò chơi nối cột.

1. Đầu năm 542	a. Quân Lương xâm lược nước Vạn Xuân
2. Đầu năm 544	b. Khởi nghĩa bùng nổ
3. Năm 545	c. Lý Bí xưng là Lý Nam Đế lập ra nước Vạn Xuân
4. Năm 602	d. Nhà Tùy đem quân xâm lược

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm nối cột

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

a. Nguyên nhân

- Chính sách cai trị tàn bạo và hà khắc của nhà Lương.
- Lý Bí căm ghét chính quyền đô hộ.

b. Diễn biến

- Năm 542. Khởi nghĩa bùng nổ, Lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ Giao Châu.
- Năm 544. Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập nước Vạn Xuân.
- Năm 545. Quân Lương sang xâm lược, Triệu Quang Phục thay Lý Bí tiếp tục lãnh đạo kháng chiến.
- Năm 602. Nhà Tùy đưa quân sang xâm lược. Nước Vạn Xuân sụp đổ.

c. Ý nghĩa

- Cuộc khởi nghĩa Lý Bí: Chứng tỏ tinh thần độc lập, tự cường của người Việt.
- Góp phần thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.
- Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân: thể hiện ý thức tự chủ và khát vọng độc lập dân tộc.

1-b, 2-c, 3-a, 4-d.

Khai thác nhân vật Triệu Quang Phục bằng hồ sơ lịch sử và bằng tranh



TRIỆU QUANG PHỤC

Triệu Việt Vương Tên gọi khác

26/01/524 - 571 Năm sinh, năm mất

Xuất thân

Con của Thái phó Triệu Túc người huyện
Chu Diên

Ông nổi tiếng

Bậc thầy của chiến tranh du kích Việt Nam.

Ảnh minh họa: Achiuta Mindouze

Khai thác nhân vật Lý Bí bằng tranh truyện lịch sử



Sinh ngày 12/9 năm Quý Tỵ, "thần tướng" bẩm liệt, không phải người thường, khi sinh có mưa gió nổi lên, hương thơm đầy phòng

Tranh truyện Lịch sử: Lý Bí

Thuở nhỏ thông minh, chuyên cần đèn sách, học rộng hiểu sâu, giỏi cả văn võ.



Căm ghét bọn đô hộ, Lý Bí về quê, chiêu binh khởi nghĩa



Thấy Lý Bí có tài, Tiêu Tư mời ra làm quan, giữ chức chỉ huy quân đội ở Đức Châu



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

So sánh điểm giống và khác nhau giữa cuộc khởi nghĩa Lý Bí năm 542 và cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40

So sánh	Khởi nghĩa Lý Bí	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Giống nhau		
Khác nhau		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

So sánh	Khởi nghĩa Lý Bí	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng
Giống nhau	- Cùng nổ ra vào mùa xuân, chống lại chính quyền đô hộ của phong kiến phương Bắc. - Cùng giành được thắng lợi ban đầu và thành lập được chính quyền tự chủ một thời gian.	
Khác nhau	- Xung Đế (Lý Nam Đế)	- Xung Vương (Trưng Vương)
	Xây dựng nhà nước có: Quốc hiệu, kinh đô, chính quyền chia ban văn, ban võ	- Xây dựng chính quyền tự chủ, sơ khai
	Tồn tại trong khoảng hơn 50 năm	- Tồn tại trong 3 năm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS **d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thành bảng sau

Nhà nước	Người thành lập	Thời gian	Người đứng đầu
Vạn Xuân			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- **Dặn dò:** soạn nguyên nhân, diễn biến và kết quả cuộc kn của Mai Thúc Loan và Phùng Hưng.

TIẾT 37+38 BÀI 16. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X (T4)

Ngày soạn: 20/2/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực đặc thù:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước, tự hào về tinh thần bất khuất, “không chịu cúi đầu” của dân tộc, biết ơn các anh hùng dân tộc - lãnh tụ các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

4. HSKT

-Nêu ý nghĩa của Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Video clip về khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Lý Bí, khởi nghĩa Mai Thúc Loan,...

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

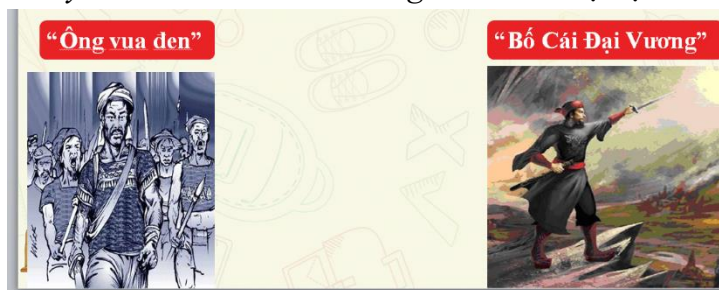
HOẠT ĐỘNG 1.KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Những tên gọi sau đây khiến cho em liên tưởng đến nhân vật lịch sử nào?



? Em có biết vì sao những nhân vật này lại được gọi như vậy không?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích video và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát video trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Mai Thúc Loan

Quê ở Mai Phụ, Hoan Châu (nay là Hà Tĩnh) nhưng sinh ra và lớn lên ở Nam Đàn, Nghệ An. Tương truyền ông mồ côi cha mẹ từ nhỏ, là người mạnh khỏe, giỏi võ, vật, chăm chỉ, có chí lớn.

Phùng Hưng

Là hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Nội), giàu lòng thương dân, hay giúp đỡ người nghèo. Xuất thân trong một gia đình giàu có, có uy tín lớn đối với nhân dân trong vùng

Ông có sức khỏe phi thường, có thể xô ngã trâu, đánh được hổ.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

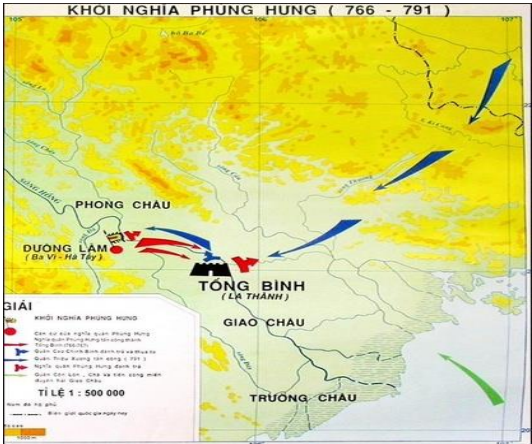
- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

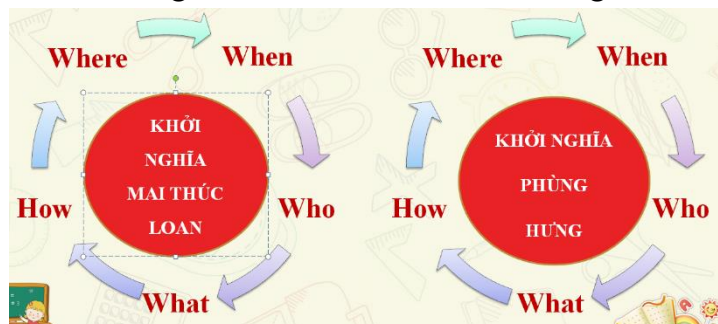
4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Khởi nghĩa Phùng Hưng

a. Mục tiêu: HS rút ra nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung bài học
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi ? Em hãy theo dõi đoạn phim tư liệu dưới đây và chỉ ra điểm chung về nguyên nhân bùng nổ hai cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Phùng Hưng. ? Quan sát lược đồ diễn biến cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng, lắng nghe GV tường thuật, sau đó hoàn thành nhiệm vụ  	4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan, Khởi nghĩa Phùng Hưng a. Nguyên nhân - Do chính sách cai trị tàn bạo, vơ vét của nhà Đường đối với nhân dân ta. - Không cam chịu điều đó, nhiều thủ lĩnh đã phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. b. Diễn biến - Năm 542. Khởi nghĩa bùng nổ, lật đổ chính quyền đô hộ, làm chủ Giao Châu. - Năm 544. Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập nước Vạn Xuân. - Năm 545. Quân Lương sang xâm lược, Triệu Quang Phục thay Lý Bí tiếp tục lãnh đạo kháng chiến. - Năm 602. Nhà Tùy đưa quân sang xâm lược. Nước Vạn Xuân sụp đổ. c. Ý nghĩa - Cuộc khởi nghĩa Lý Bí: Chứng tỏ tinh thần độc lập, tự cường của người Việt.

? Hoàn thành vòng tròn 4W1H về diễn biến, kết quả của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng



? Kết quả của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng như thế nào? Hai cuộc khởi nghĩa này có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc? (HSKT)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

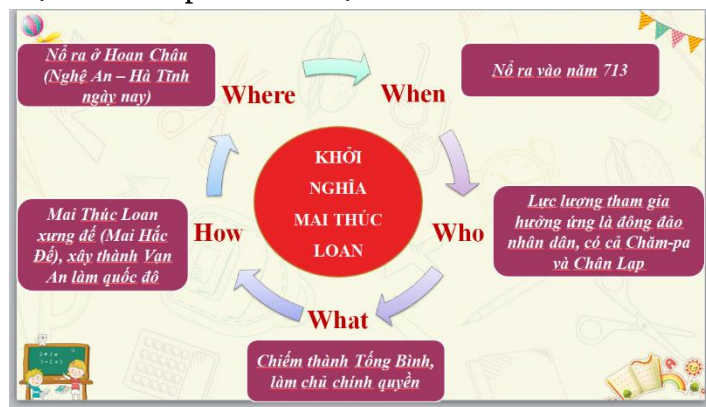
- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm nổi bật



- Góp phần thúc đẩy các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.

- Sự ra đời của nhà nước Vạn Xuân: thể hiện ý thức tự chủ và khát vọng độc lập dân tộc.



Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Ong non học việc

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Dấu tích của thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan hiện nay nằm ở đâu?

- A. Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- B. Huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
- C. Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- D. Huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng đã bao vây chiếm thành Tống Bình, tự sắp xếp được việc cai trị trong vòng bao nhiêu lâu?

- A. 9 năm
- B. 3 năm
- C. 10 năm
- D. 60 năm

Câu 3. Tên gọi “Bố cái đại vương” là của ai?

- A. Mai Thúc Loan
- B. Lý Bí
- C. Bà Triệu
- D. Phùng Hưng

Bài 2: Hãy xác định các câu sau đây đúng hay sai về nội dung lịch sử?

1. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan không chỉ lan rộng ra cả nước mà còn được nhân dân Chăm pa, Chân Lạp hưởng ứng.
2. Hiện nay, ở làng Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội vẫn còn đền thờ người anh hùng Phùng Hưng)
3. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và Phùng Hưng đều diễn ra vào thế kỉ VIII, chống lại nhà Đường và đều giành được quyền tự chủ trong thời gian rất dài

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thiện sơ đồ thời gian bùng nổ, tên cuộc khởi nghĩa và kết quả của các cuộc khởi nghĩa em đã được học.



B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Dự kiến sản phẩm



B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- ? Hiện nay thực trạng ngôn ngữ “tự chế” của giới trẻ. Em suy nghĩ gì về vấn đề này?

TIẾT 39 BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT (T1)

Ngày soạn: 3/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên

* Năng lực riêng:

- Khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc về sức mạnh cội nguồn của nền văn hoá Việt chính là nền tảng để dân tộc Việt Nam trường tồn, phát triển dù đứng trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

4. HSKT.

- **Nêu được sức sống của nền văn hoá bản địa**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình minh hoạ về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc.
- Máy tính, máy chiếu; giấy A0.

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Đây là phong tục gì của nước ta?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thủ tiêu văn hóa của người Việt nhưng sau hàng nghìn năm vẫn không đạt được mục đích. Điều gì đã tạo ra sự kì diệu đó? Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, em có biết, người Việt đã làm gì để bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống của mình

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sức sống của nền văn hoá bản địa

a. Mục tiêu: HS liên hệ và nhận biết được những nét văn hoá của người Việt cổ vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi ? Hãy kể 1 số chính sách đồng hoá nhân dân ta của các triều đại phong kiến phương Bắc Làm việc cặp đôi ? Em hãy kể các phong tục tập quán , tín ngưỡng của nhân dân ta có từ thời Văn Lang-Âu Lạc? (HSKT) ? Hiện nay thực trạng ngôn ngữ 'tự chế' của giới trẻ. Em suy nghĩ gì về vấn đề này? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. GV cho HS xem video về Triệu Quang Phục cuộc chiến tại đầm Dạ Trạch để bổ sung kiến thức cho HS Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. GV mở rộng Chúng ta mất nước nhưng không mất tiếng nói, vẫn bảo tồn được những yếu tố văn hoá truyền thống đã định hình từ thời Văn Lang - Âu Lạc. Giữ được tiếng nói của một dân tộc là một nguyên nhân quan trọng khiến Việt Nam là trường hợp hiếm hoi trong lịch sử thế giới dù mất nước từ	1. Sức sống của nền văn hoá bản địa - Tiếng Việt vẫn được truyền dạy cho con cháu. - Những tín ngưỡng truyền thống tiếp tục được duy trì.

rất sớm và kéo dài hơn mười thế kỉ nhưng vẫn giành lại được độc lập.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Ô chữ

Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. (7 chữ cái): Truyền thuyết giải thích về một phong tục có nội dung ca ngợi tình nghĩa vợ chồng, tình cảm anh em.

Câu 2. (7 chữ cái): Phong tục được người Việt cổ sử dụng để làm đẹp và tránh bị thủy quái làm hại.

Câu 3. (9 chữ cái): Tín ngưỡng truyền thống của người Việt, để tưởng nhớ về cội nguồn.

Câu 4. (9 chữ cái): Người Việt xem đây là cách làm đẹp và bảo vệ răng.

Câu 5. (7 chữ cái): Nghề rèn đúc kim loại nổi tiếng của người Việt cổ.

Câu 6. (13 chữ cái): Tầng lớp đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc trong thời Bắc thuộc.

Câu 7. (7 chữ cái): Yếu tố này được coi là một tệ bào của xã hội.

Câu 8. (8 chữ cái): Tên vị hoàng tử nấu bánh chưng, bánh giầy để thờ cúng tổ tiên.

Câu 9. (6 chữ cái): Một phong tục phổ biến của người Việt cổ, ngày nay thường dùng trong lễ cưới hỏi.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Trầu cau

Câu 2: Xăm mình

Câu 3: Thờ tổ tiên

Câu 4: Nhuộm răng

Câu 5: Đúc đồng

Câu 6: Hào Trương Việt

Câu 7: Gia Định

Câu 8: Lang Liêu

Câu 9: Ăn trầu

Ô chữ bí mật: Tiếng Việt

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

GV gợi ý HS liệt kê những phong tục có từ thời Bắc thuộc, từ đó liên hệ với hiện tại để chỉ ra được những phong tục còn được bảo tồn đến ngày nay (HS có thể hỏi thêm người thân để xác định được câu trả lời phù hợp). Qua đó, giúp HS nhận thức rõ những giá trị của văn hoá truyền thống lịch sử đối với cuộc sống hiện tại.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.
- ?Hãy chỉ ra những bằng chứng trong tư liệu, chứng tỏ người Việt đã tiếp thu những yếu tố kĩ thuật của phương Bắc?

.....

TIẾT 40 BÀI 17. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT (T2)

Ngày soạn: 3/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên

*** Năng lực riêng:**

- Khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc về sức mạnh cội nguồn của nền văn hoá Việt chính là nền tảng để dân tộc Việt Nam trường tồn, phát triển dù đứng trước bất kì khó khăn, thử thách nào.

4. HSKT

- **Nêu một số nét văn hóa người Việt đã tiếp thu của Phương Bắc.**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Hình minh hoạ về cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá dân tộc.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt

được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hình ảnh và đoạn nhạc sau em hãy cho biết đây là ngày gì ở nước ta?



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa.

a. Mục tiêu: Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
---------------------	--------------------

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

?Hãy chỉ ra những bằng chứng trong tư liệu, chứng tỏ người Việt đã tiếp thu những yếu tố kĩ thuật của phương Bắc? **(HSKT tham gia thảo luận)**

Người Việt học được cách dệt vải cát bá (vải bông), làm đồ đồng vùng Lưỡng Quảng như đỉnh, bình hồ, gương, qua, gương đồng..., kĩ thuật làm gốm phong cách Nam Việt như gốm vẽ in hình học, bình 4-5 thân dính liền nhau và gốm phong cách Hán như đỉnh, bình, vò..., nghề làm giấy của Trung Quốc.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

GV mở rộng :

Khay gốm (Lạch Trường, Thanh Hoá) được làm bằng chất liệu đất sét mịn màu nâu trắng. Sự giao thoa văn hoá Hán - Việt được thể hiện qua hoa văn trang trí trên khay gốm: ở giữa khay gốm được trang trí hình ảnh ba con cá chum đầu vào nhau theo điển tích "Tam ngư châu nguyệt" là chủ đề quen thuộc trong nghệ thuật tạo hình Trung Quốc. Viền ngoài khay được trang trí hoa văn đường tròn tiếp tuyến mang đậm dấu ấn văn hoá Đông Sơn càng tạo cho chiếc khay gốm thêm sinh động



2. Tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa.

- Học một số phát minh kĩ thuật như làm giấy, chế tạo đồ thủy tinh
- Tiếp thu Đạo giáo đón nhận một số dòng Phật giáo rất hiện nhiều vị cao tăng nổi tiếng đã sang kinh đô nhà Đường để giảng kinh cho nhà Đường
- Tiếp thu một số lễ tết như tết Nguyên đán, Trung thu nhưng đã có sự vận dụng phù hợp với văn hóa người Việt
- Tiếp thu chữ Hán, một số quy tắc lễ nghĩa cách đặt tên hội giống người Hán. Chịu ảnh hưởng của tư tưởng gia trưởng, phụ quyền nhưng vẫn giữ gìn truyền thống tôn trọng người già và phụ nữ

Tiếp thu chữ Hán, một số quy tắc lễ nghĩa cách đặt tên họ giống người Hán.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi: Hái táo

Câu 1: Yếu tố tích cực nào của văn hoá Trung Hoa được truyền bá vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

- A. Nhuộm răng đen
- B. Chữ viết
- C. Làm bánh chưng
- D. Tôn trọng phụ nữ

Câu 2: Yếu tố kỹ thuật nào của văn hoá Trung Hoa được truyền bá vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

- A. Làm giấy
- B. Làm gốm
- C. Làm bánh chưng
- D. Đúc đồng

Câu 3: Trung tâm Phật giáo lớn nhất của nước ta thời Bắc thuộc?

- A. Mê Linh
- B. Cổ Loa
- C. Tống Bình
- D. Luy Lâu

Câu 4: Biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hoá của phương Bắc đối với nước ta đã thất bại

- A. Những cuộc đấu tranh chống lại phong kiến phương Bắc
- B. Tiếng Việt. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, phong tục tập quán vẫn được bảo tồn
- C. Đứng đầu xã là tù trưởng, hào trưởng người Việt
- D. Lễ hội diễn ra thường xuyên

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Dựa vào thông tin ở cột A, em hãy điền vào cột B tên của các chính sách cai trị trong lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa của chính quyền phong kiến phương bắc ở nước ta.

A. Chính sách	B. Lĩnh vực
1. Truyền bá Nho giáo.	
2. Bắt nhân dân ta phải thay đổi phong tục.	
3. Đưa người Hán đến ở lẫn với người Việt.	
4. Sáp nhập Âu Lạc thành quận, huyện của Trung Quốc.	

B2: Thực

hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau, bài 18
- ? Em có nhận xét gì về những nội dung của cuộc cải cách của Khúc Hạo?
- ? Cải cách của Khúc Hạo có ý nghĩa gì?

TIẾT 42 BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (T1)

Ngày soạn: 7/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một sổ tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

4. HSKT

- Nắm được nội dung cuộc cải cách của Khúc Hạo.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ về các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.
- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

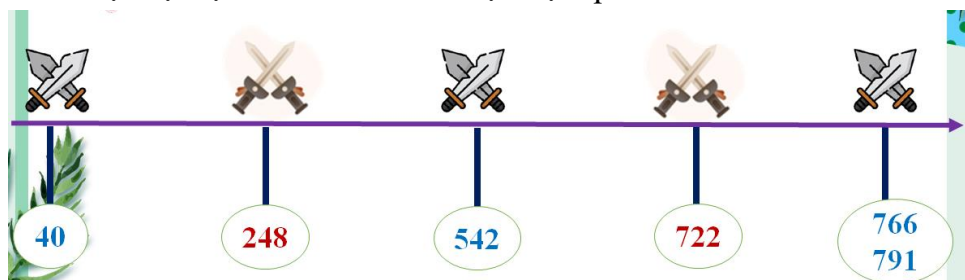
HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nấu bánh chưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hoàn thành các sự kiện lịch sử mà em đã được học qua sơ đồ sau



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

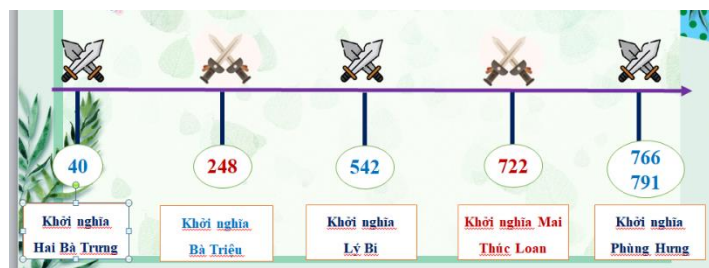
GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến



B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Mùa xuân năm 40 từng vang lên lời thề bất hủ của Hai Bà Trưng: “Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”. Nhưng trong khoảng gần 900 năm, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Bí, Mai Thúc Loan..đều chưa thực hiện được trọn vẹn lời thề. Cuối cùng ai là người đã hoàn thành trọn vẹn được ước nguyện độc lập thiêng liêng ấy và thực hiện thông qua sự kiện nào?

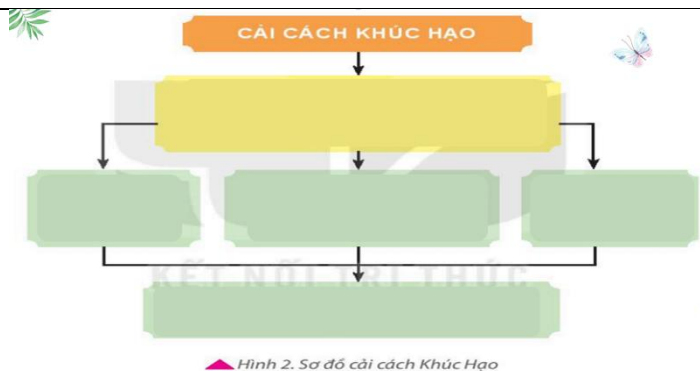
HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

a. Mục tiêu: Những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo GV yêu cầu HS theo dõi đoạn phim ngắn, kết hợp SGK và điền những từ còn thiếu vào chỗ trống - Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam. - Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị..... - Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là..... đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La. - Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là....., xây dựng chính quyền.....của người Việt. - Từ khóa: suy yếu, Khúc Thừa Dụ, tự chủ, giáng chức, tiết độ sứ ? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau, kết hợp SGK hoàn thành nội dung của cải cách của Khúc Hạo? (HSKT)	1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ a. Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo + Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ + Cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu. + Khúc Thừa Dụ đánh chiếm Thành Đại La, tự xưng là Tiết độ sứ. + Xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt. - Cải cách của Khúc Hạo + Năm 907, Khúc Hạo lên thay cha và tiến hành nhiều cải cách tiến bộ. + Ý nghĩa cuộc cải cách: Xây dựng chính quyền tự chủ, độc lập với phong kiến phương Bắc. Cùng cố sức mạnh của chính quyền mới.



Hình 2. Sơ đồ cải cách Khúc Hạo

? Em có nhận xét gì về những nội dung của cuộc cải cách của Khúc Hạo?

? Cải cách của Khúc Hạo có ý nghĩa gì?

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

- Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc suy yếu nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam.
- Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị giáng chức
- Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La.
- Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là tiết độ sứ xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

- Khúc Thừa Dụ (? - 907), Quê ở Hồng Châu (Ninh Giang, Hải Dương)

b. Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

- Diễn biến

- + Năm 930, Quân Hán đánh sang nước ta, lập quyền cai trị.
- + Năm 931, Dương Đình Nghệ từ Làng Giàng (Thanh Hóa) đem quân tấn công thành Đại La.

+ Quân Nam Hán cử quân tiếp viện nhưng bị đánh bại.

Kết quả: Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ.

Xuất thân là hào trưởng giàu có, tính tình thương người nên được kính phục.

Là người đặt cơ sở cho nền độc lập dân tộc Việt sau gần 1000 năm bị các triều đại Trung Hoa đô hộ.

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

Dương Đình Nghệ (874 - 937)

Quê ở làng Giàng (Thiệu Dương, Thiệu Hóa, Thanh Hóa), là một hào trưởng ở Châu Ái

Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần thứ nhất.

Năm 931 tự xưng là Tiết độ sứ.

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

-Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang đánh nước ta, Khúc Thừa Mĩ bị bắt, nhà Nam Hán cử Lý Tiến làm thứ sử Châu Gia, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình

- Năm 931, Dương Đình Nghệ đem quân từ Thanh Hóa ra Bắc bao vây, đánh chiếm thành Tống Bình

- Quân Nam Hán xin việc bình, Dương Đình Nghệ đã chủ động đón đánh quân tiếp viện, tướng giặc bị giết

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi Vòng quay may mắn.

Câu 1: Khúc Thừa Dụ xây dựng chính quyền tự chủ trong hoàn cảnh nào?

A. Nhà Đường suy yếu không kiểm soát được các vùng xa.

B. Khúc Thừa Dụ được vua Đường tin tưởng giao cho làm Tiết độ sứ.

C. Khi nhà Đường chuẩn bị xâm lược nước ta.

D. Tiết độ sứ An Nam Độc Cô Tôn bị giết

Câu 2: Việc giành lại và xây dựng chính quyền tự chủ tự do của họ Khúc, họ Dương có ý nghĩa gì?

- A. Kể từ đây đất nước được hoàn toàn độc lập, nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc.
- B. Là cơ sở ban đầu để nhân dân ta tiến lên giành độc lập dân tộc hoàn toàn.
- C. Mang lại quyền lực tối cao cho họ Khúc và họ Dương.
- D. Đất nước thoát khỏi ách đô hộ của nhà Đường

Câu 3: Kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần nhất như thế nào?

- A. Ta thắng
- B. Ta thua

Câu 4: Sau khi lên thay cha, Khúc Hạo đã quyết định xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối

- A. chính sự cốt chuộng cứng rắn, nhân dân đều tuân theo mà đất nước được yên ổn
- B. thi hành luật pháp nghiêm ngặt.
- C. chính sự cốt chuộng khoan dung, giản dị nhân dân đều được yên vui.
- D. làm theo chính sách trước kia của Khúc Thừa Dụ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : Viết về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thế kỉ thứ X: HS được tùy chọn nhân vật nhưng cần nêu được: quê hương, tiểu sử, thành tựu tiêu biểu của cá nhân, đóng góp của nhân vật đó,...

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết sau ôn tập kiểm tra giữa học kỳ II.

TIẾT 42 BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (T1)

Ngày soạn: 7/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

*** Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một sổ tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

4. HSKT

- Nắm được nội dung cuộc cải cách của Khúc Hạo.

II- THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ vẽ các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.

- Máy tính, máy chiếu; giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Nội dung:

GV: Chia giao nhiệm vụ cho HS.

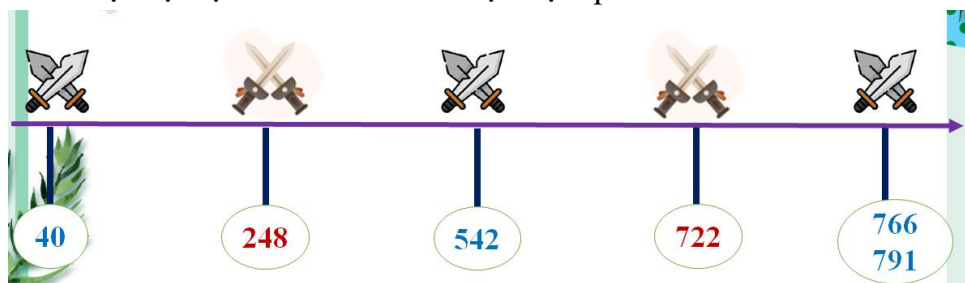
HS quan sát, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Nấu bánh chưng

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Hoàn thành các sự kiện lịch sử mà em đã được học qua sơ đồ sau



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi

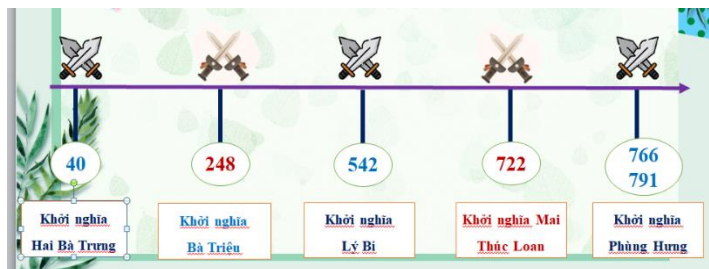
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến



B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Mùa xuân năm 40 từng vang lên lời thề bất hủ của Hai Bà Trưng: “Một xin rửa sạch nước thù. Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”. Nhưng trong khoảng gần 900 năm, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Bí, Mai Thúc Loan..đều chưa thực hiện được trọn vẹn lời thề. Cuối cùng ai là người đã hoàn thành trọn vẹn được ước nguyện độc lập thiêng liêng ấy và thực hiện thông qua sự kiện nào?

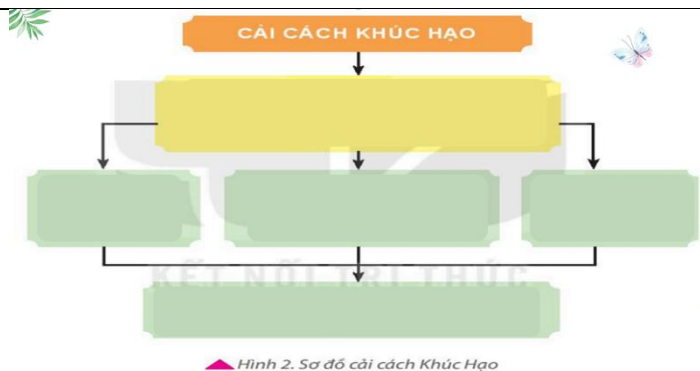
HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

a. Mục tiêu: Những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo GV yêu cầu HS theo dõi đoạn phim ngắn, kết hợp SGK và điền những từ còn thiếu vào chỗ trống - Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam. - Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị..... - Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là..... đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La. - Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là....., xây dựng chính quyền.....của người Việt. - Từ khóa: suy yếu, Khúc Thừa Dụ, tự chủ, giáng chức, tiết độ sứ ? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau, kết hợp SGK hoàn thành nội dung của cải cách của Khúc Hạo? (HSKT)	1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ a. Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo + Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ + Cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu. + Khúc Thừa Dụ đánh chiếm Thành Đại La, tự xưng là Tiết độ sứ. + Xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt. - Cải cách của Khúc Hạo



? Em có nhận xét gì về những nội dung của cuộc cải cách của Khúc Hạo?

? Cải cách của Khúc Hạo có ý nghĩa gì?

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Nhiệm vụ 1: Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

- Cuối thế kỉ IX, ở Trung Quốc suy yếu nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam.
- Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị giáng chức
- Giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La.
- Lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là tiết độ sứ xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

- Khúc Thừa Dụ (? - 907), Quê ở Hồng Châu (Ninh Giang, Hải Dương)

+ Năm 907, Khúc Hạo lên thay cha và tiến hành nhiều cải cách tiên bộ.

+ Ý nghĩa cuộc cải cách: Xây dựng chính quyền tự chủ, độc lập với phong kiến phương Bắc. Củng cố sức mạnh của chính quyền mới.

b. Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

- Diễn biến

- + Năm 930, Quân Hán đánh sang nước ta, lập quyền cai trị.
- + Năm 931, Dương Đình Nghệ từ Làng Giàng (Thanh Hóa) đem quân tấn công thành Đại La.

+ Quân Nam Hán cử quân tiếp viện nhưng bị đánh bại.

Kết quả: Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, khôi phục nền tự chủ.

Xuất thân là hào trưởng giàu có, tính tình thương người nên được kính phục.

Là người đặt cơ sở cho nền độc lập dân tộc Việt sau gần 1000 năm bị các triều đại Trung Hoa đô hộ.

Nhiệm vụ 2: Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử

Dương Đình Nghệ (874 - 937)

Quê ở làng Giàng (Thiệu Dương, Thiệu Hóa, Thanh Hóa), là một hào trưởng ở Châu Ái

Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần thứ nhất.

Năm 931 tự xưng là Tiết độ sứ.

? Quan sát video, lược đồ kết hợp thông tin SGK, trình bày ngắn gọn diễn biến và kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

-Mùa thu năm 930, quân Nam Hán sang đánh nước ta, Khúc Thừa Mĩ bị bắt, nhà Nam Hán cử Lý Tiến làm thứ sử Châu Gia, đặt cơ quan đô hộ ở Tống Bình

- Năm 931, Dương Đình Nghệ đem quân từ Thanh Hóa ra Bắc bao vây, đánh chiếm thành Tống Bình

- Quân Nam Hán xin việc bình, Dương Đình Nghệ đã chủ động đón đánh quân tiếp viện, tướng giặc bị giết

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi Vòng quay may mắn.

Câu 1: Khúc Thừa Dụ xây dựng chính quyền tự chủ trong hoàn cảnh nào?

A. Nhà Đường suy yếu không kiểm soát được các vùng xa.

B. Khúc Thừa Dụ được vua Đường tin tưởng giao cho làm Tiết độ sứ.

C. Khi nhà Đường chuẩn bị xâm lược nước ta.

D. Tiết độ sứ An Nam Độc Cô Tôn bị giết

Câu 2: Việc giành lại và xây dựng chính quyền tự chủ tự do của họ Khúc, họ Dương có ý nghĩa gì?

- A. Kể từ đây đất nước được hoàn toàn độc lập, nhân dân có đời sống ấm no, hạnh phúc.
- B. Là cơ sở ban đầu để nhân dân ta tiến lên giành độc lập dân tộc hoàn toàn.
- C. Mang lại quyền lực tối cao cho họ Khúc và họ Dương.
- D. Đất nước thoát khỏi ách đô hộ của nhà Đường

Câu 3: Kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần nhất như thế nào?

- A. Ta thắng
- B. Ta thua

Câu 4: Sau khi lên thay cha, Khúc Hạo đã quyết định xây dựng đất nước tự chủ theo đường lối

- A. chính sự cốt chuộng cứng rắn, nhân dân đều tuân theo mà đất nước được yên ổn
- B. thi hành luật pháp nghiêm ngặt.
- C. chính sự cốt chuộng khoan dung, giảm nhẹ nhân dân đều được yên vui.
- D. làm theo chính sách trước kia của Khúc Thừa Dụ.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : Viết về một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong thế kỉ thứ X: HS được tùy chọn nhân vật nhưng cần nêu được: quê hương, tiểu sử, thành tựu tiêu biểu của cá nhân, đóng góp của nhân vật đó,...

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết sau ôn tập kiểm tra giữa học kỳ II.

TIẾT 43: ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Ngày soạn: 10/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS biết: Khắc sâu kiến thức cơ bản của chương III.
- HS hiểu: Từ sau thất bại của An Dương Vương – 938 đất nước ta rơi vào thời kì Bắc thuộc. Chính sách cai trị của triều đại phong kiến phương Bắc, không cam chịu làm nô lệ nhân dân ta đã nổi dậy đấu tranh nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra. Trong thời kì này mặc dù bị áp bức bóc lột tàn nhẫn nhưng nhân dân ta vẫn can củ bền bỉ lao động, sáng tạo để duy trì cuộc sống thúc đẩy kinh tế phát triển.

2. Kỹ năng:

- HS thực hiện được: Có kĩ năng thống kê sự kiện.
- HS thực hiện thành thạo: Bước đầu biết khắc sâu kiến thức theo hệ thống sự kiện.

3. Thái độ:

- Thái độ: Học sinh nhận thức sâu sắc tinh thần dân tộc của nhân dân ta.
- Tính cách: Yêu quý kính trọng và biết ơn các vị anh hùng dân tộc.

4. Năng lực hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực tự học
- Năng lực chuyên biệt:
 - +Sử dụng lược đồ, tổng hợp những sự kiện lịch sử...
 - +Nhận xét, đánh giá những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử, nhân vật.
 - +Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra.

II. CHUẨN BỊ.

- 1. Giáo viên:** Giáo án, bản đồ có liên quan.

2. Học sinh: Bài soạn câu hỏi: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta thời kì Bắc thuộc như thế nào?

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp.

2. Kiểm tra bài cũ.

3. Tiến trình dạy và học.

a. Mục tiêu: giúp học sinh củng cố lại kiến thức đã học, từ bài 14 đến bài 17

b. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG KIẾN THỨC																														
*Hoạt động 1: + Tại sao sử cũ gọi giai đoạn từ 179 TCN – thế kỉ X là thời kì Bắc thuộc? TL: Do nước ta liên tiếp bị các triều đại phong kiến đô hộ. <i>Hs trả lời</i> + Nước ta bị mất tên, đổi tên mấy lần? TL: + Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta thời kì Bắc thuộc như thế nào? Chuyển ý. *Hoạt động 2 <u>Những cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc:</u>	<u>1. Ách thống trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nhân dân ta:</u> - Thời kì nước ta liên tiếp bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ. - Nhà Hán: Châu Giao. - Nhà Ngô: Tách Châu Giao thành Quảng Châu, Giao Châu. - Nhà Lương: Giao Châu. - Nhà Đường: An Nam đô hộ phủ. - Cai trị tàn bạo, thâm độc. - Đồng hoá nhân dân ta <u>2. Những cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc:</u> <table><tr><th>T</th><th>Thời gian</th><th>Tên cuộc khởi nghĩa</th><th>Lãnh đạo</th><th>Diễn Biến.</th></tr><tr><td>1</td><td>40</td><td>Hai Bà Trưng</td><td>Hai Bà Trưng</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>248</td><td>Bà Triệu</td><td>Bà Triệu.</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>542 – 602.</td><td>Lí Bí.</td><td>Lí Bí.</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Đầu thế kỉ VIII</td><td>Mai Thúc Loan</td><td>Mai Thúc Loan.</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>776 -791</td><td>Phùng Hưng.</td><td>Phùng Hưng</td><td></td></tr></table>	T	Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Lãnh đạo	Diễn Biến.	1	40	Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng		2	248	Bà Triệu	Bà Triệu.		3	542 – 602.	Lí Bí.	Lí Bí.		4	Đầu thế kỉ VIII	Mai Thúc Loan	Mai Thúc Loan.		5	776 -791	Phùng Hưng.	Phùng Hưng	
T	Thời gian	Tên cuộc khởi nghĩa	Lãnh đạo	Diễn Biến.																											
1	40	Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng																												
2	248	Bà Triệu	Bà Triệu.																												
3	542 – 602.	Lí Bí.	Lí Bí.																												
4	Đầu thế kỉ VIII	Mai Thúc Loan	Mai Thúc Loan.																												
5	776 -791	Phùng Hưng.	Phùng Hưng																												

*Hoạt động 3: Hoạt động nhóm: Nêu những chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội nước ta thời Bắc thuộc.	<u>3. Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá, xã hội:</u> + Kinh tế: - Nông nghiệp trồng lúa nước hai vụ thuận lợi, công cụ sắt phát triển. - TCN, thương nghiệp nghề thủ công cổ truyền vẫn được duy trì và phát triển như gốm, dệt vải.... + Văn hoá: Chữ Hán vào nước ta nhưng nhân dân ta vẫn nói tiếng nói riêng, nếp sống riêng với phong tục cổ truyền. + Xã hội: Mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân ta với chính quyền phong kiến Phương Bắc.
---	--

4. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được lịch sử Việt Nam từ thế kỷ VII đến đầu tk X.

*** Phương thức:** cho HS thảo luận nhóm bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Chính sách thâm độc nhất mà các triều đại phong kiến phương Bắc áp dụng với nước ta là gì? Vì sao?

Câu 2. Nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Câu 3. Hãy nêu sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở nước ta dưới thời kỳ Bắc thuộc?

*** Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1. Chính sách thâm độc nhất mà các triều đại phong kiến phương Bắc áp dụng với nước ta là gì? Vì sao?

- Về hành chính: Tiến hành phân lại đơn vị hành chính, cho quan lại người Hán quản lý từ cấp huyện trở lên, người Việt cai quản hương xã.

- Về kinh tế: Bóc lột, vơ vét bằng các loại thuế má nặng nề, bắt nhân dân ta phải cống nộp sản vật quý hiếm.

- Về văn hóa: Bắt nhân dân ta học tiếng Hán, học phong tục người Hán, cho người Hán sống chung để đồng hóa nhân dân ta, đây là chính sách thâm độc nhất.

- Nhận xét: đây là những chính sách vô cùng tàn bạo của phong kiến phương Bắc hòng bóc lột nhân dân, kìm hãm sự phát triển của nhân dân ta và chính sách đồng hóa của chúng là thâm độc nhất.

- Chính sách đồng hóa là thâm độc nhất bởi vì khi chúng thực hiện chính sách này, nhân dân ta và thế hệ sau này sẽ mất đi văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán dân tộc, mất đi ngôn ngữ, tiếng nói, dần dần biến người Việt thành người Trung Quốc, dễ dàng cai trị, biến nước ta thành 1 tỉnh, thuộc địa của chúng mãi mãi.

Câu 2. Nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

* Ý nghĩa: cuộc kn Hai Bà Trưng đã chứng minh tinh thần đấu tranh bất khuất của người Việt, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ sau này.

Câu 3. Hãy nêu sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở nước ta dưới thời kỳ Bắc thuộc?

** Chuyển biến về kinh tế ở Việt Nam dưới thời Bắc thuộc:*

- Nông nghiệp có sự chuyển biến mới về phương thức canh tác. Ví dụ: sử dụng phổ biến công cụ bằng sắt, sức kéo của trâu bò; biết kỹ thuật chiết cành...
- Nghề thủ công truyền thống (đúc đồng, rèn sắt, làm mộc...) tiếp tục phát triển với kỹ thuật cao hơn.
- Xuất hiện nhiều nghề thủ công mới: làm giấy, làm “vải Giao Chỉ”, làm thủy tinh.
- Hoạt động buôn bán trong nước và với các nước khác được đẩy mạnh hơn trước.

** Chuyển biến về xã hội ở Việt Nam dưới thời Bắc thuộc:*

- Xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc.
- + Giai cấp thống trị bao gồm: quan lại đô hộ và địa chủ.
- + Một số quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hóa. Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành từ bộ phận quý tộc trong xã hội Âu Lạc cũ có uy tín và vị thế quan trọng trong đời sống xã hội.
- + Bộ phận Lạc dân dưới thời Văn Lang – Âu Lạc đã bị phân hóa thành các tầng lớp: nông dân công xã; nông dân lệ thuộc (nhận ruộng đất của địa chủ để cày cấy - nộp lại địa tô) và nô tì.
- Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội là mâu thuẫn dân tộc giữa người Việt với chính quyền đô hộ phương Bắc.

5. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG:

*** Mục tiêu:**

- Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

*** Phương thức:** Nêu câu hỏi cho HS thảo luận câu hỏi sau: Em sẽ làm gì để bảo vệ đất nước?

GV tổng hợp lại một số kiến thức cơ bản

6. Dặn dò:

- Học ôn tất cả các bài đã học từ bài 14 đến bài 17 để kiểm tra.

TIẾT 44. KIỂM TRA GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh yếu kém.
- Kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng với 3 mức độ nhận thức: biết, hiểu, vận dụng của học sinh.
- Rèn luyện và củng cố kỹ năng phân tích đánh giá và liên hệ bản thân.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm khách quan, tự luận.
- Đề kiểm tra, ma trận, bảng đặc tả, hướng dẫn chấm (kèm theo)

III. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI MỚI

- Soạn chuẩn bị bài sau: Bài 18: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X
- ? Trình bày sự hiểu biết của em về Ngô Quyền
- ? Tại sao quân Nam Hán lại lựa chọn cửa biển Bạch Đằng là đường tấn công vào nước ta?
- Thảo luận cặp đôi
- ? Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào?

TIẾT 45+46 BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (T2+T3)

Ngày soạn: 20/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

* **Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* **Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một sổ tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động

thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

4. HSKT

- Biết được kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ vẽ các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.
- Máy tính, máy chiếu; giấy A0.

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nghe đoạn nhạc và sự hiểu biết của mình giải câu đố sau

*“Đố ai trên Bạch Đằng giang
Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời
Phá quân Nam Hán toi bời
Gươm thần độc lập giữa trời vang lên?”*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

- a. Mục tiêu:** - Những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức cách đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc. ? Trình bày sự hiểu biết của em về Ngô Quyền ? Tại sao quân Nam Hán lại lựa chọn cửa biển Bạch Đằng là đường tấn công vào nước ta? Thảo luận cặp đôi ? Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào? (HSKT) Chúng ta sẽ chặn đánh giặc bằng cách nào khi chúng tiến vào nước ta? Làm thế nào để đóng được cọc xuống lòng sông mà vẫn giữ được độ nhọn của cọc? Làm thế nào để Ngô Quyền cho quân lính đóng một số lượng cọc lớn như vậy trên sông mà quân Nam Hán không biết? Trong trường hợp kế hoạch tác chiến bị bại lộ, nếu là Ngô Quyền, sẽ xử lý thế nào? Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng ? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau: cho biết nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào? ? Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Sản phẩm dự kiến	2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 a. Kế hoạch đánh giặc. - Năm 938, quân Nam Hán do Hoàng Tháo làm chủ tướng đem quân vượt biển tiến vào xâm lược nước ta - Ngô Quyền gấp rút chuẩn bị kế hoạch chống giặc: + Lựa chọn trận địa đánh giặc ở sông Bạch Đằng + Sai người đem cọc lớn, vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển + Lợi dụng nước triều lên xuống để dụ đối phương vào trận địa cọc. → Kế hoạch độc đáo, khiến giặc bị động, bất ngờ. b. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng - Khi nước triều lên, Ngô Quyền cho lính ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch vào trận địa cọc. - Hoàng Tháo cho quân đuổi theo.

Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc. GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử <i>Ngô Quyền là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), cha là Ngô Mân, làm châu mục Đường Lâm. Ông là người có sức khỏe, chí lớn, mưu cao, có nhiều công lao được Dương Đình Nghệ tin tưởng và gả con gái cho.</i> <i>Năm 938, Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vang dội trên sông Bạch Đằng. Với thắng lợi này đã đặt dấu chấm hết cho mọi âm mưu xâm lược của quân Nam Hán, đồng thời cũng kết thúc thời kì Bắc thuộc của Việt Nam</i> <i>Mùa xuân năm 939, ông xưng là Ngô vương, đóng đô ở Cổ Loa (thuộc Hà Nội ngày nay). Năm 944, Ngô Vương qua đời, hưởng dương 47 tuổi.</i> Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào? Đóng cọc ở cửa sông sau đó dụ địch vào trận địa Cọc trên sông bạch đằng là cọc gỗ lim, tiết diện khoảng 30-40cm, chiều dài không rõ lắm nhưng mỗi cọc là 1 thân cây gỗ lim Có thể Ngô Quyền cho đóng cọc vào ban đêm, lúc quân địch không đề phòng nhất Có thể xử lý bằng cách tổ chức thêm lực lượng bao vây xung quanh khu vực cửa sông, đánh cảm tử, cầm chân quân địch đợi đến khi thủy triều rút, hoặc lựa chọn rút quân cố thủ nếu địch quá mạnh Nhân vật Hoàng Tháo <i>Hoàng Tháo là một đứa trẻ khờ dại, đem quân từ xa đến, quân lính còn mới mẻ, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức khỏe địch với quân mới mẻ, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế thua được không biết sẽ ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu, bịt sắt, đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không có chiếc nào ra thoát”.</i>	- Khi nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền hạ lệnh tổng tấn công. - Quân Nam Hán lọt vào trận địa cọc, bị đánh tan tã. → Cách đánh giặc độc đáo, chủ động, tận dụng lợi thế từ tự nhiên để tổ chức phục kích giặc. - Kết quả: + Hoàng Tháo tử trận. + Quân Nam Hán đại bại, phải rút quân về nước. - Ý nghĩa: + Đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán + Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta + Chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.
--	--

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

Bài tập: Em hãy hoàn thành bảng sau những nội dung phù hợp về các vị anh hùng dân tộc

Anh hùng dân tộc	Khúc Thừa Dụ	Dương Đình Nghệ	Ngô Quyền
Xuất thân từ thành phần nào			
Mốc thời gian liên quan đến nhân vật cần nhớ			
Công lao có gì đặc biệt			
Hiện có đền thờ ở đâu			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : Hoàn thành thẻ nhớ nhân vật lịch sử

Tiểu sử (năm sinh, năm mất, xuất thân,...)	
Công lao đối với dân tộc	
– Trước khi lên ngôi Hoàng đế:	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
 - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau: Bài 19
- ? Em hãy nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm Pa
- ? Tượng Lâm là tên địa danh nằm ở đâu? Vì sao nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa.

TIẾT 45+46 BÀI 18. BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X (T2+T3)

Ngày soạn: 20/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và sử dụng được thông tin của một sổ tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.

- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu đề phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng lòng yêu nước, biết ơn các anh hùng dân tộc đã có công giành lại nền độc lập, tự chủ cho người Việt.

4. HSKT

- Biết được kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ vẽ các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến trong thế kỉ X.

- Máy tính, máy chiếu; giấy A0.

2. Học sinh

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nghe đoạn nhạc và sự hiểu biết của mình giải câu đố sau

*“Đố ai trên Bạch Đằng giang
Làm cho cọc nhọn dọc ngang sáng ngời
Phá quân Nam Hán toi bời
Guom thần độc lập giữa trời vang lên?”*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

a. Mục tiêu: - Những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức cách đánh giặc của Ngô Quyền.

- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc. ? Trình bày sự hiểu biết của em về Ngô Quyền ? Tại sao quân Nam Hán lại lựa chọn cửa biển Bạch Đằng là đường tấn công vào nước ta? Thảo luận cặp đôi ? Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào? (HSKT) Chúng ta sẽ chặn đánh giặc bằng cách nào khi chúng tiến vào nước ta? Làm thế nào để đóng được cọc xuống lòng sông mà vẫn giữ được độ nhọn của cọc? Làm thế nào để Ngô Quyền cho quân lính đóng một số lượng cọc lớn như vậy trên sông mà quân Nam Hán không biết? Trong trường hợp kế hoạch tác chiến bị bại lộ, nếu là Ngô Quyền, sẽ xử lý thế nào? Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng ? Em hãy theo dõi đoạn phim ngắn sau: cho biết nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào? ? Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 a. Kế hoạch đánh giặc. - Năm 938, quân Nam Hán do Hoàng Tháo làm chủ tướng đem quân vượt biển tiến vào xâm lược nước ta - Ngô Quyền gấp rút chuẩn bị kế hoạch chống giặc: + Lựa chọn trận địa đánh giặc ở sông Bạch Đằng + Sai người đem cọc lớn, vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển + Lợi dụng nước triều lên xuống để dụ đối phương vào trận địa cọc. → Kế hoạch độc đáo, khiến giặc bị động, bất ngờ. b. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Sản phẩm dự kiến Nhiệm vụ 1: Kế hoạch đánh giặc. GV cho HS khai thác hồ sơ nhân vật lịch sử <i>Ngô Quyền là người Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội), cha là Ngô Mân, làm châu mục Đường Lâm. Ông là người có sức khỏe, chí lớn, mưu cao, có nhiều công lao được Dương Đình Nghệ tin tưởng và gả con gái cho.</i> <i>Năm 938, Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi vang dội trên sông Bạch Đằng. Với thắng lợi này đã đặt dấu chấm hết cho mọi âm mưu xâm lược của quân Nam Hán, đồng thời cũng kết thúc thời kì Bắc thuộc của Việt Nam</i> <i>Mùa xuân năm 939, ông xưng là Ngô vương, đóng đô ở Cổ Loa (thuộc Hà Nội ngày nay). Năm 944, Ngô Vương qua đời, hưởng dương 47 tuổi.</i> Nhiệm vụ 2. Trừ ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng Nếu em là Ngô Quyền em sẽ đối phó với quân Nam Hán như thế nào? Đóng cọc ở cửa sông sau đó dụ địch vào trận địa Cọc trên sông bạch đằng là cọc gỗ lim, tiết diện khoảng 30-40cm, chiều dài không rõ lắm nhưng mỗi cọc là 1 thân cây gỗ lim Có thể Ngô Quyền cho đóng cọc vào ban đêm, lúc quân địch không đề phòng nhất Có thể xử lý bằng cách tổ chức thêm lực lượng bao vây xung quanh khu vực cửa sông, đánh cảm tử, cầm chân quân địch đợi đến khi thủy triều rút, hoặc lựa chọn rút quân cố thủ nếu địch quá mạnh Nhân vật Hoàng Tháo <i>Hoàng Tháo là một đứa trẻ mồ côi, đem quân từ xa đến, quân lính còn mỏi mệt, lại nghe Công Tiễn đã chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta lấy sức khỏe địch với</i>	- Khi nước triều lên, Ngô Quyền cho lính ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch vào trận địa cọc. - Hoàng Tháo cho quân đuổi theo. - Khi nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền hạ lệnh tổng tấn công. - Quân Nam Hán lọt vào trận địa cọc, bị đánh tan tã. → Cách đánh giặc độc đáo, chủ động, tận dụng lợi thế từ tự nhiên để tổ chức phục kích giặc. - Kết quả: + Hoàng Tháo tử trận. + Quân Nam Hán đại bại, phải rút quân về nước. - Ý nghĩa: + Đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán + Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta + Chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.
--	--

<i>quân mỗi mệt, tất phá được. Nhưng bọn chúng có lợi ở chiến thuyền, ta không phòng bị trước thì thế thua được không biết sẽ ra sao. Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu, bịt sắt, đóng ngầm trước ở cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không có chiếc nào ra thoát”.</i> Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

Bài tập 1: Trắc nghiệm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao bài tập cho HS

Bài tập: Em hãy hoàn thành bảng sau những nội dung phù hợp về các vị anh hùng dân tộc

Anh hùng dân tộc	Khúc Thừa Dụ	Dương Đình Nghệ	Ngô Quyền
Xuất thân từ thành phần nào			
Mốc thời gian liên quan đến nhân vật cần nhớ			
Công lao có gì đặc biệt			
Hiện có đền thờ ở đâu			

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập : Hoàn thành thẻ nhớ nhân vật lịch sử

Tiểu sử (năm sinh, năm mất, xuất thân,...)	
Công lao đối với dân tộc	
– Trước khi lên ngôi Hoàng đế:	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau: Bài 19
? Em hãy nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm Pa
? Tượng Lâm là tên địa danh nằm ở đâu? Vì sao nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa.

TIẾT 47+48 BÀI 19. VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỶ II ĐẾN THẾ KỶ X

Ngày soạn: 20/3/2024 Ngày dạy:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình ra đời và phát triển của Vương quốc Chăm-pa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.
- Nhận biết được một số thành tựu tiêu biểu của Vương quốc Chăm-pa trong lịch sử.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa để lại trong lịch sử.

4. HSKT

- Biết được một số nét chính về văn hóa Chăm-pa

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ Vương quốc Chăm-pa (phóng to).
- Một số video về thành tựu văn hoá Chăm-pa.

2. Học sinh

- đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

? Hình ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì về trình độ kỹ thuật cũng như đời sống văn hóa của cư dân Chăm Pa xưa?



▲ Hình 1. Đài thờ Trà Kiệu (Quảng Nam)

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Cách nay hơn 2000 năm, vào thời đại đồ sắt, những cư dân sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam ngày nay là chủ nhân của nền văn hóa Sa Huỳnh. Thế kỉ II TCN, nhà Hán chiếm nước ta, lập quận Nhật Nam (vùng đất từ phía nam đèo Hoành Sơn đến Bình Định ngày nay). Không chịu khuất phục, dân Nhật Nam đã đứng lên lật đổ ách đô hộ của nhà Nam Hán, lập nhà nước độc lập. Lịch sử vương quốc cổ Chăm Pa bắt đầu.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Vương quốc Chăm-pa trên lược đồ Việt Nam.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Nhiệm vụ 1: Vương quốc Chăm – pa ra đời B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Em hãy nêu quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Chăm Pa Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. - GV gợi ý HS đọc thêm nội dung mục <i>Em có biết</i> giúp HS hiểu được cội nguồn bản địa của cư dân Chăm-pa cổ trên dải đất miền Trung Việt Nam (người Sa Huỳnh với nền văn hoá Sa Huỳnh thuộc thời đại đồ sắt). - Để làm rõ sự ra đời của Vương quốc Chăm-pa, GV có thể cho HS thảo luận và trả lời những câu hỏi gợi ý sau:	1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa a. Vương quốc Chăm – pa ra đời - Năm 192, nhân dân huyện Tượng Lâm đã nổi dậy chống ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập, lập ra nước Lâm Ấp (sau này gọi là Chăm-pa). b. Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên. - Phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với việc di chuyển kinh đô, lãnh thổ được mở rộng và thống nhất. Trải dài từ nam Hoành Sơn đến vùng Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay.

Tượng Lâm là tên địa danh nằm ở đâu? Vì sao nhân dân Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa?

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- HS biết được Tượng Lâm là huyện xa nhất thuộc quận Nhật Nam (ngày nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định). HS biết liên hệ với kiến thức đã học ở bài 16. *Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X*: Chính sách đô hộ và vơ vét tàn bạo cũng như tham vọng bành trướng lãnh thổ về phía nam của các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta ở khắp các miền với nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục. Trong đó, cuộc nổi dậy của nhân dân Tượng Lâm dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, đã lật đổ ách thống trị của nhà Hán, lập nên nước Lâm Ấp - tên gọi ban đầu của Nhà nước Chăm-pa).

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV hướng dẫn HS quan sát hình 2. *Lược đồ Vương quốc Chăm-pa* và khai thác thông tin trong mục b

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

-Yêu cầu HS kết hợp chỉ trên lược đồ giới hạn lãnh thổ của Vương quốc Chăm-pa và xác định các giai đoạn phát triển của vương quốc này từ thế kỉ II đến thế kỉ X (đã

tích hợp trên lược đồ các mốc phát triển của Vương quốc gắn với các địa danh, vùng địa lí khác nhau). Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận HS xác định được trên lược đồ không gian sinh tồn của cư dân Chăm-pa, hiểu được các giai đoạn phát triển của Vương quốc gắn với vai trò của các vùng địa lí khác nhau Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá kết quả hoạt động của HS . Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về kinh tế, tổ chức xã của Chăm-pa.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Nhiệm vụ 1: Hoạt động kinh tế B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Em hãy nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi. - GV mời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới. Nhiệm vụ 2: Tổ chức xã hội Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hãy vẽ sơ đồ mô tả các thành phần xã hội Chăm-pa và nêu nhận xét? ? Em có nhận xét gì về bộ máy nhà nước của người Chăm-pa? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập -GV hướng dẫn HS liên hệ với kiến thức đã học ở Chương 4: Khi Ấn Độ giáo được người Chăm tiếp nhận, lin-ga trở thành biểu tượng quyền lực nhà vua - người được đồng nhất	2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội a. Hoạt động kinh tế - Hoạt động kinh tế của người Chăm-pa rất đa dạng: Trồng lúa, chăn nuôi, các mặt hàng thủ công... - Chăm-pa là một trung tâm buôn bán quốc tế thời bấy giờ thời bấy giờ. b. Tổ chức xã hội - Vua được đồng nhất với vị thần, có quyền lực tối cao. Dưới vua là tể tướng và hai quan đại thần. - Đơn vị hành chính cấp địa phương có: Chân - huyện- làng. Đứng đầu có các chức quan. -Xã hội gồm 4 tầng lớp: Tầng lữ - Quý tộc - Dân tự do - Bộ phận nhỏ là nô lệ.

với một vị thần, gọi là Thần - Vua). GV có thể yêu cầu HS mở rộng so sánh tổ chức Nhà nước Chăm-pa với tổ chức Nhà nước Văn Lang để khắc sâu kiến thức. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận HS nhận thức được: Chăm-pa là nhà nước quân chủ: đứng đầu là vua được đồng nhất với một vị thần, có quyền lực tối cao; dưới vua là các quan đại thần và các quan đứng đầu ba cấp: châu, huyện, làng (tổ chức Nhà nước Văn Lang còn khá đơn giản và sơ khai). Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.	
--	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi "Ai là triệu phú"

Câu 1: Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở địa bàn nào?

- A. Các tỉnh miền Bắc
- B. Các tỉnh miền Nam
- C. Các tỉnh miền Tây
- D. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên nước ta

Câu 2: Vương quốc Chăm-pa được hình thành vào khoảng thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ V
- B. Cuối thế kỉ IV
- C. Cuối thế kỉ III
- D. Cuối thế kỉ II

Câu 3: Người Chăm-pa rất giỏi nghề gì?

- A. Trồng trọt
- B. Đi biển
- C. Chăn nuôi
- D. Thủ công nghiệp

Câu 4: Thành phần thấp nhất trong xã hội Chăm-pa là:

- A. Nô lệ
- B. Vua
- C. Tể tướng
- D. Nông dân tự do

Câu 5: Chăm-pa thời kì này đã buôn bán với các nước nào?

- A. Ấn Độ
- B. Trung Quốc
- C. Các nước Ả Rập
- D. Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Ả Rập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hoàn thành bảng sau

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế		
Đời sống xã hội		
Văn hóa tín ngưỡng		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

Sản phẩm dự kiến

Nội dung	Cư dân Chăm Pa	Cư dân Văn Lang Âu Lạc
Hoạt động kinh tế	Đa dạng, gồm trồng lúa nước, nghề thủ công, đi biển, giao thương biển.	Chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa nước.
Đời sống xã hội	Phân hoá khá sâu sắc, gồm ba thành phần: quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.	Sự phân hoá chưa thực sự sâu sắc, cũng gồm có quý tộc, nông

		dân làng xã và một bộ phận rất ít nô tì.
--	--	--

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau:

Câu hỏi: Kể tên các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Champa trong 10 thế kỷ đầu Công nguyên?

TIẾT 49: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

Ngày soạn: 15.4.2024 Ngày dạy:

I-MỤC TIÊU:

1- Kiến thức: hs nắm được:

- Những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ đại.
- Sự xuất hiện của loài người trên trái đất.
- Các giai đoạn phát triển của người nguyên thủy thông qua lao động sản xuất.
- Các quốc gia cổ đại .
- Những thành tựu văn hoá thời cổ đại

2-Kĩ năng:

HS thực hiện được:

- Kĩ năng khái quát.
- Kĩ năng quan sát và so sánh cho HS.

3-Thái độ: HS thấy được :

- Vai trò của các cuộc khởi nghĩa đầu tk X.
- Sự hình thành và phát triển của nước Champa và Phù Nam.

4- Định hướng năng lực được hình thành:

- Năng lực chung : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.
- Năng lực chuyên biệt: Tái hiện sự kiện, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip, so sánh, nhận xét, đánh giá ...

II-CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, sách giáo khoa, bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Sách giáo khoa, chuẩn bị bài.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1-Ôn định lớp

2-Kiểm tra bài cũ:

3- Tổ chức các hoạt động dạy học bài mới:

CÁC HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG KIẾN THỨC
? Nước Cham-pa ra đời ntn ? và quá trình phát triển của nó? ? Trình bày tình hình KT-VH Cham-pa từ thế kỷ II đến thế kỷ X. ? Nhà Lương siết chặt ách đô hộ như thế nào?	1. Nước Cham-pa độc lập ra đời a/ Sự thành lập: - Vào thế kỉ II, nhân dân Giao Châu nhiều lần nổi dậy. Nhà Hán tổ ra bắt lức, nhất là đối với các quận xa. - Năm 192 - 193, nhân dân Tượng Lâm đã nổi dậy giành độc lập. Khu Liên tự xưng làm vua, đặt tên nước là Lâm ấp. b/ Quá trình phát triển: - Có quân đội mạnh (4-51 vạn quân thường trực). - Đối nội: + Hợp nhất hai bộ lạc Dừa và Cau. - Đối nội: Tăng cường bành trướng mở rộng lãnh thổ lên phía Bắc (đến Hoành Sơn), xuống phía Nam (đến Phan Rang). - Đổi tên nước thành Cham-pa. - Đóng đô ở Sin-ha-pu-a (Trà Kiệu-quảng Nam) => NX: T.gian ngắn, tốc độ phát triển khá nhanh. 2. Tình hình kinh tế, văn hóa Cham-pa từ thế II đến thế kỉ X là: a/ Tình hình kinh tế: - Nông nghiệp: trồng lúa 2 vụ/ năm. + Biết làm ruộng bậc thang ở sườn đồi. + Sử dụng công cụ bằng sắt, dùng trâu bò kéo. + Họ sáng tạo ra xe đạp nước. + Trồng cây ăn quả và cây công nghiệp. + Khai thác lâm thổ sản. - TCN: + Biết đánh cá. + Nghề làm gốm khá phát triển . - Thương nghiệp: buôn bán trong và ngoài nước phát triển. b/ Văn hoá: -Có chữ viết riêng bắt nguồn từ chữ Phạn (Ấn Độ). - Theo đạo Bà La Môn và đạo Phật. - Phong tục tập quán: + Họ có tục hỏa táng người chết, ăntrầu cau, ở nhà sàn. Họ có quan hệ gần gũi chặt chẽ từ lâu đời với cư dân Việt. - Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc: đặc sắc 3/ Nhà Lương siết chặt ách đô hộ là: - Hành chính: Chia nước ta thành 6 châu - Về tổ chức: thi hành C/s phân biệt đối xử. Không cho người Việt giữ chức vụ quan trọng. - Tiến hành vơ vét & bóc lột rất tàn bạo, đặt ra hàng trăm thứ

? Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa, của cuộc KN Lý Bí? ? Nước Âu Lạc từ T.kỉ II TCN đến T.kỉ I có gì đổi thay ? ? Trình bày n.ngân, D.biến,Kquả,Ý nghĩa, của cuộc KN Hai Bà Trưng ? ? Chế độ cai trị của các triều đại PK phương Bắc đối với nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI ntn?	thuế. 4/ Khởi nghĩa Lý Bí. a) N.ngân: Do C/s áp bức bóc lột tàn bạo của nhà Lương. b) Diễn biến: - Mùa xuân năm 542, Lý Bí phát cờ K/n ở Thái Bình. Hào kiệt khắp nơi kéo về hưởng ứng. - Chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân chiếm hầu hết các quận, huyện. Tiêu Tư bỏ chạy về nước. - Từ tháng 4/542 đến Đầu năm 543, nhà Lương 2 lần đem quân sang đàn áp cuộc K/n nhưng đều bị T.bại. c) Kết quả: cuộc K/n giành T.lợi. d) N.ngân T.lợi: Sự lãnh đạo tài giỏi của Lí Bí, tinh thần đoàn kết, được nhân dân ủng hộ. e) Ý nghĩa: Khẳng định nền độc lập tự chủ của nd ta. 5/ Nước Âu Lạc từ T.kỉ II TCN đến T.kỉ I có những đổi thay là: - Năm 179 TCN, Triệu Đà sáp nhập Âu Lạc vào Nam Việt, chia Âu Lạc thành 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân. - Năm 111 TCN nhà Hán chia nước ta thành 3 quận: (Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam) gộp với 6 quận của TQ thành châu Giao, thủ phủ của châu Giao là Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). => MĐ: Xoá tên nước ta trên bản đồ TG. - Bắt nd ta phải nộp nhiều thứ thuế, cống nạp nhiều sản vật quý, theo phong tục tập quán của chúng => MĐ: Đồng hoá nd ta. 6/ Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ - Nguyên nhân: - + Do chính sách áp bức, bóc lột tàn bạo của nhà Hán. + Thái thú Tô Định giết chồng của Trưng Trắc. - Diễn biến: + Mùa xuân năm 40 (tháng 3 dương lịch), Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (Hà Tây). + Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh, Cổ Loa và Luy Lâu. - Kết quả: khởi nghĩa thắng lợi hoàn toàn. - N.ngân T.lợi: + Sự ủng hộ nhiệt tình của nd. + Sự lãnh đạo tài tình của Hai Bà Trưng 7/ Chế độ cai trị của các triều đại PK phương Bắc đối với nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI - Thế kỉ I Giao Châu gồm 9 quận (6 quận của Nam Việt cũ và 3 quận của Âu Lạc).
---	--

? Tình hình kinh tế nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI	-Đến thế kỉ III, Nhà Ngô tách châu Giao thành: Quảng Châu (thuộc Trung Quốc) và Giao Châu (Âu Lạc cũ) -Nhà Hán nắm quyền tới cấp huyện, Huyện lệnh là người Hán. -Nhân dân ta phải nộp nhiều thứ thuế, lao dịch và cống nộp nặng nề. -Chúng đưa người Hán sang ở với người Việt, bắt dân ta học chữ Hán, tiếng Hán, theo phong tục của người Hán. => MĐ: - Xoá tên nước ta trên bản đồ TG, biến nước ta thành quận, huyện thuộc TQ. -“Đồng hóa dân ta” 8/ Tình hình kinh tế nước ta từ thế kỉ I đến thế kỉ VI có gì thay đổi? a/ Thủ CN: - Nhà Hán nắm độc về sắt, nhưng nghề rèn sắt vẫn phát triển. -Nghề gốm, dệt vải rất phát triển. b/ Nông nghiệp : - Biết cấy lúa 2 vụ/ năm, biết dùng trâu bò làm sức kéo, đắp đê phòng lụt, làm thủy lợi -Trồng nhiều cây ăn quả: cam, bưởi, nhãn... với kĩ thuật cao, sáng tạo. -Chăn nuôi rất phong phú. c/ Thương nghiệp: buôn bán trong và ngoài nước phát triển.
--	--

DẶN DÒ: Các em học thuộc đề cương để chuẩn bị kiểm tra cuối học kì II.

TIẾT 50. KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

I. MỤC TIÊU

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh yếu kém.
- Kiểm tra, đánh giá về kiến thức, kỹ năng với 3 mức độ nhận thức: biết, hiểu, vận dụng của học sinh.
- Rèn luyện và củng cố kỹ năng phân tích đánh giá và liên hệ bản thân.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm khách quan 50%, tự luận 50%
- Đề kiểm tra, ma trận, bảng đặc tả, hướng dẫn chấm (kèm theo)

.....

TIẾT 51+52 BÀI 20. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Ngày soạn: 1/4/2024 Ngày dạy:

I.MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam xưa trên lược đồ Việt Nam.
- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam xưa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Phù Nam.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

***Năng lực riêng:**

- Biết khai thác và phân tích được thông tin của một số tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV.
- Biết tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng tinh thần yêu quê hương, đất nước, quý trọng những giá trị văn hoá của Vương quốc Phù Nam còn để lại trong lịch sử.
- Nhận thức về chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của đất nước Việt Nam hiện nay có nguồn gốc lâu đời, bản địa từ xa xưa.

4. HSKT

- HS biết được sự thành lập và suy vong của vương quốc Phù Nam.

II-THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ Vương quốc Phù Nam trong khu vực Đông Nam Á, Lược đồ khu vực Đông Nam Á ngày nay.
- Máy tính, máy chiếu, giấy AO (nếu có).

2. Học sinh

- SGK, một số đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản bước đầu của bài học cần đạt được, đưa học sinh vào tìm hiểu nội dung bài học, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS quan sát video nền văn minh Phù Nam và trả lời câu hỏi:

? Đoạn phim sau đang nói đến nền văn minh nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV:

- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Lịch sử Phù Nam dẫn dắt chúng ta trở về một thời kì xa xưa của vùng đất Nam Bộ, thuở những cư dân đầu tiên bắt đầu tìm đến các gò đất nổi trên vùng trũng sông nước mênh mông để dựng nhà, trồng lúa, trồng khoai. Không chỉ tìm cách thích ứng với điều kiện tự nhiên để tồn tại và phát triển, cư dân Phù Nam còn xây dựng được một vương quốc với những thành thị phát triển rực rỡ nhất khu vực Đông Nam Á trong bảy thế kỉ đầu Công nguyên

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của vương quốc Phù Nam

a. Mục tiêu: Xác định được vị trí của Vương quốc Phù Nam xưa trên lược đồ Việt Nam.

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam xưa.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Dựa vào thông tin lược đồ và tư liệu trong sách giáo khoa. Hoàn thành phiếu học tập sau?	1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của vương quốc Phù Nam - Ra đời: khoảng thế kỉ I



Quan sát lược đồ, em hãy cho biết Vương quốc Phù Nam xưa nằm trên địa bàn các quốc gia nào ngày nay?



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi. **(HSKT cùng tham gia)**

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

- Thế kỉ III – V: phát triển thành đế chế hùng mạnh ở khu vực Đông Nam Á
- Suy yếu ở thế kỉ VI. Đến thế kỉ VII bị Chân Lạp thôn tính.
- Trung tâm chính trị, kinh tế: Thương cảng Óc Eo.

PHIẾU HỌC TẬP Sự thành lập, phát triển và suy vong -GV nhấn mạnh mốc ra đời của Nhà nước Phù Nam gắn liền với sự phát triển của văn hoá Óc Eo (giống như văn hoá Đông Sơn với Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, văn hoá Sa Huỳnh với Nhà nước Chăm-pa). Sự ra đời của Phù Nam được phản ánh qua truyền thuyết về Hồn Điện và Liễu Diệp (cũng giống như huyền thoại Con Rồng, cháu Tiên lập nước Văn Lang). -GV hướng dẫn HS căn cứ vào những mốc thời gian đã được cung cấp trong SGK để thiết lập trục thời gian về các mốc hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam. HS thiết lập trục thời gian và xác định các dấu mốc quan trọng gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Vương quốc Phù Nam trên đó. HS có thể vẽ bằng nhiều cách khác nhau. GV khuyến khích HS, miễn là đảm bảo được các ý sau: Thế kỉ I: hình thành. Thế kỉ III - V: phát triển hùng mạnh. Đầu thế kỉ VI: suy yếu. Thế kỉ VII: bị người Chân Lạp xâm chiếm. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động dạy – học	Nội dung kiến thức
Nhiệm vụ 1: Hoạt động kinh tế B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Đọc SGK, quan sát hình ảnh, em hãy: ? Kể tên các ngành kinh tế cơ bản của cư dân Phù Nam?	2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội a. Hoạt động kinh tế

? Tìm các dẫn chứng chứng minh người Phù Nam rất giỏi nghề buôn bán



▲ Hình 2. Một số sản phẩm đồ gốm của cư dân Phù Nam



▲ Hình 3. Khuôn đúc bằng đá



▲ Hình 4. Đồng tiền kim loại của Phù Nam được tìm thấy ở di chỉ văn hoá Óc Eo



▲ Hình 5. Huy chương La Mã được tìm thấy ở di chỉ Nền Chùa (Kiên Giang)

? Em có nhận xét gì về các sản phẩm thủ công của cư dân Phù Nam

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.
- GV chú ý hướng dẫn HS khai thác thông tin trong đoạn tư liệu cùng với các hình 2, 3, 4, 5 để giúp HS hình dung rõ nét hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam xưa. Đó vừa là nền kinh tế sản xuất tại chỗ (thông qua hình 2, 3), vừa có hoạt động kinh tế buôn bán trong nước và với nước ngoài (thông qua hình 4, 5 và đoạn tư liệu). Sự “ăn khớp” thông tin trong đoạn tư liệu về *Sử liệu Phù Nam* với hình đồng tiền Phù Nam, huy chương La Mã được tìm thấy ở các di chỉ thuộc văn hoá Óc Eo chứng tỏ điều đó. Đây là đặc điểm khác biệt khá rõ so với kinh tế của Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Tổ chức xã hội

- Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau: Trồng lúa nước, chăn nuôi, đánh bắt thủy hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức....

- Người Phù Nam giỏi nghề buôn bán. Buôn bán với nhiều nước như Trung Quốc, Chăm-pa, Ấn Độ...

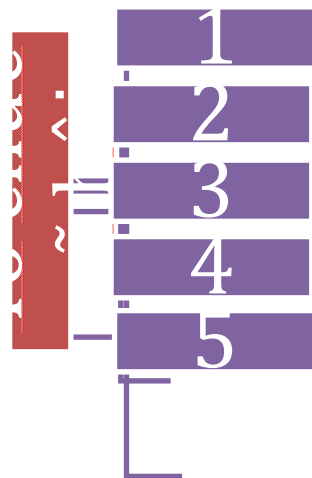
b. Tổ chức xã hội

- Vua là người đứng đầu và có quyền lực cao nhất.

- Xã hội Phù Nam được chia thành năm thành phần chính: tầng lớp quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Dựa vào thông tin SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ tổ chức xã hội Phù Nam.



Thảo luận cặp đôi

? Tổ chức xã hội của nước Phù Nam có những nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận theo cặp đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2-3 HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Sản phẩm dự kiến



? Tổ chức xã hội của nước Phù Nam có những nét tương đồng nào với xã hội Chăm-pa?

+ Về tổ chức nhà nước: Cũng giống như Vương quốc Chăm-pa cổ, Phù Nam là nhà nước quân chủ chuyên

ché: vua đứng đầu vương quốc và có quyền lực cao nhất; dưới vua là hệ thống quan lại trong một hệ thống chính quyền có nhiều cấp bậc. + Về các thành phần, tầng lớp xã hội: xã hội Phù Nam phân chia thành 5 bộ: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân. + Nét tương đồng so với xã hội Chăm-pa đó là sự hình thành của tầng lớp thương nhân. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1. Vương quốc Phù Nam ra đời vào khoảng....

- A. thế kỉ I TCN
- B. thế kỉ I
- C. thế kỉ II
- D. thế kỉ III

Câu 2: Lãnh thổ chủ yếu của Vương quốc Phù Nam thuộc khu vực nào của Việt Nam hiện nay?

- A. Nam Trung Bộ
- B. Nam Bộ
- C. Tây Nam Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 3: Vương quốc Phù Nam dần suy yếu và bị thôn tính bởi:

- A. Ấn Độ
- B. Chân Lạp
- C. Xiêm
- D. Chăm-pa

Câu 4: Cảnh thị tiêu biểu cho việc buôn bán của cư dân Phù Nam là:

- A. Hội An
- B. Đà Nẵng
- C. Óc Eo
- D. Vũng Tàu

Câu 5: Xã hội Phù Nam không bao gồm lực lượng nào dưới đây?

- A. Nô lệ
- B. Quý tộc
- C. Nông dân
- D. Thương nhân

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của câu hỏi và trả lời
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	B	B	B	C	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Hãy so sánh về hoạt động kinh tế giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm pa?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau:

Hoàn thành bảng sau:

Lĩnh vực	Thành tựu văn hóa tiêu biểu
Tôn giáo	
Điêu khắc	
Chữ viết	
Đời sống vật chất	
Đời sống tinh thần	

